

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc



BẢNG KÊ CHI TIẾT HỢP GIAO KHOẢN
THỰC HIỆN GIAO KHOẢN THEO NGHỊ ĐỊNH 135
(NÔNG TRƯỜNG 1)

(Bạt hành kèm theo Kết luận số 11 /KL-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT hệ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Cộng						8,376,481.0
1	Nông trường 1	26	123	NILD0599	01-08-11	Bùi Thị Mai	6,902.0
	Nông trường 1	40	22	NILD0599	01-08-11	Bùi Thị Mai	13,471.0
	Nông trường 1	40	22	NILD0599	01-08-11	Bùi Thị Mai	2,831.0
2	Nông trường 1	24	245	NIKH2309	01-08-11	Bùi Thị Mừng	8,307.0
	Nông trường 1	24	245	NIKH2309	01-08-11	Bùi Thị Mừng	2,693.0
	Nông trường 1	41	20	NI2309	01-09-14	Bùi Thị Mừng	15,787.0
	Nông trường 1	42	89	NI2309	01-09-14	Bùi Thị Mừng	13,000.0
3	Nông trường 1	49	226	NILD0049	01-09-14	Bùi Thị Trung	4,500.0
	Nông trường 1	49	205	NILD3045	01-09-14	Bùi Thị Trung	4,000.0
4	Nông trường 1	38	50	NIKH0882	01-08-11	Bùi Văn Huỳnh	12,054.0
	Nông trường 1	38	50	NIKH0882	01-08-11	Bùi Văn Huỳnh	9,046.0
5	Nông trường 1	26	92	NI0576	01-09-14	Đặng Kim Cương	8,164.0
	Nông trường 1	26	118	NI0576	01-09-14	Đặng Kim Cương	22,236.0
	Nông trường 1	26	191	NI0576	01-09-14	Đặng Kim Cương	15,160.0
	Nông trường 1	41	66	NI0576	01-09-14	Đặng Kim Cương	16,650.0
	Nông trường 1	41	8	NI0576	01-09-14	Đặng Kim Cương	19,000.0
	Nông trường 1	42	100	NI0576	01-09-14	Đặng Kim Cương	9,499.0
	Nông trường 1	42	11	NI0576	01-09-14	Đặng Kim Cương	13,357.0
6	Nông trường 1	49	215	NI0047	01-09-14	Đặng Quốc Báu	19,579.0
7	Nông trường 1	28	59	NILD0505	01-09-14	Đặng Quốc Thành	19,498.0
	Nông trường 1	40	36	NILD0505	01-08-11	Đặng Quốc Thành	13,143.0
	Nông trường 1	40	36	NILD0505	01-08-11	Đặng Quốc Thành	675.0
8	Nông trường 1	41	18	NILD2969	01-09-14	Đặng Quốc Vước	821.0
	Nông trường 1	41	18	NILD2969	01-09-14	Đặng Quốc Vước	16,479.0
9	Nông trường 1	40	4	NILD0600	01-08-11	Đặng Thị Mai	19,845.0
10	Nông trường 1	26	175	NI0406	01-09-14	Đặng Trọng Thường	17,271.0
11	Nông trường 1	36	22	NI0867	01-09-14	Đào Thị Loan	21,578.0
	Nông trường 1	38	53	NIKH0867	01-08-11	Đào Thị Loan	16,664.0
	Nông trường 1	38	53	NIKH0867	01-08-11	Đào Thị Loan	3,705.0
12	Nông trường 1	38	38	NIKH2294	01-08-11	Đào Xuân Hai	7,896.0
	Nông trường 1	41	13b	NIKH2294	01-08-11	Đào Xuân Hai	6,090.0
	Nông trường 1	41	13b	NIKH2294	01-08-11	Đào Xuân Hai	625.0
	Nông trường 1	48	1	NI2294	01-09-14	Đào Xuân Hai	5,223.0
	Nông trường 1	48	7	NI2294	01-09-14	Đào Xuân Hai	7,521.0
13	Nông trường 1	38	39	NI0630	01-09-14	Đinh Ngọc Sơn	14,643.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 1	38	39	N10755	01-09-14	Đinh Ngọc Sơn	25,427.0
14	Nông trường 1	41	67	N10931	01-09-14	Đỗ Thị Hồng Hiếu	15,268.0
	Nông trường 1	48	88	N10931	01-09-14	Đỗ Thị Hồng Hiếu	5,494.0
	Nông trường 1	49	208	NIKHO931	01-08-11	Đỗ Thị Hồng Hiếu	20,473.0
	Nông trường 1	49	208	NIKHO931	01-08-11	Đỗ Thị Hồng Hiếu	1,107.0
15	Nông trường 1	40	50	N1LD0617	01-09-14	Đoàn Thị Loan	14,688.0
16	Nông trường 1	41	52	N1LD0926	01-08-11	Đoàn Thị Thu Tâm	9,828.0
	Nông trường 1	41	52	N1LD0926	01-08-11	Đoàn Thị Thu Tâm	17,172.0
	Nông trường 1	48	90	N10926	01-09-14	Đoàn Thị Thu Tâm	3,145.0
	Nông trường 1	49	201	N1LD0926	01-08-11	Đoàn Thị Thu Tâm	11,465.0
	Nông trường 1	49	201	N1LD0926	01-08-11	Đoàn Thị Thu Tâm	30,184.0
17	Nông trường 1	49	114	N1LD0919	01-08-11	Dương Đình Dần	11,920.0
	Nông trường 1	49	114	N1LD0919	01-08-11	Dương Đình Dần	626.0
	Nông trường 1	49	114	N1LD0919	01-08-11	Dương Đình Dần	5,742.0
18	Nông trường 1	49	177	N13045	01-09-14	Dương Huy Chuyên	8,616.0
	Nông trường 1	49	177	N13045	01-09-14	Dương Huy Chuyên	6,084.0
	Nông trường 1	49	212	N13045	01-09-14	Dương Huy Chuyên	3,398.0
	Nông trường 1	49	212	N13045	01-09-14	Dương Huy Chuyên	4,212.0
	Nông trường 1	49	212	N13045	01-09-14	Dương Huy Chuyên	10,748.0
	Nông trường 1	49	216	N13045	01-09-14	Dương Huy Chuyên	4,252.0
	Nông trường 1	49	216	N13045	01-09-14	Dương Huy Chuyên	8,033.0
19	Nông trường 1	36	154	N10671	01-09-14	Dương Huy Đan	17,195.0
20	Nông trường 1	37	44	N10672	01-09-14	Dương Huy Danh	16,090.0
	Nông trường 1	37	56	N10672	01-09-14	Dương Huy Danh	9,175.0
21	Nông trường 1	23	49	N10927	01-09-14	Dương Huy Giáo	17,785.0
	Nông trường 1	23	66	N10927	01-09-14	Dương Huy Giáo	12,150.0
22	Nông trường 1	36	147	N10744	01-09-14	Dương Huy Hoàng	14,150.0
	Nông trường 1	37	14	NIKHO744	01-08-11	Dương Huy Hoàng	3,492.0
	Nông trường 1	37	15	N10744	01-09-14	Dương Huy Hoàng	6,417.0
	Nông trường 1	37	16	NIKHO744	01-08-11	Dương Huy Hoàng	14,996.0
	Nông trường 1	41	59	N10744	01-09-14	Dương Huy Hoàng	11,385.0
	Nông trường 1	41	59	N10744	01-09-14	Dương Huy Hoàng	16,615.0
	Nông trường 1	49	25	N10744	01-09-14	Dương Huy Hoàng	10,974.0
23	Nông trường 1	48	232	N10020	01-09-14	Dương Huy Hồng	12,423.0
	Nông trường 1	48	233	N10020	01-09-14	Dương Huy Hồng	20,427.0
24	Nông trường 1	38	57	N10015	01-09-14	Dương Huy Lĩnh	19,999.0
	Nông trường 1	38	57	N10015	01-09-14	Dương Huy Lĩnh	2,528.0
	Nông trường 1	38	57	N10015	01-09-14	Dương Huy Lĩnh	2,873.0
25	Nông trường 1	35	600	N1LD0649	01-08-11	Dương Huy Long	12,949.0
	Nông trường 1	35	600	N1LD0649	01-08-11	Dương Huy Long	9,267.0
	Nông trường 1	35	649a	N1LD0649	01-08-11	Dương Huy Long	5,000.0
	Nông trường 1	35	649b	N1LD0649	01-08-11	Dương Huy Long	14,854.0
	Nông trường 1	37	50	N1LD0649	01-09-14	Dương Huy Long	16,062.0
	Nông trường 1	42	90b	N1LD0649	01-09-14	Dương Huy Long	17,385.0
	Nông trường 1	49	220	N1LD0649	01-09-14	Dương Huy Long	8,721.0
26	Nông trường 1	35	517	N1LD0001	01-08-11	Dương Huy Phương (K	13,848.0
	Nông trường 1	35	517	N1LD0001	01-08-11	Dương Huy Phương (K	2,836.0

STT hệ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
27	Nông trường 1	49	5	NILD0751	01-08-11	Dương Huy Phương (L)	5,900.0
28	Nông trường 1	35	556	N10001	01-09-14	Dương Huy Phương(K)	6,319.0
	Nông trường 1	35	559	N10001	01-09-14	Dương Huy Phương(K)	6,397.0
	Nông trường 1	35	560	N10001	01-09-14	Dương Huy Phương(K)	1,876.0
29	Nông trường 1	37	28	NILD0013	01-08-11	Dương Huy Trung	9,596.0
	Nông trường 1	48	142a	NILD0013	01-08-11	Dương Huy Trung	13,800.0
	Nông trường 1	49	174	NILD0013	01-08-11	Dương Huy Trung	15,774.0
	Nông trường 1	49	175	NILD0013	01-08-11	Dương Huy Trung	11,684.0
	Nông trường 1	49	175	NILD0013	01-08-11	Dương Huy Trung	4,120.0
	Nông trường 1	49	183	NILD0013	01-08-11	Dương Huy Trung	15,480.0
30	Nông trường 1	37	66	NIKH2705	01-08-11	Dương Thị Anh	17,277.0
	Nông trường 1	37	66	NIKH2705	01-08-11	Dương Thị Anh	1,833.0
31	Nông trường 1	23	14a	NILD2571	01-08-11	Dương Thị Hạnh	10,078.0
	Nông trường 1	36	215	NILD2571	01-08-11	Dương Thị Hạnh	6,000.0
32	Nông trường 1	23	101	N10685	01-09-14	Dương Thị Hoàng	10,182.0
	Nông trường 1	23	113	N10685	01-09-14	Dương Thị Hoàng	16,600.0
33	Nông trường 1	23	11b	N10901	01-09-14	Dương Thị Ngoạn	1,153.0
	Nông trường 1	24	156	N10901	01-09-14	Dương Thị Ngoạn	28,720.0
	Nông trường 1	36	228B	N10901	01-09-14	Dương Thị Ngoạn	21,624.0
	Nông trường 1	37	24a	N10901	01-09-14	Dương Thị Ngoạn	6,503.0
	Nông trường 1	37	25	N10901	01-09-14	Dương Thị Ngoạn	9,897.0
	Nông trường 1	37	27a	N10901	01-09-14	Dương Thị Ngoạn	13,116.0
	Nông trường 1	37	32	N10901	01-09-14	Dương Thị Ngoạn	15,051.0
	Nông trường 1	41	28	NILD0901	01-08-11	Dương Thị Ngoạn	15,726.0
	Nông trường 1	41	28	NILD0901	01-08-11	Dương Thị Ngoạn	4,606.0
34	Nông trường 1	49	163	NILD0006	01-08-11	Dương Thị Tình	3,879.0
	Nông trường 1	49	163	NILD0006	01-08-11	Dương Thị Tình	13,694.0
35	Nông trường 1	49	112	NILD2993	01-08-11	Dương Thị Vinh	1,450.0
36	Nông trường 1	49	112	NILD2993	01-09-14	Dương Thị Vinh(C1)	16,500.0
37	Nông trường 1	37	3	N10675	01-09-14	Dương Thị Vỹ	15,910.0
38	Nông trường 1	40	68	NILD0099	01-08-11	Dương Văn Đông	7,300.0
39	Nông trường 1	40	32	NILD0604	01-08-11	Dương Xuân Ngột	17,986.0
	Nông trường 1	40	32	NILD0604	01-08-11	Dương Xuân Ngột	640.0
	Nông trường 1	41	3	N10604	01-09-14	Dương Xuân Ngột	16,112.0
40	Nông trường 1	41	2	NILD0017	01-09-14	Hoàng Bá Trung	15,249.0
41	Nông trường 1	41	11a	NILD0591	01-08-11	Hoàng Đăng Kiên	13,200.0
	Nông trường 1	41	11b	NILD0591	01-08-11	Hoàng Đăng Kiên	8,600.0
42	Nông trường 1	36	23	N10764	01-09-14	Hoàng Hữu Sơn	17,500.0
43	Nông trường 1	49	168	N10041	01-09-14	Hoàng Kim Tuyền	23,757.0
44	Nông trường 1	40	41	NILD2973	01-08-11	Hoàng Thị Kiệm	17,395.0
	Nông trường 1	40	41	NILD2973	01-08-11	Hoàng Thị Kiệm	3,605.0
45	Nông trường 1	48	100	N12295	01-09-14	Hoàng Thị Lam	9,000.0
	Nông trường 1	49	169	N12295	01-09-14	Hoàng Thị Lam	12,798.0
	Nông trường 1	49	169	N12295	01-09-14	Hoàng Thị Lam	266.0
46	Nông trường 1	48	89	N12711	01-09-14	Hoàng Thị Thùy	5,031.0
	Nông trường 1	48	98	NIKH2711	01-08-11	Hoàng Thị Thùy	4,738.0
	Nông trường 1	48	98	NIKH2711	01-08-11	Hoàng Thị Thùy	9,342.0

STT hệ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 1	49	192	N12711	01-09-14	Hoàng Thị Thủy	25,505.0
47	Nông trường 1	49	173	N10828	01-09-14	Hoàng Trọng Kỳ	20,811.0
48	Nông trường 1	49	11	N1KH0636	01-08-11	Hoàng Văn Dượng	9,000.0
49	Nông trường 1	40	34	NILD0520	01-08-11	Hoàng Văn Duyền	15,060.0
	Nông trường 1	40	34	NILD0520	01-08-11	Hoàng Văn Duyền	1,958.0
50	Nông trường 1	40	43	NILD0858	01-09-14	Hoàng Văn Sân	14,539.0
	Nông trường 1	40	47	NILD0858	01-09-14	Hoàng Văn Sân	13,651.0
51	Nông trường 1	24	247	N10046	01-09-14	Hoàng Văn Tân	14,000.0
	Nông trường 1	28	58	N10046	01-09-14	Hoàng Văn Tân	16,460.0
52	Nông trường 1	41	23	NILD0578	01-08-11	Hoàng Văn Tân	20,221.0
	Nông trường 1	41	23	NILD0578	01-08-11	Hoàng Văn Tân	573.0
53	Nông trường 1	38	52	NILD0870	01-08-11	Huỳnh Thị Kim Phụng	15,614.0
	Nông trường 1	38	52	NILD0870	01-08-11	Huỳnh Thị Kim Phụng	1,036.0
54	Nông trường 1	48	94	N10879	01-09-14	Huỳnh Tiến Dũng	11,000.0
	Nông trường 1	49	185	N10879	01-09-14	Huỳnh Tiến Dũng	17,981.0
55	Nông trường 1	48	116	NILD0796	01-09-14	Huỳnh Văn Minh	492.0
	Nông trường 1	48	116	NILD0796	01-09-14	Huỳnh Văn Minh	22,508.0
56	Nông trường 1	41	14	N1KH0825	01-08-11	Lê Đăng Khoa	10,210.0
	Nông trường 1	41	14	N1KH0825	01-08-11	Lê Đăng Khoa	712.0
57	Nông trường 1	41	58a	NILD0825	01-09-14	Lê Đăng Khoa	12,016.0
	Nông trường 1	41	58b	NILD0825	01-09-14	Lê Đăng Khoa	8,776.0
58	Nông trường 1	42	7	N10631	01-09-14	Lê Đình Chung	26,500.0
59	Nông trường 1	48	219	N1KH2718	01-08-11	Lê Hồng Hà	10,876.0
	Nông trường 1	48	219	N1KH2718	01-08-11	Lê Hồng Hà	4,657.0
	Nông trường 1	48	219	N1KH2718	01-08-11	Lê Hồng Hà	653.0
	Nông trường 1	48	8	N12718	01-09-14	Lê Hồng Hà	16,321.0
	Nông trường 1	48	8	N12718	01-09-14	Lê Hồng Hà	439.0
60	Nông trường 1	27	126	N12712	01-09-14	Lê Hữu Thọ	1,967.0
	Nông trường 1	27	126	N12712	01-09-14	Lê Hữu Thọ	11,533.0
	Nông trường 1	41	41	N12712	01-09-14	Lê Hữu Thọ	14,840.0
61	Nông trường 1	48	141	N10097	01-09-14	Lê Quốc Huy	19,825.0
62	Nông trường 1	48	140	N11387	01-09-14	Lê Quý Hóa (H)	24,459.0
	Nông trường 1	49	166a	N11387	01-09-14	Lê Quý Hóa (H)	14,538.0
	Nông trường 1	49	199	N11387	01-09-14	Lê Quý Hóa (H)	25,000.0
63	Nông trường 1	41	61	NILD0844	01-08-11	Lê Thị Thường	7,384.0
	Nông trường 1	41	61	NILD0844	01-08-11	Lê Thị Thường	8,472.0
	Nông trường 1	41	61	NILD0844	01-08-11	Lê Thị Thường	6,104.0
	Nông trường 1	49	182	N10844	01-09-14	Lê Thị Thường	13,816.0
64	Nông trường 1	35	494	N1KH0793	01-08-11	Lê Văn Hùng	3,278.0
	Nông trường 1	35	494	N1KH0793	01-08-11	Lê Văn Hùng	9,918.0
	Nông trường 1	38	66	N1KH0793	01-08-11	Lê Văn Hùng	10,552.0
	Nông trường 1	49	217	N10793	01-09-14	Lê Văn Hùng	12,994.0
	Nông trường 1	49	217	N10793	01-09-14	Lê Văn Hùng	164.0
65	Nông trường 1	40	19	N10897	01-09-14	Lê Xuân Nhượng	17,284.0
66	Nông trường 1	37	18	N10829	01-09-14	Lộ Văn Nghĩa	907.0
	Nông trường 1	37	18	N10829	01-09-14	Lộ Văn Nghĩa	2,019.0
	Nông trường 1	37	19	N10829	01-09-14	Lộ Văn Nghĩa	1,677.0

STT hệ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 1	37	19	N10829	01-09-14	Lộ Văn Nghĩa	17,983.0
67	Nông trường 1	37	7b	N10062	01-09-14	Lương Văn Nam	19,200.0
68	Nông trường 1	35	558	NIKH0780	01-08-11	Lương Văn Phương	24,745.0
	Nông trường 1	35	558	NIKH0780	01-08-11	Lương Văn Phương	5,427.0
	Nông trường 1	49	191	N10780	01-09-14	Lương Văn Phương	18,053.0
69	Nông trường 1	41	15	NILD0717	01-08-11	Lương Văn Tinh	16,802.0
	Nông trường 1	41	15	NILD0717	01-08-11	Lương Văn Tinh	500.0
70	Nông trường 1	38	65	N10845	01-09-14	Mai Quang Ánh	6,107.0
	Nông trường 1	38	65	N10845	01-09-14	Mai Quang Ánh	2,705.0
	Nông trường 1	41	72	NIKH0845	01-08-11	Mai Quang Ánh	9,085.0
	Nông trường 1	41	72	NIKH0845	01-08-11	Mai Quang Ánh	1,447.0
	Nông trường 1	49	195	N10845	01-09-14	Mai Quang Ánh	10,501.0
71	Nông trường 1	41	29	NIKH2104	01-08-11	Mai Quang Sáng	10,988.0
	Nông trường 1	41	29	NIKH2104	01-08-11	Mai Quang Sáng	6,069.0
	Nông trường 1	41	29	NIKH2104	01-08-11	Mai Quang Sáng	3,682.0
72	Nông trường 1	37	48a	N12183	01-09-14	Mai Thanh Hùng	15,656.0
	Nông trường 1	38	4	N12183	01-09-14	Mai Thanh Hùng	17,018.0
73	Nông trường 1	41	68	N10874	01-09-14	Mai Thị Hoàng Bích	11,091.0
	Nông trường 1	41	69	N10874	01-09-14	Mai Thị Hoàng Bích	11,179.0
74	Nông trường 1	23	109	N10843	01-09-14	Mai Thị Hoàng Oanh	20,058.0
	Nông trường 1	37	21	N10843	01-09-14	Mai Thị Hoàng Oanh	19,586.0
75	Nông trường 1	49	113	NILD0914	01-09-14	Mai Văn Thiện	18,523.0
76	Nông trường 1	41	26	N10595	01-09-14	Ngô Thị Linh	15,205.0
77	Nông trường 1	40	45	NIKH0570	01-08-11	Nguyễn Châu Bé	12,392.0
	Nông trường 1	40	45	NIKH0570	01-08-11	Nguyễn Châu Bé	1,494.0
	Nông trường 1	40	49	NIKH0570	01-08-11	Nguyễn Châu Bé	12,403.0
	Nông trường 1	40	49	NIKH0570	01-08-11	Nguyễn Châu Bé	2,097.0
78	Nông trường 1	35	713a	NILD0683	01-08-11	Nguyễn Châu Hòa	3,173.0
	Nông trường 1	38	31	N10683	01-09-14	Nguyễn Châu Hòa	15,988.0
79	Nông trường 1	48	135	NILD0055	01-08-11	Nguyễn Công Minh	3,530.0
80	Nông trường 1	36	190	NILD0650	01-08-11	Nguyễn Đắc Bang	3,414.0
81	Nông trường 1	40	39	NILD0036	01-08-11	Nguyễn Đắc Dũng	13,295.0
	Nông trường 1	40	39	NILD0036	01-08-11	Nguyễn Đắc Dũng	3,905.0
82	Nông trường 1	40	70	NILD0065	01-09-14	Nguyễn Đăng Minh	22,205.0
	Nông trường 1	40	71	NILD0065	01-09-14	Nguyễn Đăng Minh	4,984.0
	Nông trường 1	49	197	NILD0065	01-09-14	Nguyễn Đăng Minh	15,401.0
83	Nông trường 1	11	59a	NIKH0679	01-08-11	Nguyễn Đình Hải	13,000.0
	Nông trường 1	11	59a	NIKH0679	01-08-11	Nguyễn Đình Hải	2,000.0
	Nông trường 1	23	95	N10679	01-09-14	Nguyễn Đình Hải	12,127.0
84	Nông trường 1	42	43	NILD0050	01-08-11	Nguyễn Đình Lợi	5,000.0
85	Nông trường 1	42	84	NILDNGBN	01-08-11	Nguyễn Đình Lợi- Bàu	9,369.0
	Nông trường 1	42	84a	NILDNGBN	01-08-11	Nguyễn Đình Lợi- Bàu	274.0
	Nông trường 1	42	85	NILDNGBN	01-08-11	Nguyễn Đình Lợi- Bàu	16,680.0
	Nông trường 1	42	86a	NILDNGBN	01-08-11	Nguyễn Đình Lợi- Bàu	18,023.0
	Nông trường 1	42	86b	NILDNGBN	01-08-11	Nguyễn Đình Lợi- Bàu	16,490.0
	Nông trường 1	42	87	NILDNGBN	01-08-11	Nguyễn Đình Lợi- Bàu	16,373.0
	Nông trường 1	42	88	NILDNGBN	01-08-11	Nguyễn Đình Lợi- Bàu	6,685.0

STT hệ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 1	42	93	NILDNGBN	01-08-11	Nguyễn Đình Lợi- Bàu	14,753.0
	Nông trường 1	42	94	NILDNGBN	01-08-11	Nguyễn Đình Lợi- Bàu	14,529.0
	Nông trường 1	42	95a	NILDNGBN	01-08-11	Nguyễn Đình Lợi- Bàu	17,810.0
	Nông trường 1	42	95b	NILDNGBN	01-08-11	Nguyễn Đình Lợi- Bàu	13,289.0
	Nông trường 1	42	95c	NILDNGBN	01-08-11	Nguyễn Đình Lợi- Bàu	14,628.0
	Nông trường 1	42	96	NILDNGBN	NT1	Nguyễn Đình Lợi- Bàu	16,044.0
	Nông trường 1	BN	BN	NILDNGBN	01-08-11	Nguyễn Đình Lợi- Bàu	59,053.0
86	Nông trường 1	23	106	NIKH2387	01-08-11	Nguyễn Đình Thường	4,024.0
	Nông trường 1	23	106	NIKH2387	01-08-11	Nguyễn Đình Thường	11,699.0
	Nông trường 1	23	129	NI2387	01-09-14	Nguyễn Đình Thường	7,581.0
	Nông trường 1	23	131	NIKH2387	01-08-11	Nguyễn Đình Thường	5,180.0
	Nông trường 1	23	131	NIKH2387	01-08-11	Nguyễn Đình Thường	13,731.0
	Nông trường 1	37	13	NI2387	01-09-14	Nguyễn Đình Thường	15,501.0
	Nông trường 1	37	17b	NI2387	01-09-14	Nguyễn Đình Thường	16,404.0
	Nông trường 1	37	2	NIKH2387	01-08-11	Nguyễn Đình Thường	10,259.0
	Nông trường 1	37	2	NIKH2387	01-08-11	Nguyễn Đình Thường	13,919.0
	Nông trường 1	38	22	NIKH2387	01-08-11	Nguyễn Đình Thường	18,436.0
	Nông trường 1	38	22	NIKH2387	01-08-11	Nguyễn Đình Thường	17,031.0
	Nông trường 1	38	6a	NI2387	01-09-14	Nguyễn Đình Thường	9,498.0
	Nông trường 1	38	6b	NI2387	01-09-14	Nguyễn Đình Thường	8,133.0
	Nông trường 1	49	181	NI2387	01-09-14	Nguyễn Đình Thường	22,665.0
87	Nông trường 1	41	38	NIKH0621	01-08-11	Nguyễn Đình Tuấn	9,440.0
	Nông trường 1	41	38	NIKH0621	01-08-11	Nguyễn Đình Tuấn	5,615.0
88	Nông trường 1	37	45,40	NILD0730	01-09-14	Nguyễn Đình Tuất	33,450.0
	Nông trường 1	23	96	NIKH0730	01-09-14	Nguyễn Đình Tuất	4,540.0
	Nông trường 1	37	40	NIKH0730	01-08-11	Nguyễn Đình Tuất	15,394.0
	Nông trường 1	37	40	NIKH0730	01-08-11	Nguyễn Đình Tuất	7,156.0
	Nông trường 1	37	45	NIKH0730	01-08-11	Nguyễn Đình Tuất	10,900.0
89	Nông trường 1	23	24	NI0741	01-09-14	Nguyễn Doãn Điềm	22,910.0
	Nông trường 1	37	23	NI0741	01-09-14	Nguyễn Doãn Điềm	5,354.0
	Nông trường 1	37	23	NI0741	01-09-14	Nguyễn Doãn Điềm	2,709.0
	Nông trường 1	37	23	NI0741	01-09-14	Nguyễn Doãn Điềm	9,805.0
90	Nông trường 1	38	7	NILD0586	01-09-14	Nguyễn Doãn Hữu	15,094.0
	Nông trường 1	41	43	NILD0586	01-09-14	Nguyễn Doãn Hữu	17,517.0
91	Nông trường 1	37	28a	NIKH2707	01-09-14	Nguyễn Doãn Long	11,468.0
	Nông trường 1	37	24b	NI2707	01-09-14	Nguyễn Doãn Long	8,532.0
92	Nông trường 1	35	538	NI1008	01-09-14	Nguyễn Đông	2,800.0
	Nông trường 1	38	27	NILD1008	01-08-11	Nguyễn Đông	10,359.0
	Nông trường 1	38	27	NILD1008	01-08-11	Nguyễn Đông	2,751.0
93	Nông trường 1	35	431	NILD3545	01-08-11	Nguyễn Đức Tường	4,106.0
	Nông trường 1	35	431	NILD3545	01-08-11	Nguyễn Đức Tường	7,384.0
	Nông trường 1	35	431	NILD3545	01-08-11	Nguyễn Đức Tường	1,068.0
94	Nông trường 1	40	8	NILD0558	01-08-11	Nguyễn Hoàng Bảo	12,540.0
	Nông trường 1	40	8	NILD0558	01-08-11	Nguyễn Hoàng Bảo	7,330.0
95	Nông trường 1	26	199	NIKH2722	01-09-14	Nguyễn Hữu Chương	3,188.0
	Nông trường 1	26	198	NI2722	01-09-14	Nguyễn Hữu Chương	13,215.0
96	Nông trường 1	23	117a	NI0070	01-09-14	Nguyễn Hữu Danh	10,439.0

STT hộ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 1	49	115	N10070	01-09-14	Nguyễn Hữu Danh	18,467.0
97	Nông trường 1	35	713b	N10745	01-09-14	Nguyễn Hữu Huy	2,922.0
	Nông trường 1	35	713c	N10745	01-09-14	Nguyễn Hữu Huy	10,078.0
	Nông trường 1	35	714a	N10745	01-09-14	Nguyễn Hữu Huy	8,000.0
	Nông trường 1	37	31	NIKH0745	01-08-11	Nguyễn Hữu Huy	17,535.0
	Nông trường 1	37	31	NIKH0745	01-08-11	Nguyễn Hữu Huy	3,648.0
	Nông trường 1	49	156	N10745	01-09-14	Nguyễn Hữu Huy	15,598.0
98	Nông trường 1	41	50	N10566	01-09-14	Nguyễn Tấn Hùng	19,100.0
99	Nông trường 1	40	44	N10074	01-09-14	Nguyễn Tấn Quang	15,828.0
100	Nông trường 1	36	234A	N10040	01-09-14	Nguyễn Thanh Sơn	622.0
	Nông trường 1	36	234A	N10040	01-09-14	Nguyễn Thanh Sơn	13,403.0
101	Nông trường 1	27	110	N10602	01-09-14	Nguyễn Thị Bình	13,700.0
102	Nông trường 1	41	10	NIKH0630	01-08-11	Nguyễn Thị Cánh	4,944.0
	Nông trường 1	41	9	NIKH0630	01-08-11	Nguyễn Thị Cánh	22,700.0
103	Nông trường 1	37	46	N10030	01-09-14	Nguyễn Thị Chiên	9,945.0
104	Nông trường 1	36	172b	NILD0896	01-08-11	Nguyễn Thị Hà	6,764.0
	Nông trường 1	37	48b	NILD0896	01-08-11	Nguyễn Thị Hà	17,014.0
105	Nông trường 1	42	3	N10024	01-09-14	Nguyễn Thị Hoa	16,024.0
106	Nông trường 1	48	99	NILD0019	01-08-11	Nguyễn Thị Hồng	6,496.0
	Nông trường 1	48	99	NILD0019	01-08-11	Nguyễn Thị Hồng	504.0
107	Nông trường 1	23	134	N10824	01-09-14	Nguyễn Thị Huệ	16,586.0
	Nông trường 1	37	49	NIKH0886	01-08-11	Nguyễn Thị Huệ	12,188.0
	Nông trường 1	37	49	NIKH0886	01-08-11	Nguyễn Thị Huệ	2,835.0
	Nông trường 1	37	49	NIKH0886	01-08-11	Nguyễn Thị Huệ	2,525.0
	Nông trường 1	49	187	NIKH0886	01-08-11	Nguyễn Thị Huệ	12,006.0
	Nông trường 1	49	187	NIKH0886	01-08-11	Nguyễn Thị Huệ	2,536.0
	Nông trường 1	49	187	NIKH0886	01-08-11	Nguyễn Thị Huệ	3,555.0
108	Nông trường 1	23	117b	NILD0899	01-08-11	Nguyễn Thị Hương	7,000.0
109	Nông trường 1	38	43	NILD0696	01-08-11	Nguyễn Thị Hường	2,001.0
	Nông trường 1	23	133	N10696	01-09-14	Nguyễn Thị Hường	17,459.0
	Nông trường 1	23	135	N10696	01-09-14	Nguyễn Thị Hường	14,400.0
	Nông trường 1	38	43	NILD0696	01-08-11	Nguyễn Thị Hường	12,003.0
	Nông trường 1	49	10a	NILD0696	01-08-11	Nguyễn Thị Hường	16,350.0
	Nông trường 1	49	10a	NILD0696	01-08-11	Nguyễn Thị Hường	9,800.0
110	Nông trường 1	41	63	N12723	01-09-14	Nguyễn Thị K Cúc	2,620.0
	Nông trường 1	41	63	N12723	01-09-14	Nguyễn Thị K Cúc	10,894.0
	Nông trường 1	49	162	N12723	01-09-14	Nguyễn Thị K Cúc	14,167.0
111	Nông trường 1	48	115	NIKH2704	01-08-11	Nguyễn Thị K Dung	18,742.0
	Nông trường 1	48	115	NIKH2704	01-08-11	Nguyễn Thị K Dung	1,168.0
112	Nông trường 1	36	229	N10066	01-09-14	Nguyễn Thị Kiệm	1,985.0
	Nông trường 1	36	229	N10066	01-09-14	Nguyễn Thị Kiệm	15,215.0
113	Nông trường 1	40	62	NILD0900	01-08-11	Nguyễn Thị Kiều Ngân	17,140.0
	Nông trường 1	40	62	NILD0900	01-08-11	Nguyễn Thị Kiều Ngân	2,641.0
114	Nông trường 1	40	18	NILD0038	01-09-14	Nguyễn Thị Kim Anh	18,300.0
115	Nông trường 1	24	114a	N12761	01-09-14	Nguyễn Thị Linh	23,222.0
116	Nông trường 1	33	512	N10795	01-09-14	Nguyễn Thị Mai	11,730.0
	Nông trường 1	36	172b	NILD0052	01-09-14	Nguyễn Thị Mai	12,818.0

STT hệ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 1	36	172b	NILD0052	01-09-14	Nguyễn Thị Mai	182.0
117	Nông trường 1	37	36	NILD3054	01-08-11	Nguyễn Thị Minh	9,190.0
	Nông trường 1	37	37	NILD3054	01-08-11	Nguyễn Thị Minh	5,972.0
	Nông trường 1	37	37	NILD3054	01-08-11	Nguyễn Thị Minh	6,528.0
118	Nông trường 1	23	4	N10053	01-09-14	Nguyễn Thị Nga	15,800.0
	Nông trường 1	11	47	N10053	01-09-14	Nguyễn Thị Nga	8,400.0
	Nông trường 1	23	11a	N10053	01-09-14	Nguyễn Thị Nga	27,910.0
119	Nông trường 1	28	63	N10570	01-09-14	Nguyễn Thị Ngoạn	21,716.0
120	Nông trường 1	48	196	N10451	01-09-14	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	18,000.0
	Nông trường 1	48	74a	NIKH0451	01-08-11	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	2,041.0
	Nông trường 1	48	74b	NIKH0451	01-08-11	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	3,720.0
	Nông trường 1	49	10b	NIKH0451	01-08-11	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	7,865.0
	Nông trường 1	49	10b	NIKH0451	01-08-11	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	6,735.0
121	Nông trường 1	38	33	NILD0551	01-08-11	Nguyễn Thị Nhung	16,826.0
	Nông trường 1	38	33	NILD0551	01-08-11	Nguyễn Thị Nhung	574.0
122	Nông trường 1	23	16	NILD0034	01-08-11	Nguyễn Thị Sinh	7,000.0
123	Nông trường 1	23	130	N10656	01-09-14	Nguyễn Thị Tăng	4,103.0
	Nông trường 1	23	136	N10656	01-09-14	Nguyễn Thị Tăng	3,510.0
	Nông trường 1	36	221a	N10656	01-09-14	Nguyễn Thị Tăng	13,500.0
124	Nông trường 1	23	43	N10043	01-09-14	Nguyễn Thị Thăng	16,040.0
	Nông trường 1	23	48	N10043	01-09-14	Nguyễn Thị Thăng	7,366.0
	Nông trường 1	35	601	N10043	01-09-14	Nguyễn Thị Thăng	13,587.0
	Nông trường 1	35	648	N10043	01-09-14	Nguyễn Thị Thăng	13,209.0
	Nông trường 1	35	670	N10043	01-09-14	Nguyễn Thị Thăng	5,961.0
	Nông trường 1	35	715	N10043	01-09-14	Nguyễn Thị Thăng	2,243.0
125	Nông trường 1	40	55	N10624	01-09-14	Nguyễn Thị Thanh	14,234.0
126	Nông trường 1	27	135	N12713	01-09-14	Nguyễn Thị Thảo	11,523.0
	Nông trường 1	27	135	N12713	01-09-14	Nguyễn Thị Thảo	593.0
	Nông trường 1	27	135	N12713	01-09-14	Nguyễn Thị Thảo	3,134.0
	Nông trường 1	38	67	N12713	01-09-14	Nguyễn Thị Thảo	15,549.0
127	Nông trường 1	41	51a	NILD0103	01-09-14	Nguyễn Thị Thu	12,556.0
128	Nông trường 1	26	89	NILD0016	01-08-11	Nguyễn Thị Thùy Dung	16,302.0
129	Nông trường 1	40	72	NILD0054	01-08-11	Nguyễn Thị Tiền	20,354.0
	Nông trường 1	40	72	NILD0054	01-08-11	Nguyễn Thị Tiền	1,261.0
130	Nông trường 1	41	47	N10085	01-09-14	Nguyễn Thị Trinh	2,482.0
	Nông trường 1	41	47	N10085	01-09-14	Nguyễn Thị Trinh	8,894.0
131	Nông trường 1	48	120	N10799	01-09-14	Nguyễn Thị Tuyết	6,059.0
	Nông trường 1	48	96	NILD0799	01-08-11	Nguyễn Thị Tuyết	6,059.0
	Nông trường 1	48	96	NILD0799	01-08-11	Nguyễn Thị Tuyết	11,753.0
132	Nông trường 1	11	61	NILD3041	01-08-11	Nguyễn Thị Vinh	21,200.0
133	Nông trường 1	38	23a	NILD0673	01-08-11	Nguyễn Thị Xự	18,644.0
134	Nông trường 1	41	30a	NILD0021	01-08-11	Nguyễn Thị Xuân	12,036.0
	Nông trường 1	41	40	N10021	01-09-14	Nguyễn Thị Xuân	7,164.0
	Nông trường 1	49	219	NIKH0889	01-08-11	Nguyễn Thị Xuân	18,806.0
	Nông trường 1	49	219	NIKH0889	01-08-11	Nguyễn Thị Xuân	3,989.0
135	Nông trường 1	37	17a	N10907	01-09-14	Nguyễn Thị Xuân(P)	17,875.0
136	Nông trường 1	41	46	NILD0776	01-08-11	Nguyễn Thị Yên	5,670.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 1	41	46	NILD0776	01-08-11	Nguyễn Thị Yên	4,721.0
	Nông trường 1	41	46	NILD0776	01-08-11	Nguyễn Thị Yên	2,752.0
	Nông trường 1	49	4	N10776	01-09-14	Nguyễn Thị Yên	12,708.0
137	Nông trường 1	36	100	N10002	01-09-14	Nguyễn Tiến Thập	19,439.0
138	Nông trường 1	38	51	N10839	01-09-14	Nguyễn Tổng Đồng	12,915.0
139	Nông trường 1	40	31	NILD0045	01-08-11	Nguyễn Trinh	14,210.0
	Nông trường 1	41	13a	N10045	01-09-14	Nguyễn Trinh	15,025.0
140	Nông trường 1	36	216	NIKH0758	01-08-11	Nguyễn Trọng Hà	16,799.0
	Nông trường 1	36	216	NIKH0758	01-08-11	Nguyễn Trọng Hà	18,504.0
	Nông trường 1	37	42	N10758	01-09-14	Nguyễn Trọng Hà	17,720.0
	Nông trường 1	37	43	N10758	01-09-14	Nguyễn Trọng Hà	14,004.0
	Nông trường 1	49	189	N10758	01-09-14	Nguyễn Trọng Hà	16,465.0
	Nông trường 1	49	189	N10758	01-09-14	Nguyễn Trọng Hà	9,026.0
141	Nông trường 1	38	100	N10060	01-09-14	Nguyễn Trọng Khương	10,683.0
	Nông trường 1	36	222	N10060	01-09-14	Nguyễn Trọng Khương	15,732.0
	Nông trường 1	49	37	NILD0060	01-08-11	Nguyễn Trọng Khương	19,514.0
142	Nông trường 1	26	141a	NILD0609	01-08-11	Nguyễn Trọng Quý	18,224.0
143	Nông trường 1	26	206	NILD0512	01-08-11	Nguyễn Văn Ân	2,620.0
	Nông trường 1	26	124	NILD0512	01-08-11	Nguyễn Văn Ân	21,748.0
144	Nông trường 1	37	68	N10044	01-09-14	Nguyễn Văn Anh	15,694.0
145	Nông trường 1	42	12	N10635	01-09-14	Nguyễn Văn Cán	17,090.0
146	Nông trường 1	26	177	NIKH0517	01-08-11	Nguyễn Văn Đồn	5,459.0
	Nông trường 1	26	171	NIKH0517	01-08-11	Nguyễn Văn Đồn	18,900.0
	Nông trường 1	40	10	NIKH0517	01-08-11	Nguyễn Văn Đồn	14,467.0
	Nông trường 1	40	10	NIKH0517	01-08-11	Nguyễn Văn Đồn	3,622.0
147	Nông trường 1	37	67	N12721	01-09-14	Nguyễn Văn Dũng	20,809.0
148	Nông trường 1	40	9	NILD0018	01-09-14	Nguyễn Văn Hà	14,201.0
149	Nông trường 1	40	40	NIKH0582	01-08-11	Nguyễn Văn Hải	16,212.0
	Nông trường 1	40	40	NIKH0582	01-08-11	Nguyễn Văn Hải	2,178.0
150	Nông trường 1	37	52	N10689	01-09-14	Nguyễn Văn Hùng	21,239.0
151	Nông trường 1	38	54	NILD0809	01-08-11	Nguyễn Văn Hùng K	14,200.0
	Nông trường 1	38	64	NILD0809	01-08-11	Nguyễn Văn Hùng K	7,501.0
152	Nông trường 1	40	20	N10531	01-09-14	Nguyễn Văn Khuê	14,644.0
153	Nông trường 1	41	12	N10075	01-09-14	Nguyễn Văn Khương	14,989.0
154	Nông trường 1	38	32	N10739	01-09-14	Nguyễn Văn Kỳ	702.0
	Nông trường 1	38	32	N10739	01-09-14	Nguyễn Văn Kỳ	15,798.0
155	Nông trường 1	23	9	N10537	01-09-14	Nguyễn Văn Lành	14,322.0
	Nông trường 1	41	22	NIKH0537	01-09-14	Nguyễn Văn Lành	2,579.0
156	Nông trường 1	11	62	NIKH2760	01-08-11	Nguyễn Văn Long	17,700.0
157	Nông trường 1	27	116A	NILD0064	01-08-11	Nguyễn Văn Lý	3,639.0
158	Nông trường 1	26	194	N10556	01-09-14	Nguyễn Văn Minh	15,324.0
	Nông trường 1	27	134	N10556	01-09-14	Nguyễn Văn Minh	15,036.0
159	Nông trường 1	38	20	N10726	01-09-14	Nguyễn Văn Nghĩa	15,953.0
	Nông trường 1	40	16	NILD0526	01-08-11	Nguyễn Văn Nghĩa	21,495.0
	Nông trường 1	40	16	NILD0526	01-08-11	Nguyễn Văn Nghĩa	7,495.0
160	Nông trường 1	37	26	N10704	01-09-14	Nguyễn Văn Nguyên	17,269.0
161	Nông trường 1	35	656	NILD0705	01-08-11	Nguyễn Văn Nhân	7,300.0

STT hộ khẩu	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
162	Nông trường 1	40	73	NILD0011	01-08-11	Nguyễn Văn Nhất	12,749.0
163	Nông trường 1	26	190a	N10605	01-09-14	Nguyễn Văn Nhị	14,110.0
	Nông trường 1	26	190b	N10605	01-09-14	Nguyễn Văn Nhị	3,220.0
164	Nông trường 1	24	214a	N10025	01-09-14	Nguyễn Văn Phú	17,576.0
165	Nông trường 1	23	25	NILD3624	01-08-11	Nguyễn Văn Phương	6,800.0
166	Nông trường 1	48	142b	NILD0056	01-08-11	Nguyễn Văn Thái	3,587.0
	Nông trường 1	48	43	NILD0056	01-08-11	Nguyễn Văn Thái	1,371.0
167	Nông trường 1	48	139	NILD0056	01-09-14	Nguyễn Văn Thái(Q)	4,960.0
	Nông trường 1	48	144a	NILD0056	01-09-14	Nguyễn Văn Thái(Q)	7,886.0
	Nông trường 1	48	144b	NILD0056	01-09-14	Nguyễn Văn Thái(Q)	1,317.0
168	Nông trường 1	38	8	NILD0725	01-09-14	Nguyễn Văn Thương	16,500.0
169	Nông trường 1	40	30	N10029	01-09-14	Nguyễn Văn Tráng	5,659.0
	Nông trường 1	40	30	N10029	01-09-14	Nguyễn Văn Tráng	11,632.0
170	Nông trường 1	41	48	NILD0033	01-08-11	Nguyễn Văn Tùng	17,544.0
	Nông trường 1	41	48	NILD0033	01-08-11	Nguyễn Văn Tùng	5,556.0
171	Nông trường 1	40	48	NILD0577	01-08-11	Nguyễn Văn Tuyển	15,600.0
172	Nông trường 1	48	195	N10865	01-09-14	Nguyễn Văn Vinh	16,332.0
173	Nông trường 1	36	239	NILD0737	01-08-11	Nguyễn Văn Yển	20,225.0
	Nông trường 1	36	239	NILD0737	01-08-11	Nguyễn Văn Yển	3,081.0
174	Nông trường 1	26	141b	NILD0597	01-09-14	Nguyễn Viết Chung	22,339.0
175	Nông trường 1	40	61	N12325	01-09-14	Nguyễn Viết Danh	6,200.0
	Nông trường 1	40	69	NIKH2325	01-08-11	Nguyễn Viết Danh	13,644.0
	Nông trường 1	40	69	NIKH2325	01-08-11	Nguyễn Viết Danh	19,182.0
176	Nông trường 1	26	192	N12781	01-09-14	Nguyễn Viết Nhân	3,388.0
	Nông trường 1	26	176	N12781	01-09-14	Nguyễn Viết Nhân	14,703.0
	Nông trường 1	26	188	N12781	01-09-14	Nguyễn Viết Nhân	15,009.0
177	Nông trường 1	26	173	N10593	01-09-14	Nguyễn Viết Thủy	17,355.0
178	Nông trường 1	23	67	N10098	01-09-14	Nguyễn Vĩnh Hậu	7,000.0
179	Nông trường 1	23	94	NILD0098	01-08-11	Nguyễn Vĩnh Hậu	15,532.0
	Nông trường 1	23	94	NILD0098	01-08-11	Nguyễn Vĩnh Hậu	4,000.0
180	Nông trường 1	23	42	N10720	01-09-14	Nguyễn Vĩnh Thận	14,565.0
	Nông trường 1	38	5	N10720	01-09-14	Nguyễn Vĩnh Thận	15,625.0
181	Nông trường 1	40	58	N10058	01-09-14	Nguyễn Vĩnh Tứ	9,740.0
182	Nông trường 1	48	190	N12715	01-09-14	Phạm Hữu Vội	19,917.0
183	Nông trường 1	48	95	N10856	01-09-14	Phạm Quốc Việt	149.0
	Nông trường 1	48	95	N10856	01-09-14	Phạm Quốc Việt	11,640.0
184	Nông trường 1	37	47	N10008	01-09-14	Phạm Thị Chín	8,898.0
	Nông trường 1	37	51	N10008	01-09-14	Phạm Thị Chín	10,558.0
185	Nông trường 1	40	70	NILD0775	01-08-11	Phạm Thị Điều	4,984.0
	Nông trường 1	41	19	NILD0775	01-08-11	Phạm Thị Điều	11,956.0
	Nông trường 1	41	19	NILD0775	01-08-11	Phạm Thị Điều	821.0
186	Nông trường 1	37	41	NIKH0759	01-08-11	Phạm Thị Hoa	17,204.0
	Nông trường 1	37	41	NIKH0759	01-08-11	Phạm Thị Hoa	4,643.0
187	Nông trường 1	49	222	NILD0883	01-09-14	Phạm Thị Kính	23,834.0
	Nông trường 1	48	222	NILD0883	01-08-11	Phạm Thị Kính	22,177.0
	Nông trường 1	48	222	NILD0883	01-08-11	Phạm Thị Kính	1,657.0
188	Nông trường 1	40	42	N10581	01-09-14	Phạm Thị Mân	14,354.0

STT hệ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
189	Nông trường 1	36	204	NILD0936	01-08-11	Phạm Thị Tuyết	20,534.0
	Nông trường 1	36	204	NILD0936	01-08-11	Phạm Thị Tuyết	1,166.0
	Nông trường 1	37	62	NILD0936	01-08-11	Phạm Thị Tuyết	11,528.0
	Nông trường 1	40	74	NILD0936	01-08-11	Phạm Thị Tuyết	10,434.0
	Nông trường 1	41	45	NILD0936	01-08-11	Phạm Thị Tuyết	12,486.0
	Nông trường 1	41	45	NILD0936	01-08-11	Phạm Thị Tuyết	10,325.0
	Nông trường 1	49	211	NILD0936	01-08-11	Phạm Thị Tuyết	21,429.0
	Nông trường 1	49	211	NILD0936	01-08-11	Phạm Thị Tuyết	28,949.0
	Nông trường 1	49	221	NILD0936	01-08-11	Phạm Thị Tuyết	23,131.0
190	Nông trường 1	38	29	NIKH0871	01-08-11	Phạm Trung Quyết	14,994.0
	Nông trường 1	37	10	NI0871	01-09-14	Phạm Trung Quyết	634.0
	Nông trường 1	37	10	NI0871	01-09-14	Phạm Trung Quyết	10,801.0
	Nông trường 1	37	9	NI0871	01-09-14	Phạm Trung Quyết	6,674.0
	Nông trường 1	38	40a	NIKH0871	01-08-11	Phạm Trung Quyết	8,706.0
	Nông trường 1	38	40b	NIKH0871	01-08-11	Phạm Trung Quyết	5,460.0
	Nông trường 1	40	45A	NIKH0871	01-08-11	Phạm Trung Quyết	17,046.0
191	Nông trường 1	49	200	NI0880	01-09-14	Phạm Văn Hải	28,869.0
192	Nông trường 1	49	172	NI0076	01-09-14	Phạm Văn Hạnh	16,762.0
193	Nông trường 1	24	221	NILD0707	01-08-11	Phạm Văn Niên	11,249.0
	Nông trường 1	37	38	NILD0707	01-08-11	Phạm Văn Niên	17,959.0
194	Nông trường 1	37	8	NI0754	01-09-14	Phạm Văn Triển	13,339.0
	Nông trường 1	48	167	NIKH0754	01-09-14	Phạm Văn Triển	9,555.0
	Nông trường 1	36	177	NIKH0754	01-08-11	Phạm Văn Triển	14,477.0
	Nông trường 1	36	177	NIKH0754	01-08-11	Phạm Văn Triển	8,054.0
	Nông trường 1	37	8	NIKH0754	01-08-11	Phạm Văn Triển	13,339.0
195	Nông trường 1	27	128	NI0592	01-09-14	Phạm Xuân Hội	14,578.0
196	Nông trường 1	40	37	NI0550	01-09-14	Phan Ngọc Soan	10,875.0
197	Nông trường 1	27	124	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	6,053.0
	Nông trường 1	27	124	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	9,679.0
	Nông trường 1	27	137	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	18,846.0
	Nông trường 1	27	114b	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	21,312.0
	Nông trường 1	27	115b	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	3,639.0
	Nông trường 1	27	125b	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	2,409.0
	Nông trường 1	27	136b	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	5,168.0
	Nông trường 1	28	47	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	20,765.0
	Nông trường 1	28	47	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	2,334.0
	Nông trường 1	28	60	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	10,219.0
	Nông trường 1	28	61	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	16,672.0
	Nông trường 1	28	62	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	9,527.0
	Nông trường 1	28	62	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	6,494.0
	Nông trường 1	28	30b	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	27,832.0
	Nông trường 1	41	5	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	17,767.0
	Nông trường 1	41	5	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	3,641.0
	Nông trường 1	41	6	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	4,149.0
	Nông trường 1	41	6	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	12,844.0
	Nông trường 1	41	16	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	10,461.0
	Nông trường 1	41	17	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	10,565.0



STT hệ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 1	41	31	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	3,396.0
	Nông trường 1	41	30b	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	970.0
	Nông trường 1	42	8	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	18,185.0
	Nông trường 1	42	9	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	16,482.0
	Nông trường 1	42	1b	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	3,145.0
	Nông trường 1	42	27b	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	3,898.0
	Nông trường 1	28	48	NILD0498/9E	01-08-11	Phan Quốc Sinh-9E	15,731.0
	Nông trường 1	28	60	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	7,419.0
	Nông trường 1	42	10	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	16,786.0
	Nông trường 1	42	101	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	1,987.0
	Nông trường 1	9E	9E	NILD0498/9E	17-11-11	Phan Quốc Sinh-9E	35,625.0
198	Nông trường 1	26	140	NIKH0590	01-08-11	Phan Thế Hùng	17,104.0
	Nông trường 1	26	149	NIKH0590	01-08-11	Phan Thế Hùng	7,333.0
	Nông trường 1	40	13	NIKH0590	01-08-11	Phan Thế Hùng	15,285.0
	Nông trường 1	40	13	NIKH0590	01-08-11	Phan Thế Hùng	1,962.0
199	Nông trường 1	24	202	NILD3620	01-08-11	Phan Thế Hùng L	19,500.0
200	Nông trường 1	49	223	NIKH2778	01-08-11	Phan Thế Huy	20,365.0
	Nông trường 1	49	223	NIKH2778	01-08-11	Phan Thế Huy	949.0
201	Nông trường 1	39	21	NILD0035	01-08-11	Phan Thế Kính	8,028.0
202	Nông trường 1	26	195	NIKH2703	01-08-11	Phan Thế Lục	23,390.0
	Nông trường 1	41	39	NIKH2703	01-08-11	Phan Thế Lục	9,485.0
	Nông trường 1	41	39	NIKH2703	01-08-11	Phan Thế Lục	6,171.0
203	Nông trường 1	42	13b	NILD0646	01-08-11	Phan Thế Lược	36,978.0
	Nông trường 1	41	31	NILD0646	01-08-11	Phan Thế Lược	10,000.0
	Nông trường 1	42	13a	NILD0646	01-08-11	Phan Thế Lược	20,000.0
	Nông trường 1	42	13a	NILD0646	01-08-11	Phan Thế Lược	1,716.0
	Nông trường 1	42	6	NILD0646	01-08-11	Phan Thế Lược	18,900.0
204	Nông trường 1	48	47	NILD0028	01-08-11	Phan Thế Minh	2,426.0
	Nông trường 1	48	47	NILD0028	01-08-11	Phan Thế Minh	2,574.0
205	Nông trường 1	41	32Cũ	NI2780	01-09-14	Phan Thế Mỹ	17,311.0
	Nông trường 1	24	246	NI2780	01-09-14	Phan Thế Mỹ	17,311.0
	Nông trường 1	40	5	NIKH2780	01-08-11	Phan Thế Mỹ	20,000.0
	Nông trường 1	41	32	NIKH2780	01-08-11	Phan Thế Mỹ	5,438.0
206	Nông trường 1	27	131	NILD0547	01-08-11	Phan Thế Phán	10,000.0
	Nông trường 1	27	133	NILD0547	01-08-11	Phan Thế Phán	27,978.0
207	Nông trường 1	26	174	NILD0549	01-09-14	Phan Thế Quyền	5,327.0
	Nông trường 1	26	189	NI0549	01-09-14	Phan Thế Quyền	13,461.0
	Nông trường 1	27	125	NI0549	01-09-14	Phan Thế Quyền	14,049.0
208	Nông trường 1	26	139	NIKH2779	01-08-11	Phan Thế Tiến	7,451.0
	Nông trường 1	26	137	NIKH2779	01-08-11	Phan Thế Tiến	19,496.0
209	Nông trường 1	49	159	NILD0779	01-09-14	Phan Thế Trữ	19,678.0
210	Nông trường 1	26	205	NILD0094	01-09-14	Phan Thế Tuấn	3,500.0
	Nông trường 1	26	121	NI0094	01-09-14	Phan Thế Tuấn	15,848.0
211	Nông trường 1	26	172	NIKH0622	01-08-11	Phan Thế Tuyền	16,774.0
	Nông trường 1	26	197	NI0622	01-09-14	Phan Thế Tuyền	16,221.0
	Nông trường 1	40	17	NI0622	01-09-14	Phan Thế Tuyền	15,317.0
212	Nông trường 1	26	120	NI0614	01-09-14	Phan Thế Tuyền	27,487.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 1	26	40b	N10614	01-09-14	Phan Thế Tuyền	6,617.0
213	Nông trường 1	36	228A	N13042	01-09-14	Phan Thị Đàn	21,636.0
214	Nông trường 1	40	29	NIKH2714	01-08-11	Phan Thị Đào	17,745.0
	Nông trường 1	40	29	NIKH2714	01-08-11	Phan Thị Đào	4,695.0
215	Nông trường 1	26	136	NILD0519	01-08-11	Phan Thị Duệ	18,386.0
	Nông trường 1	26	136	NILD0519	01-08-11	Phan Thị Duệ	710.0
216	Nông trường 1	24	203	N12292	01-09-14	Phan Thị Hạnh	17,300.0
	Nông trường 1	41	32	N12292	01-09-14	Phan Thị Hạnh	2,927.0
	Nông trường 1	41	32	N12292	01-09-14	Phan Thị Hạnh	8,946.0
	Nông trường 1	42	1	N12292	01-09-14	Phan Thị Hạnh	15,800.0
217	Nông trường 1	23	111	N10751	01-09-14	Phan Thị Lục	29,767.0
	Nông trường 1	36	155	N10751	01-09-14	Phan Thị Lục	10,937.0
218	Nông trường 1	27	109a	NILD0031	01-08-11	Phan Thị Niều	5,000.0
	Nông trường 1	27	109a	NILD0031	01-08-11	Phan Thị Niều	661.0
219	Nông trường 1	36	225	N10026	01-09-14	Phan Thị Sương	15,862.0
220	Nông trường 1	40	59	NIKH1847	01-08-11	Phan Thị Thái	16,807.0
	Nông trường 1	40	59	NIKH1847	01-08-11	Phan Thị Thái	605.0
221	Nông trường 1	26	196	N12986	01-09-14	Phan Thị Thành	13,200.0
	Nông trường 1	27	136	N12986	01-09-14	Phan Thị Thành	11,500.0
222	Nông trường 1	36	99	NILD0911	01-08-11	Phan Thị Trúc	15,534.0
223	Nông trường 1	41	4	NIKH0639	01-08-11	Phan Văn Hùng	11,936.0
	Nông trường 1	41	60	NIKH0639	01-08-11	Phan Văn Hùng	6,208.0
	Nông trường 1	41	60	NIKH0639	01-08-11	Phan Văn Hùng	4,382.0
224	Nông trường 1	23	10	NILD0012	01-08-11	Phan Viết Dương (CCB	16,191.0
225	Nông trường 1	11	29	N10752	01-09-14	Phan Viết Tam	18,322.0
	Nông trường 1	36	232A	N10752	01-09-14	Phan Viết Tam	15,032.0
226	Nông trường 1	49	190	NILD0553	01-08-11	Phan Viết Thanh	9,315.0
	Nông trường 1	49	190	NILD0553	01-08-11	Phan Viết Thanh	1,529.0
	Nông trường 1	49	190	NILD0553	01-08-11	Phan Viết Thanh	6,336.0
227	Nông trường 1	24	233	NILD0642	01-09-14	Phan Xuân Hùng	15,631.0
	Nông trường 1	24	234	NILD0642	01-09-14	Phan Xuân Hùng	9,108.0
228	Nông trường 1	36	235	N10032	01-09-14	Phan Xuân Linh	14,238.0
	Nông trường 1	36	236	N10032	01-09-14	Phan Xuân Linh	13,925.0
229	Nông trường 1	40	24	NILD0518	01-08-11	Thái Bá Cường	15,156.0
	Nông trường 1	40	24	NILD0518	01-08-11	Thái Bá Cường	6,033.0
230	Nông trường 1	24	215	N10583	01-09-14	Thái Đình Hân	16,780.0
	Nông trường 1	40	57	NIKH0583	01-08-11	Thái Đình Hân	15,180.0
231	Nông trường 1	37	29	NIKH0540	01-08-11	Thái Đình Lợi	16,511.0
	Nông trường 1	37	29	NIKH0540	01-08-11	Thái Đình Lợi	9,977.0
	Nông trường 1	40	33	NILD0540	01-09-14	Thái Đình Lợi	15,952.0
232	Nông trường 1	41	51b	NILD0503	01-08-11	Thái Đình Trung	15,668.0
	Nông trường 1	41	57a	NILD0503	01-08-11	Thái Đình Trung	2,642.0
	Nông trường 1	41	57a	NILD0503	01-08-11	Thái Đình Trung	17,408.0
	Nông trường 1	41	57b	NILD0503	01-08-11	Thái Đình Trung	2,827.0
	Nông trường 1	41	57b1	NILD0503	01-08-11	Thái Đình Trung	805.0
233	Nông trường 1	27	116	N10563	01-09-14	Thái Đình Việt	17,420.0
	Nông trường 1	41	35	N10563	01-09-14	Thái Đình Việt	15,000.0

STT hệ khảo	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 1	42	5a	N10563	01-09-14	Thái Đình Việt	12,000.0
234	Nông trường 1	48	92	N1KH0939	01-08-11	Thái Ngọc Châu	7,316.0
	Nông trường 1	48	92	N1KH0939	01-08-11	Thái Ngọc Châu	10,625.0
235	Nông trường 1	40	27	N1LD0528	01-08-11	Thái Thị Hương	5,896.0
	Nông trường 1	40	28	N1LD0528	01-08-11	Thái Thị Hương	15,613.0
	Nông trường 1	40	56	N1LD0528	01-08-11	Thái Thị Hương	18,244.0
236	Nông trường 1	33	557a	N12725	01-09-14	Thái Văn Phúc	13,288.0
	Nông trường 1	33	557b	N12725	01-09-14	Thái Văn Phúc	6,767.0
237	Nông trường 1	40	52	N1LD0504	01-08-11	Thái Xuân Bé	4,043.0
	Nông trường 1	40	51	N1LD0504	01-08-11	Thái Xuân Bé	16,052.0
238	Nông trường 1	37	7a	N10807	01-09-14	Tô Thị Liệu	16,200.0
	Nông trường 1	49	203	N1KH0807	01-08-11	Tô Thị Liệu	21,017.0
239	Nông trường 1	48	217	N1LD0857	01-08-11	Tô Thị Mai	200.0
	Nông trường 1	48	217	N1LD0857	01-08-11	Tô Thị Mai	13,533.0
	Nông trường 1	48	217	N1LD0857	01-08-11	Tô Thị Mai	11,237.0
240	Nông trường 1	40	21	N1KH2708	01-08-11	Tô Thị Thúy Hằng	10,955.0
	Nông trường 1	40	21	N1KH2708	01-08-11	Tô Thị Thúy Hằng	1,380.0
	Nông trường 1	40	21	N1KH2708	01-08-11	Tô Thị Thúy Hằng	3,625.0
241	Nông trường 1	49	161a	N12709	01-09-14	Trần Anh Tuấn	17,480.0
242	Nông trường 1	23	14b	N10059	01-09-14	Trần Đức Tuấn	9,014.0
243	Nông trường 1	49	188	N10925	01-09-14	Trần Hoàng Sa	11,277.0
	Nông trường 1	49	193	N1KH0925	01-08-11	Trần Hoàng Sa	6,120.0
	Nông trường 1	49	193	N1KH0925	01-08-11	Trần Hoàng Sa	5,733.0
244	Nông trường 1	40	23	N1KH2291	01-08-11	Trần Hữu Bang	16,460.0
	Nông trường 1	40	23	N1KH2291	01-08-11	Trần Hữu Bang	15,242.0
	Nông trường 1	42	92	N1KH2291	01-09-14	Trần Hữu Bang	15,900.0
245	Nông trường 1	40	54	N1LD2978	01-08-11	Trần Hữu Dũng	17,986.0
	Nông trường 1	40	54	N1LD2978	01-08-11	Trần Hữu Dũng	1,044.0
	Nông trường 1	40	60	N1LD2978	01-08-11	Trần Hữu Dũng	7,981.0
	Nông trường 1	40	60	N1LD2978	01-08-11	Trần Hữu Dũng	2,019.0
246	Nông trường 1	24	224	N1KH0638	01-08-11	Trần Hữu Hào	18,769.0
	Nông trường 1	24	225	N1KH0638	01-08-11	Trần Hữu Hào	14,491.0
	Nông trường 1	24	225	N1KH0638	01-08-11	Trần Hữu Hào	4,090.0
247	Nông trường 1	24	248	N10638	01-09-14	Trần Hữu Hào	6,103.0
248	Nông trường 1	38	28	N1LD0695	01-08-11	Trần Hữu Kiệm	16,589.0
	Nông trường 1	38	28	N1LD0695	01-08-11	Trần Hữu Kiệm	1,064.0
	Nông trường 1	38	34	N10695	01-09-14	Trần Hữu Kiệm	8,955.0
	Nông trường 1	38	43B	N10695	01-09-14	Trần Hữu Kiệm	16,611.0
249	Nông trường 1	23	37	N1LD1630	01-08-11	Trần Hữu Luận	8,000.0
	Nông trường 1	38	39	N10630	01-09-14	Trần Hữu Luận	12,900.0
250	Nông trường 1	26	148	N1LD0009	01-09-14	Trần Hữu Nhung	18,726.0
251	Nông trường 1	24	232	N1KH2716	01-08-11	Trần Hữu Quốc	18,844.0
	Nông trường 1	24	232	N1KH2716	01-08-11	Trần Hữu Quốc	419.0
252	Nông trường 1	42	91	N19993	01-09-14	Trần Hữu Tâm	14,864.0
253	Nông trường 1	27	121	N10615	01-09-14	Trần Hữu Thanh	14,718.0
254	Nông trường 1	27	114	N10023	01-09-14	Trần Hữu Vĩnh	4,161.0
	Nông trường 1	27	122	N10023	01-09-14	Trần Hữu Vĩnh	6,000.0

STT hệ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 1	40	46	N10023	01-09-14	Trần Hữu Vinh	16,551.0
255	Nông trường 1	27	115	NILD0023	01-08-11	Trần Hữu Vinh	15,337.0
256	Nông trường 1	23	112	N10661	01-09-14	Trần Kim Tuấn	5,165.0
	Nông trường 1	24	237	N10661	01-09-14	Trần Kim Tuấn	1,841.0
	Nông trường 1	37	4	N10661	01-09-14	Trần Kim Tuấn	7,811.0
257	Nông trường 1	38	37A	NILD0808	01-08-11	Trần Quốc Hứa	11,729.0
	Nông trường 1	38	37A	NILD0808	01-08-11	Trần Quốc Hứa	23,361.0
	Nông trường 1	49	213	N10808	01-09-14	Trần Quốc Hứa	4,350.0
	Nông trường 1	49	213	N10808	01-09-14	Trần Quốc Hứa	7,650.0
258	Nông trường 1	37	20	NILD0676	01-09-14	Trần Sỹ Dương	14,645.0
	Nông trường 1	37	35	NILD0676	01-09-14	Trần Sỹ Dương	17,718.0
	Nông trường 1	37	63	NIKH0676	01-08-11	Trần Sỹ Dương	16,385.0
	Nông trường 1	37	63	NIKH0676	01-08-11	Trần Sỹ Dương	9,615.0
259	Nông trường 1	37	12	NILD0743	01-08-11	Trần Thị Duân	15,370.0
	Nông trường 1	37	12	NILD0743	01-08-11	Trần Thị Duân	360.0
260	Nông trường 1	40	3	NILD0525	01-08-11	Trần Thị Hồng	303.0
	Nông trường 1	40	1	NILD0525	01-08-11	Trần Thị Hồng	3,283.0
	Nông trường 1	40	6	NILD0525	01-08-11	Trần Thị Hồng	15,633.0
261	Nông trường 1	40	63	N12482	01-09-14	Trần Thị Khiếu	16,470.0
262	Nông trường 1	41	24	NIKH0391	01-08-11	Trần Thị Kiều	16,005.0
	Nông trường 1	41	24	NIKH0391	01-08-11	Trần Thị Kiều	4,613.0
263	Nông trường 1	37	11	N10760	01-09-14	Trần Thị Lý	20,640.0
	Nông trường 1	37	11	N10760	01-09-14	Trần Thị Lý	634.0
264	Nông trường 1	37	39	NIKH2377	01-08-11	Trần Thị Mai	14,799.0
	Nông trường 1	37	39	NIKH2377	01-08-11	Trần Thị Mai	12,291.0
265	Nông trường 1	38	45	NIKH0755	01-08-11	Trần Thị Ngọc Vân	17,461.0
	Nông trường 1	38	59	NIKH0755	01-08-11	Trần Thị Ngọc Vân	22,609.0
266	Nông trường 1	37	1	N10762	01-09-14	Trần Thị Ninh	20,637.0
267	Nông trường 1	49	184	NILD0494	01-08-11	Trần Thị Thắm	5,031.0
	Nông trường 1	49	184	NILD0494	01-08-11	Trần Thị Thắm	9,869.0
268	Nông trường 1	23	85	NIKH2719	01-08-11	Trần Thị Thu Hà	29,105.0
269	Nông trường 1	49	179	N12717	01-09-14	Trần Thị Thu Hiền	6,687.0
	Nông trường 1	49	180	N12717	01-09-14	Trần Thị Thu Hiền	7,261.0
270	Nông trường 1	37	30	NILD0485	01-08-11	Trần Thị Vượng	15,000.0
	Nông trường 1	41	34	NILD0485	01-08-11	Trần Thị Vượng	15,349.0
	Nông trường 1	41	34	NILD0485	01-08-11	Trần Thị Vượng	7,665.0
271	Nông trường 1	41	65	NIKH1477	01-09-14	Trần Văn Chiến	14,915.0
272	Nông trường 1	27	129	NIKH2290	01-09-14	Trần Văn Luận	20,254.0
	Nông trường 1	38	21	NIKH2290	01-09-14	Trần Văn Luận	16,000.0
	Nông trường 1	38	64	NIKH2290	01-09-14	Trần Văn Luận	7,899.0
273	Nông trường 1	41	7	N10541	01-09-14	Trần Văn Lý	18,165.0
274	Nông trường 1	23	23	N10749	01-09-14	Trần Văn Nhiệm	17,957.0
	Nông trường 1	23	29	N10749	01-09-14	Trần Văn Nhiệm	6,441.0
	Nông trường 1	36	194	N10749	01-09-14	Trần Văn Nhiệm	18,565.0
275	Nông trường 1	23	8	NIKH0753	01-08-11	Trần Văn Thòa	15,780.0
	Nông trường 1	23	8	NIKH0753	01-08-11	Trần Văn Thòa	4,272.0
276	Nông trường 1	41	70	N12184	01-09-14	Trương Huy Thanh	14,459.0

STT hệ khóan	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 1	41	71	N12184	01-09-14	Trương Huy Thanh	5,384.0
277	Nông trường 1	49	178	N10042	01-09-14	Trương Ngọc Thu Vân	14,176.0
	Nông trường 1	49	178	N10042	01-09-14	Trương Ngọc Thu Vân	3,342.0
278	Nông trường 1	49	198	N1LD1616	01-08-11	Trương Quang Mai	9,723.0
	Nông trường 1	49	198	N1LD1616	01-08-11	Trương Quang Mai	931.0
279	Nông trường 1	49	158	N1LD0628	01-11-15	Trương Thị Hiền	10,811.0
	Nông trường 1	49	171	N1LD0628	01-11-15	Trương Thị Hiền	9,803.0
280	Nông trường 1	49	218	N10010	01-09-14	Võ Duy Thắng	21,442.0
281	Nông trường 1	38	1	N1KH0756	01-09-14	Võ Tấn Cường	16,377.0
	Nông trường 1	41	62a	N1KH0756	01-09-14	Võ Tấn Cường	16,763.0
282	Nông trường 1	39	62	N1LD0501	01-08-11	Võ Tiến Trường	21,600.0
283	Nông trường 1	27	117	N1LD0014	01-09-14	Võ Văn An	16,050.0
	Nông trường 1	41	27	N1LD0014	01-09-14	Võ Văn An	7,500.0
	Nông trường 1	42	27	N1LD0014	01-08-11	Võ Văn An	7,500.0
284	Nông trường 1	37	22	N1LD0513	01-09-14	Võ Văn Bảo	6,228.0
	Nông trường 1	37	22	N1LD0513	01-09-14	Võ Văn Bảo	7,832.0
285	Nông trường 1	27	127	N10629	01-09-14	Võ Văn Bình	15,914.0
	Nông trường 1	41	37	N1KH0629	01-08-11	Võ Văn Bình	19,136.0
	Nông trường 1	41	37	N1KH0629	01-08-11	Võ Văn Bình	10,303.0
286	Nông trường 1	37	65	N1KH2710	01-08-11	Võ Văn Trang	17,977.0
	Nông trường 1	37	65	N1KH2710	01-08-11	Võ Văn Trang	3,343.0
287	Nông trường 1	36	168	N12390	01-09-14	Võ Văn Trung	10,081.0
	Nông trường 1	36	176	N12390	01-09-14	Võ Văn Trung	10,057.0
	Nông trường 1	36	220A	N12390	01-09-14	Võ Văn Trung	14,049.0
	Nông trường 1	36	220A	N12390	01-09-14	Võ Văn Trung	1,130.0
	Nông trường 1	36	221b	N1KH2390	01-08-11	Võ Văn Trung	11,638.0
	Nông trường 1	36	221b	N1KH2390	01-08-11	Võ Văn Trung	2,683.0
288	Nông trường 1	37	57	N1LD1782	01-09-14	Vũ Ngọc Bích Châm	9,122.0
	Nông trường 1	49	196	N1LD1782	01-08-11	Vũ Ngọc Bích Châm	19,576.0
289	Nông trường 1	49	167a	N1KH0856	01-08-11	Vũ Ngọc Long	11,303.0
	Nông trường 1	49	167a	N1KH0856	01-08-11	Vũ Ngọc Long	773.0
290	Nông trường 1	38	46	N1KH0859	01-08-11	Vũ Ngọc Quang	5,760.0
	Nông trường 1	38	46	N1KH0859	01-08-11	Vũ Ngọc Quang	10,640.0
	Nông trường 1	48	114	N1KH0859	01-08-11	Vũ Ngọc Quang	3,000.0
	Nông trường 1	48	86a	N1KH0859	01-08-11	Vũ Ngọc Quang	19,657.0
291	Nông trường 1	48	48	N1LD0005	01-08-11	Vũ Ngọc Sơn	8,084.0
	Nông trường 1	48	48	N1LD0005	01-08-11	Vũ Ngọc Sơn	4,255.0
292	Nông trường 1	48	165	N1LD0806	01-08-11	Vũ Thị Yến	12,931.0
	Nông trường 1	48	165	N1LD0806	01-08-11	Vũ Thị Yến	3,369.0
	Nông trường 1	48	165	N1LD0806	01-08-11	Vũ Thị Yến	3,638.0

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT HỘ GIAO KHOẢN
THỰC HIỆN GIAO KHOẢN THEO NGHỊ ĐỊNH 135
(NONG TRƯỞNG 2)

(Ban hành kèm theo Kết luận số 44 /KL-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT hộ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Cộng						11,614,023.8
1	Nông trường 2	70	12	N2LD1168	01-09-14	Bùi Công Am	9,544.0
	Nông trường 2	73	117	N2LD1168	01-09-14	Bùi Công Am	7,338.0
	Nông trường 2	73	125	N2LD1168	01-09-14	Bùi Công Am	16,636.0
	Nông trường 2	73	133	N2LD1168	01-09-14	Bùi Công Am	1,781.0
	Nông trường 2	73	73a	N2LD1168	01-09-14	Bùi Công Am	15,000.0
2	Nông trường 2	87	33a	N2LD1473	01-09-14	Bùi Đăng Bộ	4,115.0
	Nông trường 2	89	34	N2LD1473	01-09-14	Bùi Đăng Bộ	12,086.0
	Nông trường 2	89	40	N2LD1473	01-09-14	Bùi Đăng Bộ	14,385.0
	Nông trường 2	92	25	N2LD2896	01-09-14	Bùi Đăng Bộ	10,416.0
	Nông trường 2	94	3	N2LD1473	01-09-14	Bùi Đăng Bộ	6,137.0
	Nông trường 2	94	12a	N2LD1473	01-09-14	Bùi Đăng Bộ	10,000.0
3	Nông trường 2	73	19	N2LD3001	01-09-14	Bùi Đăng Tư	6,567.0
	Nông trường 2	90	18	N2LD3001	01-09-14	Bùi Đăng Tư	18,495.0
	Nông trường 2	90	51	N2LD3001	01-09-14	Bùi Đăng Tư	11,059.0
4	Nông trường 2	104	77	N2LD0209	01-08-11	Bùi Minh Vương	16,300.0
5	Nông trường 2	72	105	N2LD6736	01-09-14	Bùi Thị Bảy	13,148.0
	Nông trường 2	89	37	N2LD6736	01-09-14	Bùi Thị Bảy	4,658.0
	Nông trường 2	93	6	N2LD2896	01-09-14	Bùi Thị Bảy	16,298.0
6	Nông trường 2	94	21	N2LD6762	01-09-14	Bùi Thị Hà	12,577.0
7	Nông trường 2	93	52	N2LD0225	01-09-14	Bùi Thị Hương (Bộ)	655.0
	Nông trường 2	93	90	N2LD0225	01-09-14	Bùi Thị Hương (Bộ)	2,311.0
	Nông trường 2	93	68a	N2LD0225	01-09-14	Bùi Thị Hương (Bộ)	17,100.0
	Nông trường 2	94	22c	N2LD0225	01-09-14	Bùi Thị Hương (Bộ)	10,000.0
	Nông trường 2	94	4a	N2LD0225	01-09-14	Bùi Thị Hương (Bộ)	3,000.0
8	Nông trường 2	73	55	N2LD1180	01-09-14	Bùi Thị Hường (Cường)	5,300.0
	Nông trường 2	90	31b	N2LD1180	01-09-14	Bùi Thị Hường (Cường)	5,925.0
9	Nông trường 2	94	48	N2LD1248	01-09-14	Bùi Thị Soa	15,186.0
	Nông trường 2	94	50	N2LD1248	01-09-14	Bùi Thị Soa	9,726.0
	Nông trường 2	94	63a	N2LD1248	01-09-14	Bùi Thị Soa	16,690.0
10	Nông trường 2	104	85a	N2LD0215	01-09-14	Bùi Thị Triều	7,500.0
11	Nông trường 2	104	84	N2LD0189	01-09-14	Bùi Văn Đoàn	2,134.0
	Nông trường 2	104	106	N2LD0189	01-09-14	Bùi Văn Đoàn	7,644.0
12	Nông trường 2	72	123	N2LD0020	01-09-14	Bùi Văn Hải	9,717.0
	Nông trường 2	73	105	N2LD0020	01-09-14	Bùi Văn Hải	3,197.0
13	Nông trường 2	108	53	N2LD6776	01-09-14	Bùi Văn Hợp	14,252.0
14	Nông trường 2	73	40	N2LD0054	01-08-11	Bùi Văn Thuận	2,400.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	73	46	N2LD0054	01-08-11	Bùi Văn Thuận	13,600.0
	Nông trường 2	73	47a	N2LD0054	01-08-11	Bùi Văn Thuận	6,700.0
	Nông trường 2	90	1	N2LD0054	01-08-11	Bùi Văn Thuận	3,200.0
	Nông trường 2	90	52	N2LD0054	01-08-11	Bùi Văn Thuận	500.0
	Nông trường 2	90	53	N2LD0054	01-08-11	Bùi Văn Thuận	1,400.0
15	Nông trường 2	107	52	N2LD6678	01-08-11	Bùi Xuân Đới	1,900.0
	Nông trường 2	107	63	N2LD6678	01-08-11	Bùi Xuân Đới	9,300.0
	Nông trường 2	107	68	N2LD6678	00-01-00	Bùi Xuân Đới	14,590.0
	Nông trường 2	107	69	N2LD6678	01-08-11	Bùi Xuân Đới	2,310.0
	Nông trường 2	107	51b	N2LD6678	01-08-11	Bùi Xuân Đới	3,700.0
	Nông trường 2	107	70b	N2LD6678	01-08-11	Bùi Xuân Đới	4,400.0
	Nông trường 2	108	64	N2LD6678	01-08-11	Bùi Xuân Đới	9,800.0
	Nông trường 2	108	65	N2LD6678	01-08-11	Bùi Xuân Đới	8,100.0
	Nông trường 2	108	Kxd	N2LD6678	01-08-11	Bùi Xuân Đới	2,000.0
16	Nông trường 2	69	88	D5LD2810	01-08-11	Bùi Xuân Kế	6,000.0
	Nông trường 2	69	73	D5LD2810	01-08-11	Bùi Xuân Kế	4,000.0
17	Nông trường 2	69	117	N2LD0200	01-09-14	Cao Đình Chiến	4,932.0
	Nông trường 2	72	106a	N2LD0200	01-09-14	Cao Đình Chiến	6,049.0
18	Nông trường 2	69	96c	D5LD5566	01-08-11	Cao Thị	2,100.0
	Nông trường 2	71	39	D5LD5566	01-08-11	Cao Thị	2,800.0
19	Nông trường 2	91	13a	N2LD2896	01-09-14	Cao Thị Quỳnh	2,000.0
	Nông trường 2	91	13b	N2LD2896	01-09-14	Cao Thị Quỳnh	1,836.0
	Nông trường 2	93	56	N2LD0192	01-09-14	Cao Thị Quỳnh	14,004.0
20	Nông trường 2	104	68	N2LD3560	01-09-14	Cao Thị Tiến	9,437.0
21	Nông trường 2	93	81	N2LD0169	01-09-14	Cao Xuân Luân	1,180.0
	Nông trường 2	102	107a	N2LD0169	01-09-14	Cao Xuân Luân	12,000.0
	Nông trường 2	93	82a	N2LD0169	01-09-14	Cao Xuân Luân	1,500.0
22	Nông trường 2	93	1	N2LD6682	01-09-14	Cao Xuân Thắng	7,218.0
23	Nông trường 2	105	8	N2LD3017	01-09-14	Chu Ngọc Trụ	10,095.0
	Nông trường 2	105	9	N2LD3017	01-09-14	Chu Ngọc Trụ	20,000.0
24	Nông trường 2	71	3	N2LD6751	01-09-14	Đặng Đình Hoàn	4,216.0
	Nông trường 2	71	12	N2LD6751	01-09-14	Đặng Đình Hoàn	13,038.0
25	Nông trường 2	89	98	N2KH1234	01-09-14	Đặng Đình Phúc	16,809.0
	Nông trường 2	94	20	N2KH1234	01-09-14	Đặng Đình Phúc	24,130.0
	Nông trường 2	94	33a	N2KH1234	01-09-14	Đặng Đình Phúc	2,432.0
26	Nông trường 2	70	58	N2LD0173	01-08-11	Đặng Đình Thành	13,800.0
	Nông trường 2	70	60	N2LD0173	01-08-11	Đặng Đình Thành	1,400.0
	Nông trường 2	70	52c	N2LD0173	01-08-11	Đặng Đình Thành	5,000.0
27	Nông trường 2	104	112	N2LD0058	01-09-14	Đặng Hoàng Long	11,055.0
28	Nông trường 2	70	19	D5KH1211	01-08-11	Đặng Thị Hiền (Thức)	7,700.0
	Nông trường 2	70	28	D5KH1211	01-08-11	Đặng Thị Hiền (Thức)	4,900.0
	Nông trường 2	73	60	D5KH1211	01-08-11	Đặng Thị Hiền (Thức)	16,100.0
	Nông trường 2	73	47b	D5KH1211	01-08-11	Đặng Thị Hiền (Thức)	4,000.0
	Nông trường 2	90	19	D5KH1211	01-08-11	Đặng Thị Hiền (Thức)	10,200.0
	Nông trường 2	90	42	D5KH1211	01-08-11	Đặng Thị Hiền (Thức)	4,900.0
	Nông trường 2	91	14	D5KH1211	01-08-11	Đặng Thị Hiền (Thức)	4,800.0
	Nông trường 2	103	76	D5KH1211	01-08-11	Đặng Thị Hiền (Thức)	2,000.0
29	Nông trường 2	76	60	N2LD0022	01-08-11	Đặng Thị Hoa	12,000.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
30	Nông trường 2	109	6b	N2LD1110	01-09-14	Đặng Văn An	5,006.0
	Nông trường 2	114	48a	N2LD1110	01-09-14	Đặng Văn An	4,256.0
	Nông trường 2	114	59b	N2LD1110	01-09-14	Đặng Văn An	11,860.0
31	Nông trường 2	69	66	D5LD3526	01-08-11	Đậu Bá Dũng	6,700.0
	Nông trường 2	69	96b	D5LD3526	01-08-11	Đậu Bá Dũng	2,600.0
	Nông trường 2	70	30c	D5LD3526	01-08-11	Đậu Bá Dũng	5,100.0
	Nông trường 2	72	117	D5LD3526	01-08-11	Đậu Bá Dũng	12,500.0
	Nông trường 2	72	121	D5LD3526	01-08-11	Đậu Bá Dũng	3,200.0
32	Nông trường 2	109	78	N2LD1821	01-09-14	Đậu Đức Dương	16,090.0
33	Nông trường 2	105	18	N2LD0165	01-09-14	Đinh Bạt Hương	8,348.0
34	Nông trường 2	91	31	N2LD2896	01-09-14	Đinh Thị Nhị	18,177.0
	Nông trường 2	93	14	N2LD2715	01-09-14	Đinh Thị Nhị	21,320.0
	Nông trường 2	93	15a	N2LD2715	01-09-14	Đinh Thị Nhị	5,000.0
	Nông trường 2	94	27	N2LD2715	01-09-14	Đinh Thị Nhị	6,100.0
	Nông trường 2	103	13	N2LD2715	01-09-14	Đinh Thị Nhị	11,883.0
	Nông trường 2	103	35	N2LD2715	01-09-14	Đinh Thị Nhị	12,725.0
	Nông trường 2	108	61	N2LD2715	01-09-14	Đinh Thị Nhị	5,217.0
	Nông trường 2	93	26	D5LD2715	01-08-11	Đinh Thị Nhị	1,500.0
35	Nông trường 2	91	12	N2LD0048	01-09-14	Đinh Thị Nhung	27,038.0
36	Nông trường 2	92	13	N2LD1108	01-09-14	Đinh Văn Phú	24,135.0
	Nông trường 2	92	16	N2LD1108	01-09-14	Đinh Văn Phú	5,711.0
	Nông trường 2	92	20	N2LD1108	01-09-14	Đinh Văn Phú	13,055.0
	Nông trường 2	92	21	N2LD1108	01-09-14	Đinh Văn Phú	5,026.0
	Nông trường 2	92	27	D5LD1108	01-08-11	Đinh Văn Phú	1,200.0
37	Nông trường 2	104	91	N2LD2820	01-09-14	Đinh Văn Thọ	12,647.0
	Nông trường 2	104	105	N2LD2820	01-09-14	Đinh Văn Thọ	1,192.0
	Nông trường 2	104	108	N2LD2820	01-09-14	Đinh Văn Thọ	3,283.0
	Nông trường 2	104	110	N2LD2820	01-09-14	Đinh Văn Thọ	3,504.0
	Nông trường 2	108	41	N2LD2820	01-09-14	Đinh Văn Thọ	13,222.0
	Nông trường 2	103	26	N2LD2820	01-09-14	Đinh Văn Thọ	8,267.0
38	Nông trường 2	68	112	D6LD3558	01-08-11	Đinh Xuân Trường	2,300.0
	Nông trường 2	68	113	D6LD3558	01-08-11	Đinh Xuân Trường	1,500.0
	Nông trường 2	93	69	N2LD3558	01-09-14	Đinh Xuân Trường	17,439.0
	Nông trường 2	108	50	N2LD3558	01-09-14	Đinh Xuân Trường	3,197.0
39	Nông trường 2	71	60	N2LD0088	01-09-14	Đỗ Duy Chiến	16,672.0
	Nông trường 2	104	95b	N2LD0088	01-09-14	Đỗ Duy Chiến	10,000.0
	Nông trường 2	107	31	N2LD0088	01-09-14	Đỗ Duy Chiến	9,408.0
40	Nông trường 2	73	124	D5KH2394	01-08-11	Đỗ Duy Thắng	24,600.0
41	Nông trường 2	103	38	N2LD0091	01-09-14	Đỗ Hoàng Hà	20,439.0
	Nông trường 2	103	54	N2LD0091	01-09-14	Đỗ Hoàng Hà	5,500.0
	Nông trường 2	103	55	N2LD0091	01-09-14	Đỗ Hoàng Hà	2,553.0
42	Nông trường 2	104	69a	D6LD0356	01-08-11	Đỗ Phúc Lâm	25,000.0
43	Nông trường 2	104	45	N2LD0045	01-09-14	Đỗ Quốc Hoàng	27,260.0
	Nông trường 2	104	52	N2LD0045	01-09-14	Đỗ Quốc Hoàng	1,342.0
44	Nông trường 2	103	25	N3LD2730	01-09-14	Đỗ Tất Thắng	16,389.0
45	Nông trường 2	108	33a	N2LD0216	01-09-14	Đỗ Thị Huệ	10,031.0
46	Nông trường 2	72	115	N2KH2732	01-09-14	Đỗ Thị Liễu	14,134.0
	Nông trường 2	87	90a	N2KH2732	01-09-14	Đỗ Thị Liễu	14,976.0

STT hồ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	87	90b	N2KH2732	01-09-14	Đỗ Thị Liễu	5,000.0
47	Nông trường 2	104	84a	D5KH2732	01-08-11	Đỗ Thị Liễu (Thành)	10,000.0
48	Nông trường 2	73	136	N2LD1143	01-09-14	Đỗ Thị Tuyết	2,799.0
	Nông trường 2	73	137	N2LD1143	01-09-14	Đỗ Thị Tuyết	20,098.0
49	Nông trường 2	73	111	N2KH1215	01-09-14	Đỗ Tuấn Anh	35,329.0
	Nông trường 2	94	55	N2KH1215	01-09-14	Đỗ Tuấn Anh	31,298.0
	Nông trường 2	102	138	N2KH1215	01-09-14	Đỗ Tuấn Anh	427.0
	Nông trường 2	102	137a	N2KH1215	01-09-14	Đỗ Tuấn Anh	11,573.0
	Nông trường 2	102	137b	D5KH1215	01-08-11	Đỗ Tuấn Anh	10,534.0
	Nông trường 2	108	24	N2KH1215	01-09-14	Đỗ Tuấn Anh	15,136.0
	Nông trường 2	108	22b	N2KH1215	01-09-14	Đỗ Tuấn Anh	17,887.0
50	Nông trường 2	93	32	N2KH2728	01-09-14	Đỗ Văn Toàn	18,050.0
51	Nông trường 2	87	11	N2LD0150	01-08-11	Đoàn Thị Tươi	400.0
	Nông trường 2	87	21	N2LD0150	01-08-11	Đoàn Thị Tươi	1,400.0
	Nông trường 2	108	39	N2LD0150	01-08-11	Đoàn Thị Tươi	4,400.0
	Nông trường 2	108	46	N2LD0150	01-08-11	Đoàn Thị Tươi	2,100.0
52	Nông trường 2	92	12	D5KH1276	01-08-11	Đoàn Xuân Thi	30,800.0
	Nông trường 2	92	17	D5KH1276	01-08-11	Đoàn Xuân Thi	3,400.0
53	Nông trường 2	90	85	N2LD2896	01-09-14	Đồng Minh Lý	4,701.0
	Nông trường 2	90	86	N2LD2896	01-09-14	Đồng Minh Lý	5,455.0
	Nông trường 2	90	95	N2LD2676	01-09-14	Đồng Minh Lý	14,873.0
54	Nông trường 2	69	51	N2LD1167	01-09-14	Đồng Thị Yến	10,367.0
	Nông trường 2	72	118	N2LD1167	01-09-14	Đồng Thị Yến	8,781.0
	Nông trường 2	72	120a	N2LD1167	01-09-14	Đồng Thị Yến	6,550.0
55	Nông trường 2	70	33	N2LD0074	01-09-14	Dương Quang Hiến	8,945.0
	Nông trường 2	93	53	N2LD0074	01-09-14	Dương Quang Hiến	13,773.0
	Nông trường 2	103	22	N2LD0074	01-09-14	Dương Quang Hiến	15,210.0
56	Nông trường 2	103	101	N2LD0162	01-09-14	Dương Thanh Bình	1,074.0
	Nông trường 2	103	102	N2LD0162	01-09-14	Dương Thanh Bình	7,703.0
	Nông trường 2	105	13	N2LD0162	01-09-14	Dương Thanh Bình	12,051.0
57	Nông trường 2	90	5	N2KH1205	01-09-14	Giang Văn Tồn	16,230.0
58	Nông trường 2	104	100	D6LD1681	01-08-11	Giáp Đức Hòa	11,600.0
59	Nông trường 2	94	39	N2LD0229	01-09-14	Giáp Đức Hoài	5,603.0
	Nông trường 2	94	40	N2LD0229	01-09-14	Giáp Đức Hoài	3,691.0
	Nông trường 2	94	47	N2LD0229	01-09-14	Giáp Đức Hoài	12,364.0
	Nông trường 2	94	38b	N2LD0229	01-09-14	Giáp Đức Hoài	1,396.0
60	Nông trường 2	103	105	N2LD0421	01-09-14	Giáp Thị Lý	337.0
	Nông trường 2	103	106	N2LD0421	01-09-14	Giáp Thị Lý	14,503.0
61	Nông trường 2	93	70	N2KH2226	01-09-14	Giáp Thị Vân	1,079.0
	Nông trường 2	93	86	N2KH2226	01-09-14	Giáp Thị Vân	5,569.0
	Nông trường 2	93	87	N2KH2226	01-09-14	Giáp Thị Vân	6,357.0
	Nông trường 2	103	90	N2KH2226	01-09-14	Giáp Thị Vân	10,252.0
	Nông trường 2	103	93	N2KH2226	01-09-14	Giáp Thị Vân	6,054.0
	Nông trường 2	104	9	N2KH2226	01-09-14	Giáp Thị Vân	5,437.0
	Nông trường 2	104	98	N2KH2226	01-09-14	Giáp Thị Vân	1,718.0
	Nông trường 2	104	99	N2KH2226	01-09-14	Giáp Thị Vân	10,570.0
	Nông trường 2	108	7	N2KH2226	01-09-14	Giáp Thị Vân	9,849.0
	Nông trường 2	108	8	N2KH2226	01-09-14	Giáp Thị Vân	5,768.0

STT hộ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
62	Nông trường 2	73	75	N2LD0178	01-09-14	Hà Nhi Kiều Phương Mãnh	8,954.0
	Nông trường 2	73	76	N2LD0178	01-09-14	Hà Nhi Kiều Phương Mãnh	7,297.0
63	Nông trường 2	72	110	N2LD3037	01-09-14	Hà Thị Lan	6,526.0
64	Nông trường 2	94	7	N2LD0151	01-09-14	Hà Thị Mai	11,113.0
65	Nông trường 2	103	89a	N2LD1751	01-09-14	Hà Thị Nga	11,484.0
	Nông trường 2	104	81	N2LD1751	01-09-14	Hà Thị Nga	7,017.0
	Nông trường 2	104	97	N2LD1751	01-09-14	Hà Thị Nga	18,146.0
66	Nông trường 2	70	42b	N2LD0219	01-08-11	Hà Trung Hiếu	7,100.0
	Nông trường 2	70	52b	N2LD0219	01-08-11	Hà Trung Hiếu	3,000.0
67	Nông trường 2	69	63	D5KH1190	01-08-11	Hồ Hữu Quang	10,511.0
	Nông trường 2	69	69	D5KH1190	01-08-11	Hồ Hữu Quang	8,358.0
	Nông trường 2	73	113	D5KH1190	01-08-11	Hồ Hữu Quang	15,300.0
	Nông trường 2	76	118a	D5KH1190	01-08-11	Hồ Hữu Quang	15,000.0
	Nông trường 2	89	49	D5KH1190	01-08-11	Hồ Hữu Quang	5,800.0
	Nông trường 2	90	94	D5KH1190	01-08-11	Hồ Hữu Quang	17,900.0
68	Nông trường 2	103	84a	N2KH1284	01-09-14	Hồ Huy Chiển	17,540.0
	Nông trường 2	103	84b	N2KH1284	01-09-14	Hồ Huy Chiển	6,000.0
	Nông trường 2	103	99a	N2KH1284	01-09-14	Hồ Huy Chiển	4,504.0
	Nông trường 2	103	99b	N2KH1284	01-09-14	Hồ Huy Chiển	12,077.0
69	Nông trường 2	103	83	N2LD0052	01-09-14	Hồ Huy Luân	10,042.0
70	Nông trường 2	89	53	N2LD1274	01-09-14	Hồ Huy Tế	1,742.0
	Nông trường 2	89	54a	D5KH1274	01-08-11	Hồ Huy Tế	1,800.0
	Nông trường 2	90	81a	N2LD1274	01-09-14	Hồ Huy Tế	13,678.0
	Nông trường 2	90	99a	N2LD1274	01-09-14	Hồ Huy Tế	4,623.0
	Nông trường 2	93	5a	N2LD2896	01-09-14	Hồ Huy Tế	20,223.0
71	Nông trường 2	68	107b	N2LD0197	01-08-11	Hồ Minh Rạng	3,225.8
	Nông trường 2	68	108	N2LD0197	01-08-11	Hồ Minh Rạng	5,000.0
72	Nông trường 2	70	51	N2LD2760	01-09-14	Hồ Minh Sánh	32,983.0
	Nông trường 2	72	10	N2LD2760	01-09-14	Hồ Minh Sánh	13,259.0
73	Nông trường 2	89	84	N2LD6734	01-09-14	Hồ Thanh Dung	3,544.0
74	Nông trường 2	72	13	D5KH1145	01-08-11	Hoàng Công Chính	6,600.0
	Nông trường 2	73	8	D5KH1145	01-08-11	Hoàng Công Chính	26,600.0
75	Nông trường 2	69	101	N2LD0453	01-09-14	Hoàng Đình Thùy	18,641.0
76	Nông trường 2	86	78	D5LD0453	01-08-11	Hoàng Đình Thùy (Khanh)	4,114.0
	Nông trường 2	86	79	D5LD0453	01-08-11	Hoàng Đình Thùy (Khanh)	6,976.0
77	Nông trường 2	93	45a1	N2LD0065	01-09-14	Hoàng Đức Thảo	29,862.0
	Nông trường 2	93	45a2	N2LD0065	01-09-14	Hoàng Đức Thảo	500.0
78	Nông trường 2	69	78	D5LD3029	01-08-11	Hoàng Minh Hiếu	1,024.0
	Nông trường 2	69	89	D5LD3029	01-08-11	Hoàng Minh Hiếu	6,177.0
	Nông trường 2	69	106	D5LD3029	01-08-11	Hoàng Minh Hiếu	9,006.0
	Nông trường 2	73	45	D5LD3029	01-08-11	Hoàng Minh Hiếu	6,700.0
	Nông trường 2	73	115	D5LD3029	01-08-11	Hoàng Minh Hiếu	1,021.0
	Nông trường 2	73	116	D5LD3029	01-08-11	Hoàng Minh Hiếu	5,300.0
	Nông trường 2	73	127	D5LD3029	00-01-00	Hoàng Minh Hiếu	2,117.0
	Nông trường 2	90	4b	D5LD3029	01-08-11	Hoàng Minh Hiếu	10,000.0
79	Nông trường 2	109	90b1	N2LD1233	01-09-14	Hoàng Ngọc Đầu	4,000.0
	Nông trường 2	109	92b1	N2LD1233	01-09-14	Hoàng Ngọc Đầu	6,763.0
	Nông trường 2	109	92b2	N2LD1233	01-09-14	Hoàng Ngọc Đầu	3,351.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	109	99a	N2LD1233	01-09-14	Hoàng Ngọc Đầu	1,109.0
	Nông trường 2	109	99b	N2LD1233	01-09-14	Hoàng Ngọc Đầu	1,777.0
80	Nông trường 2	109	62	N2LD0083	01-09-14	Hoàng Thị Long	624.0
	Nông trường 2	109	63	N2LD0083	01-09-14	Hoàng Thị Long	1,641.0
	Nông trường 2	109	54a	N2LD0083	01-09-14	Hoàng Thị Long	2,735.0
81	Nông trường 2	103	12	D6LD3091	01-08-11	Hoàng Thị Phương	14,100.0
	Nông trường 2	103	42	D6LD3091	01-08-11	Hoàng Thị Phương	2,800.0
	Nông trường 2	103	82	D6LD3091	01-08-11	Hoàng Thị Phương	1,700.0
82	Nông trường 2	70	8	N2LD1703	01-09-14	Hoàng Văn Dân	18,624.0
	Nông trường 2	70	21	D5LD1703	01-08-11	Hoàng Văn Dân	3,400.0
	Nông trường 2	70	22	N2LD1703	01-09-14	Hoàng Văn Dân	5,817.0
83	Nông trường 2	70	25	N2LD3027	01-09-14	Hoàng Văn Thùng	14,124.0
84	Nông trường 2	90	78	N2LD2925	01-09-14	Hoàng Văn Vời	15,623.0
	Nông trường 2	102	112	N2LD2925	01-09-14	Hoàng Văn Vời	1,918.0
	Nông trường 2	103	59	N2LD2925	01-09-14	Hoàng Văn Vời	4,976.0
	Nông trường 2	103	112	D5LD2925	01-08-11	Hoàng Văn Vời	1,900.0
	Nông trường 2	103	114	N2LD2925	01-09-14	Hoàng Văn Vời	7,121.0
85	Nông trường 2	114	48b	N2LD6769	01-09-14	Hứa Mạnh Hùng	8,189.0
86	Nông trường 2	108	15	N2LD6697	01-09-14	Hứa Minh Châu	1,720.0
87	Nông trường 2	109	69	N2LD0203	01-09-14	Lê Ánh	2,199.0
	Nông trường 2	109	71	N2LD0203	01-09-14	Lê Ánh	18,847.0
	Nông trường 2	109	91b	N2LD0203	01-09-14	Lê Ánh	15,734.0
88	Nông trường 2	70	23	N2LD6771	01-09-14	Lê Anh Phi	8,501.0
	Nông trường 2	70	24	N2LD6771	01-09-14	Lê Anh Phi	8,602.0
89	Nông trường 2	89	87a	N2LD0057	01-09-14	Lê Đăng Dụ	7,584.0
90	Nông trường 2	70	52d	N2LD0202	01-09-14	Lê Đình Doanh	4,500.0
	Nông trường 2	71	54	N2LD0202	01-09-14	Lê Đình Doanh	3,969.0
	Nông trường 2	73	83b	N2LD0202	01-09-14	Lê Đình Doanh	6,000.0
	Nông trường 2	90	90	N2LD0202	01-09-14	Lê Đình Doanh	4,917.0
91	Nông trường 2	73	81c	N2LD3012	01-09-14	Lê Đình Giáp	3,000.0
	Nông trường 2	73	83a	N2LD3012	01-09-14	Lê Đình Giáp	3,680.0
	Nông trường 2	89	4	N2LD3012	01-09-14	Lê Đình Giáp	3,162.0
	Nông trường 2	89	5	N2LD3012	01-09-14	Lê Đình Giáp	3,428.0
	Nông trường 2	89	11	N2LD3012	01-09-14	Lê Đình Giáp	1,387.0
	Nông trường 2	90	92b	N2LD3012	01-09-14	Lê Đình Giáp	3,000.0
92	Nông trường 2	72	92	D5LD3034	01-08-11	Lê Đình Nhuận	2,900.0
	Nông trường 2	72	108	D5LD3034	01-08-11	Lê Đình Nhuận	1,600.0
	Nông trường 2	72	106b	D5LD3034	01-08-11	Lê Đình Nhuận	2,000.0
	Nông trường 2	90	23	D5LD3034	01-08-11	Lê Đình Nhuận	1,200.0
	Nông trường 2	90	16a	D5LD3034	01-08-11	Lê Đình Nhuận	5,400.0
	Nông trường 2	91	5	D5LD3034	01-08-11	Lê Đình Nhuận	3,600.0
93	Nông trường 2	89	17	N2LD0156	01-08-11	Lê Đình Thúy	5,300.0
	Nông trường 2	90	44	N2LD0156	01-08-11	Lê Đình Thúy	7,400.0
	Nông trường 2	90	45	N2LD0156	01-08-11	Lê Đình Thúy	1,600.0
	Nông trường 2	91	15	N2LD0156	01-08-11	Lê Đình Thúy	6,200.0
	Nông trường 2	91	16	N2LD0156	01-08-11	Lê Đình Thúy	17,900.0
	Nông trường 2	91	26	N2LD0156	01-08-11	Lê Đình Thúy	5,800.0
94	Nông trường 2	94	82a	N2KH1313	01-09-14	Lê Đình Tổ	2,000.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	94	89b	N2KH1313	01-09-14	Lê Đình Tổ	1,000.0
	Nông trường 2	103	30	N2KH1313	01-09-14	Lê Đình Tổ	12,412.0
	Nông trường 2	105	16	N2KH1313	01-09-14	Lê Đình Tổ	13,245.0
	Nông trường 2	108	14	N2KH1313	01-09-14	Lê Đình Tổ	22,060.0
95	Nông trường 2	71	53	D5LD2638	01-08-11	Lê Đình Vân	9,700.0
	Nông trường 2	90	31a	D5LD2638	01-08-11	Lê Đình Vân	8,000.0
96	Nông trường 2	89	12	D5KH1201	01-08-11	Lê Duy Tuyết	5,779.0
	Nông trường 2	89	13	D5KH1201	01-08-11	Lê Duy Tuyết	11,721.0
	Nông trường 2	89	27	D5KH1201	01-08-11	Lê Duy Tuyết	15,420.0
	Nông trường 2	89	28	D5KH1201	01-08-11	Lê Duy Tuyết	8,580.0
	Nông trường 2	89	30	D5KH1201	01-08-11	Lê Duy Tuyết	17,000.0
	Nông trường 2	91	28	D5KH1201	01-08-11	Lê Duy Tuyết	19,500.0
97	Nông trường 2	87	63	D5KH1192	01-08-11	Lê Hồng Phúc	10,300.0
	Nông trường 2	89	75	D5KH1192	01-08-11	Lê Hồng Phúc	20,000.0
	Nông trường 2	92	19	D5KH1192	01-08-11	Lê Hồng Phúc	26,100.0
98	Nông trường 2	109	121	N2LD0198	01-09-14	Lê Hữu Lập	19,826.0
	Nông trường 2	94	104	N2LD0198	01-08-11	Lê Hữu Lập	2,492.0
	Nông trường 2	94	119	N2LD0198	01-08-11	Lê Hữu Lập	3,508.0
99	Nông trường 2	70	49	N2KH1194	01-09-14	Lê Minh Sơn	8,562.0
	Nông trường 2	70	43a	N2KH1194	01-09-14	Lê Minh Sơn	1,638.0
	Nông trường 2	72	126	N2KH1194	01-09-14	Lê Minh Sơn	2,655.0
	Nông trường 2	72	128a	N2KH1194	01-09-14	Lê Minh Sơn	14,845.0
	Nông trường 2	76	163	N2KH1194	01-09-14	Lê Minh Sơn	3,104.0
	Nông trường 2	89	1	N2KH1194	01-09-14	Lê Minh Sơn	15,089.0
	Nông trường 2	90	13	N2KH1194	01-09-14	Lê Minh Sơn	14,843.0
100	Nông trường 2	104	71b	N2LD1514	01-09-14	Lê Ngọc Hoàng	5,149.0
	Nông trường 2	105	17	N2LD1514	01-09-14	Lê Ngọc Hoàng	5,713.0
	Nông trường 2	105	19	N2LD1514	01-09-14	Lê Ngọc Hoàng	7,230.0
	Nông trường 2	105	20	N2LD1514	01-09-14	Lê Ngọc Hoàng	5,735.0
	Nông trường 2	105	21	N2LD1514	01-09-14	Lê Ngọc Hoàng	5,728.0
	Nông trường 2	109	60	N2LD1514	01-09-14	Lê Ngọc Hoàng	4,337.0
	Nông trường 2	109	61	N2LD1514	01-09-14	Lê Ngọc Hoàng	797.0
	Nông trường 2	109	80	N2LD1514	01-09-14	Lê Ngọc Hoàng	11,648.0
	Nông trường 2	109	79b	N2LD1514	01-09-14	Lê Ngọc Hoàng	8,049.0
101	Nông trường 2	108	107a	N2LD0492	01-09-14	Lê Ngọc Huy	6,866.0
102	Nông trường 2	102	105	N2LD6708	01-09-14	Lê Sỹ Hân	555.0
	Nông trường 2	102	106	N2LD6708	01-09-14	Lê Sỹ Hân	5,017.0
103	Nông trường 2	93	60	N2KH1289	01-09-14	Lê Thanh Hải	9,385.0
	Nông trường 2	93	62	N2KH1289	01-09-14	Lê Thanh Hải	8,764.0
	Nông trường 2	93	63	N2KH1289	01-09-14	Lê Thanh Hải	4,351.0
	Nông trường 2	103	75	N2KH1289	01-09-14	Lê Thanh Hải	14,223.0
104	Nông trường 2	89	10b	N2LD0191	01-09-14	Lê Thanh Hiếu	5,360.0
105	Nông trường 2	109	12	D6KH1531	01-08-11	Lê Thị Hiền	7,100.0
	Nông trường 2	109	15	D6KH1531	01-08-11	Lê Thị Hiền	4,000.0
106	Nông trường 2	108	62	N2LD0206	01-09-14	Lê Thị Hoat	8,573.0
107	Nông trường 2	109	103	N2LD1513	01-09-14	Lê Thị Hồng Sâm	10,173.0
	Nông trường 2	114	4	N2LD1513	01-09-14	Lê Thị Hồng Sâm	5,000.0
108	Nông trường 2	68	146	N2LD1219	01-09-14	Lê Thị Kim	6,039.0

STT hộ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	69	110a	N2LD1219	01-09-14	Lê Thị Kim	4,371.0
	Nông trường 2	72	94	N2LD1219	01-09-14	Lê Thị Kim	16,439.0
109	Nông trường 2	69	139	N2KH2182	01-09-14	Lê Thị Lương (K)	10,329.0
	Nông trường 2	70	46	N2KH2182	01-09-14	Lê Thị Lương (K)	12,607.0
	Nông trường 2	71	58	N2KH2182	01-09-14	Lê Thị Lương (K)	5,432.0
	Nông trường 2	72	9	N2KH2182	01-09-14	Lê Thị Lương (K)	9,760.0
	Nông trường 2	72	51	N2KH2182	01-09-14	Lê Thị Lương (K)	4,107.0
	Nông trường 2	72	77	N2KH2182	01-09-14	Lê Thị Lương (K)	13,110.0
110	Nông trường 2	104	44	N2LD0059	01-09-14	Lê Thị Minh Song	17,594.0
111	Nông trường 2	71	14	D5KH2299	01-08-11	Lê Thị Mỹ Tín	4,500.0
	Nông trường 2	72	45	N2LD2299	01-09-14	Lê Thị Mỹ Tín	7,559.0
	Nông trường 2	72	67a	N2LD2299	01-09-14	Lê Thị Mỹ Tín	16,210.0
	Nông trường 2	72	68a	N2LD2299	01-09-14	Lê Thị Mỹ Tín	4,333.0
	Nông trường 2	73	37a	N2LD2299	01-09-14	Lê Thị Mỹ Tín	14,000.0
	Nông trường 2	73	37b	D5KH2299	01-08-11	Lê Thị Mỹ Tín	5,800.0
112	Nông trường 2	91	20	N2LD2896	01-09-14	Lê Thị Nhung	2,081.0
	Nông trường 2	91	21	N2LD2896	01-09-14	Lê Thị Nhung	3,982.0
	Nông trường 2	91	29	N2LD2896	01-09-14	Lê Thị Nhung	2,685.0
	Nông trường 2	109	104	N2LD1512	01-09-14	Lê Thị Nhung	8,663.0
113	Nông trường 2	68	187	D5LD3575	01-08-11	Lê Thị Oanh	4,298.0
	Nông trường 2	68	169b	D5LD3575	01-08-11	Lê Thị Oanh	3,002.0
	Nông trường 2	72	129	D5LD3575	01-08-11	Lê Thị Oanh	12,588.0
	Nông trường 2	89	2	D5LD3575	01-08-11	Lê Thị Oanh	1,519.0
	Nông trường 2	89	15	D5LD3575	01-08-11	Lê Thị Oanh	9,181.0
	Nông trường 2	90	3	D5LD3575	01-08-11	Lê Thị Oanh	2,712.0
	Nông trường 2	90	65	D5LD3575	01-08-11	Lê Thị Oanh	14,302.0
	Nông trường 2	90	74	D5LD3575	01-08-11	Lê Thị Oanh	3,087.0
	Nông trường 2	90	75	D5LD3575	01-08-11	Lê Thị Oanh	10,011.0
	Nông trường 2	91	24	D5LD3575	01-08-11	Lê Thị Oanh	10,870.0
	Nông trường 2	91	25	D5LD3575	01-08-11	Lê Thị Oanh	9,140.0
	Nông trường 2	89	38a	D5LD3575	01-08-11	Lê Thị Oanh	4,000.0
114	Nông trường 2	70	42a	N2LD0227	01-08-11	Lê Thị Sơn	2,500.0
115	Nông trường 2	102	81	D6LD3093	01-08-11	Lê Thị Thoa	9,000.0
116	Nông trường 2	71	42	N2LD0175	01-09-14	Lê Thị Thu	2,094.0
	Nông trường 2	71	43	N2LD0175	01-09-14	Lê Thị Thu	1,878.0
	Nông trường 2	71	44	N2LD0175	01-09-14	Lê Thị Thu	6,717.0
	Nông trường 2	90	10	N2LD0175	01-09-14	Lê Thị Thu	6,906.0
	Nông trường 2	108	33b	N2LD0175	01-09-14	Lê Thị Thu	10,000.0
117	Nông trường 2	72	67b	N2LD6752	01-09-14	Lê Thị Tú	3,790.0
	Nông trường 2	72	67c	N2LD6752	01-09-14	Lê Thị Tú	52.0
	Nông trường 2	72	68b	N2LD6752	01-09-14	Lê Thị Tú	1,702.0
118	Nông trường 2	72	11	N2LD0163	01-09-14	Lê Văn Dũng	13,924.0
119	Nông trường 2	105	10	D6LD6727	01-08-11	Lê Văn Hà	1,300.0
	Nông trường 2	105	14	D6LD6727	01-08-11	Lê Văn Hà	1,400.0
120	Nông trường 2	89	55	N2KH1263	01-09-14	Lê Văn Lai	2,640.0
	Nông trường 2	103	39	N2KH1263	01-09-14	Lê Văn Lai	11,565.0
	Nông trường 2	103	117	N2KH1263	01-09-14	Lê Văn Lai	12,436.0
	Nông trường 2	103	118	N2KH1263	01-09-14	Lê Văn Lai	13,657.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	103	54a	N2KH1263	01-09-14	Lê Văn Lai	2,400.0
	Nông trường 2	103	55a	N2KH1263	01-09-14	Lê Văn Lai	1,050.0
	Nông trường 2	104	107	N2KH1263	01-09-14	Lê Văn Lai	21,721.0
	Nông trường 2	104	69b	N2KH1263	01-09-14	Lê Văn Lai	6,549.0
121	Nông trường 2	69	125	D5LD3578	01-08-11	Lê Văn Nhật	4,900.0
	Nông trường 2	69	84a	D5LD3578	01-08-11	Lê Văn Nhật	4,200.0
	Nông trường 2	70	31	D5LD3578	01-08-11	Lê Văn Nhật	5,100.0
	Nông trường 2	72	131	D5LD3578	01-08-11	Lê Văn Nhật	1,200.0
122	Nông trường 2	72	114	N2KH1251	01-09-14	Lê Văn Thụ	25,103.0
	Nông trường 2	93	12	N2KH1251	01-09-14	Lê Văn Thụ	9,556.0
	Nông trường 2	94	36	N2KH1251	01-09-14	Lê Văn Thụ	22,120.0
	Nông trường 2	94	52	N2KH1251	01-09-14	Lê Văn Thụ	1,862.0
	Nông trường 2	104	103	N2KH1251	01-09-14	Lê Văn Thụ	5,513.0
	Nông trường 2	104	111	N2KH1251	01-09-14	Lê Văn Thụ	514.0
123	Nông trường 2	72	97	D5LD3030	01-08-11	Lê Văn Toàn	3,000.0
124	Nông trường 2	104	87	N2Ld6749	01-09-14	Lê Văn Tuấn	9,262.0
	Nông trường 2	109	91a	N2Ld6749	01-09-14	Lê Văn Tuấn	7,128.0
	Nông trường 2	109	92a	N2Ld6749	01-09-14	Lê Văn Tuấn	14,138.0
125	Nông trường 2	90	93	N2KH1548	01-09-14	Lê Văn Tùng	13,843.0
	Nông trường 2	93	49	N2KH1548	01-09-14	Lê Văn Tùng	12,371.0
	Nông trường 2	104	76	N2KH1548	01-09-14	Lê Văn Tùng	7,490.0
	Nông trường 2	104	92	N2KH1548	01-09-14	Lê Văn Tùng	7,197.0
	Nông trường 2	104	93	N2KH1548	01-09-14	Lê Văn Tùng	3,010.0
126	Nông trường 2	107	64	N2LD0092	01-09-14	Lê Viết Thạch	8,725.0
	Nông trường 2	107	65	N2LD0092	01-09-14	Lê Viết Thạch	1,171.0
	Nông trường 2	107	66	N2LD0092	01-09-14	Lê Viết Thạch	2,447.0
	Nông trường 2	107	67	N2LD0092	01-09-14	Lê Viết Thạch	1,733.0
127	Nông trường 2	69	122	N2KH1207	01-09-14	Lê Xuân Bình	11,815.0
	Nông trường 2	71	23a	N2KH1207	01-09-14	Lê Xuân Bình	22,899.0
	Nông trường 2	72	4	N2KH1207	01-09-14	Lê Xuân Bình	10,234.0
	Nông trường 2	72	5	N2KH1207	01-09-14	Lê Xuân Bình	8,323.0
128	Nông trường 2	87	80	N2KH1549	01-09-14	Lương Thị Hằng (Cường)	6,693.0
	Nông trường 2	93	67	N2KH1549	01-09-14	Lương Thị Hằng (Cường)	21,260.0
	Nông trường 2	93	68b	N2KH1549	01-09-14	Lương Thị Hằng (Cường)	1,527.0
	Nông trường 2	93	88a	N2KH1549	01-09-14	Lương Thị Hằng (Cường)	3,426.0
	Nông trường 2	103	24	N2KH1549	01-09-14	Lương Thị Hằng (Cường)	3,196.0
	Nông trường 2	104	117	N2KH1549	01-09-14	Lương Thị Hằng (Cường)	4,991.0
	Nông trường 2	104	118	N2KH1549	01-09-14	Lương Thị Hằng (Cường)	4,000.0
	Nông trường 2	104	120	N2KH1549	01-09-14	Lương Thị Hằng (Cường)	5,254.0
	Nông trường 2	104	121	N2KH1549	01-09-14	Lương Thị Hằng (Cường)	719.0
	Nông trường 2	104	118a	N2KH1549	01-09-14	Lương Thị Hằng (Cường)	15,483.0
	Nông trường 2	107	51a	N2KH1549	01-09-14	Lương Thị Hằng (Cường)	9,000.0
129	Nông trường 2	93	50	N2LD3556	01-09-14	Lương Văn Bính	13,174.0
130	Nông trường 2	93	71	N2LD0196	01-08-11	Lưu Thị Nương	19,600.0
	Nông trường 2	109	7	N2LD0196	01-08-11	Lưu Thị Nương	15,300.0
	Nông trường 2	109	9a	N2LD0196	01-08-11	Lưu Thị Nương	4,000.0
	Nông trường 2	109	9b	N2LD0196	01-08-11	Lưu Thị Nương	13,400.0
131	Nông trường 2	90	66	N2LD3334	01-09-14	Mai Thị Đào	4,566.0

STT hộ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	90	73	N2LD3334	01-09-14	Mai Thị Đào	1,404.0
	Nông trường 2	90	48a	N2LD3334	01-09-14	Mai Thị Đào	2,719.0
	Nông trường 2	102	71	N2LD3334	01-09-14	Mai Thị Đào	2,260.0
	Nông trường 2	102	72	N2LD3334	01-09-14	Mai Thị Đào	4,103.0
	Nông trường 2	102	140	N2LD3334	01-09-14	Mai Thị Đào	1,803.0
	Nông trường 2	102	135a	N2LD3334	01-09-14	Mai Thị Đào	1,197.0
132	Nông trường 2	76	118b1	N2LD6748	01-09-14	Mai Trung Tấn	12,000.0
133	Nông trường 2	94	12b	D6LD6669	01-08-11	Mai Tuấn Hà	9,900.0
	Nông trường 2	104	72	N2LD6669	01-09-14	Mai Tuấn Hà	1,878.0
	Nông trường 2	104	73	N2LD6669	01-09-14	Mai Tuấn Hà	858.0
	Nông trường 2	104	74	N2LD6669	01-09-14	Mai Tuấn Hà	3,523.0
134	Nông trường 2	102	120	N2LD6691	01-09-14	Mai Văn Lợi	2,839.0
	Nông trường 2	102	134	N2LD6691	01-09-14	Mai Văn Lợi	12,318.0
	Nông trường 2	102	141	N2LD6691	01-09-14	Mai Văn Lợi	1,521.0
	Nông trường 2	102	142	N2LD6691	01-09-14	Mai Văn Lợi	3,369.0
135	Nông trường 2	93	88b	N2LD0062	01-09-14	Mai Văn Sơn	1,700.0
	Nông trường 2	104	10	N2LD0062	01-09-14	Mai Văn Sơn	2,825.0
136	Nông trường 2	90	68	N2KH1162	01-08-11	Ngô Thị Thủy	4,800.0
	Nông trường 2	90	57a	D5KH1162	01-08-11	Ngô Thị Thủy	11,666.0
	Nông trường 2	90	57b	D5KH1162	01-08-11	Ngô Thị Thủy	11,634.0
	Nông trường 2	91	1	D5KH1162	01-08-11	Ngô Thị Thủy	10,900.0
137	Nông trường 2	73	134	N2LD3567	01-09-14	Ngô Văn Thành	13,085.0
	Nông trường 2	87	32	N2LD3567	01-09-14	Ngô Văn Thành	9,288.0
138	Nông trường 2	69	81	N2LD3021	01-08-11	Nguyễn Ánh	12,600.0
139	Nông trường 2	93	40	N2KH2399	01-09-14	Nguyễn Anh Đức	8,700.0
	Nông trường 2	93	13b	N2KH2399	01-09-14	Nguyễn Anh Đức	17,186.0
	Nông trường 2	93	43b	N2KH2399	01-09-14	Nguyễn Anh Đức	16,000.0
	Nông trường 2	102	146	N2KH2399	01-09-14	Nguyễn Anh Đức	1,174.0
	Nông trường 2	102	147	N2KH2399	01-09-14	Nguyễn Anh Đức	3,035.0
	Nông trường 2	103	58	N2KH2399	01-09-14	Nguyễn Anh Đức	10,250.0
140	Nông trường 2	102	123a	N2LD6724	01-09-14	Nguyễn Bá Dũng	7,476.0
	Nông trường 2	103	111	N2LD6724	01-09-14	Nguyễn Bá Dũng	7,154.0
	Nông trường 2	103	115	N2LD6724	01-09-14	Nguyễn Bá Dũng	8,738.0
	Nông trường 2	108	66	N2LD6724	01-09-14	Nguyễn Bá Dũng	2,520.0
	Nông trường 2	108	80	N2LD6724	01-09-14	Nguyễn Bá Dũng	2,897.0
	Nông trường 2	108	81	N2LD6724	01-09-14	Nguyễn Bá Dũng	2,067.0
	Nông trường 2	108	82	N2LD6724	01-09-14	Nguyễn Bá Dũng	665.0
	Nông trường 2	108	83	N2LD6724	01-09-14	Nguyễn Bá Dũng	7,892.0
	Nông trường 2	108	79a	N2LD6724	01-09-14	Nguyễn Bá Dũng	2,046.0
141	Nông trường 2	102	107b	D6LD1401	01-08-11	Nguyễn Bá Luân	5,400.0
142	Nông trường 2	73	25	N2KH1198	01-09-14	Nguyễn Cao Tiến	6,808.0
	Nông trường 2	73	41	N2KH1198	01-09-14	Nguyễn Cao Tiến	20,946.0
	Nông trường 2	73	44	D5KH1198	01-08-11	Nguyễn Cao Tiến	22,700.0
143	Nông trường 2	70	38	N2KH1503	01-09-14	Nguyễn Chí	18,946.0
	Nông trường 2	94	56	N2KH1503	01-09-14	Nguyễn Chí	24,916.0
	Nông trường 2	94	68	N2KH1503	01-09-14	Nguyễn Chí	801.0
144	Nông trường 2	102	119	N2LD6703	01-09-14	Nguyễn Chí Lực	6,765.0
145	Nông trường 2	103	67	N2LD1546	01-09-14	Nguyễn Công Mạc	6,045.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	103	58a	N2LD1546	01-09-14	Nguyễn Công Mạc	4,216.0
	Nông trường 2	104	34	N2LD1546	01-09-14	Nguyễn Công Mạc	15,264.0
146	Nông trường 2	90	4a	N2LD6745	01-09-14	Nguyễn Đắc Quế	12,720.0
147	Nông trường 2	93	37	N2KH1285	01-09-14	Nguyễn Đình Chung	23,350.0
	Nông trường 2	94	41	N2KH1285	01-09-14	Nguyễn Đình Chung	3,709.0
	Nông trường 2	94	62	N2KH1285	01-09-14	Nguyễn Đình Chung	7,577.0
148	Nông trường 2	71	13	D5LD2618	01-08-11	Nguyễn Đình Khai	3,100.0
	Nông trường 2	91	9	D5LD2618	01-08-11	Nguyễn Đình Khai	6,800.0
	Nông trường 2	91	19	D5LD2618	01-08-11	Nguyễn Đình Khai	5,400.0
	Nông trường 2	91	22	D5LD2618	01-08-11	Nguyễn Đình Khai	3,800.0
149	Nông trường 2	103	56	N2LD1231	01-09-14	Nguyễn Đình Mút	11,070.0
	Nông trường 2	103	57	N2LD1231	01-09-14	Nguyễn Đình Mút	12,721.0
	Nông trường 2	115	15	N2LD1231	01-09-14	Nguyễn Đình Mút	11,479.0
150	Nông trường 2	72	50	N2LD0176	01-08-11	Nguyễn Đình Tính	4,500.0
	Nông trường 2	91	18	N2LD0176	01-08-11	Nguyễn Đình Tính	6,000.0
151	Nông trường 2	108	40	D6LD2502	01-08-11	Nguyễn Đức Chương	10,063.0
	Nông trường 2	108	44	D6LD2502	01-08-11	Nguyễn Đức Chương	12,340.0
	Nông trường 2	108	56	D6LD2502	01-08-11	Nguyễn Đức Chương	36,451.0
152	Nông trường 2	69	50	N2KH1154	01-09-14	Nguyễn Đức Luyện	15,431.0
	Nông trường 2	69	115	N2KH1154	01-09-14	Nguyễn Đức Luyện	17,517.0
	Nông trường 2	72	1a	N2KH1154	01-09-14	Nguyễn Đức Luyện	5,000.0
	Nông trường 2	72	1b	D5KH1154	01-08-11	Nguyễn Đức Luyện	9,300.0
	Nông trường 2	72	59a	N2KH1154	01-09-14	Nguyễn Đức Luyện	17,709.0
153	Nông trường 2	107	15a	N2LD6718	01-09-14	Nguyễn Đức Tuấn	12,000.0
	Nông trường 2	107	15b	N2LD6718	01-09-14	Nguyễn Đức Tuấn	1,606.0
154	Nông trường 2	102	144	N2LD0075	01-08-11	Nguyễn Duy Hùng	1,139.0
	Nông trường 2	102	145	N2LD0075	01-08-11	Nguyễn Duy Hùng	3,400.0
	Nông trường 2	102	154	N2LD0075	01-08-11	Nguyễn Duy Hùng	2,862.0
	Nông trường 2	102	155	N2LD0075	01-08-11	Nguyễn Duy Hùng	3,668.0
	Nông trường 2	102	156	N2LD0075	01-08-11	Nguyễn Duy Hùng	1,878.0
	Nông trường 2	102	157	N2LD0075	01-08-11	Nguyễn Duy Hùng	253.0
	Nông trường 2	108	80a	N2LD0075	01-08-11	Nguyễn Duy Hùng	5,000.0
155	Nông trường 2	89	23	N2LD0051	01-09-14	Nguyễn Duy Sơn	3,772.0
	Nông trường 2	93	54	N2LD0051	01-09-14	Nguyễn Duy Sơn	11,251.0
	Nông trường 2	93	55	N2LD0051	01-09-14	Nguyễn Duy Sơn	4,701.0
	Nông trường 2	102	124	N2LD0051	01-09-14	Nguyễn Duy Sơn	2,227.0
	Nông trường 2	108	11	N2LD0051	01-09-14	Nguyễn Duy Sơn	2,996.0
	Nông trường 2	114	59c	N2LD0051	01-09-14	Nguyễn Duy Sơn	11,759.0
156	Nông trường 2	70	3	N2LD5562	01-09-14	Nguyễn Duy Tuấn	21,337.0
	Nông trường 2	71	20	N2LD5562	01-09-14	Nguyễn Duy Tuấn	4,912.0
	Nông trường 2	71	33	N2LD5562	01-09-14	Nguyễn Duy Tuấn	3,709.0
	Nông trường 2	102	96	N2LD5562	01-09-14	Nguyễn Duy Tuấn	1,700.0
	Nông trường 2	102	97	N2LD5562	01-09-14	Nguyễn Duy Tuấn	1,943.0
	Nông trường 2	102	95b	N2LD5562	01-09-14	Nguyễn Duy Tuấn	1,600.0
	Nông trường 2	104	53	N2LD5562	01-09-14	Nguyễn Duy Tuấn	8,113.0
	Nông trường 2	104	54	N2LD5562	01-09-14	Nguyễn Duy Tuấn	3,975.0
	Nông trường 2	104	55a	N2LD5562	01-09-14	Nguyễn Duy Tuấn	8,000.0
157	Nông trường 2	71	36	N2LD0230	01-09-14	Nguyễn Gia Nghi	23,700.0

STT hộ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	71	46	N2LD0230	01-09-14	Nguyễn Gia Nghị	3,327.0
	Nông trường 2	72	22	N2LD0230	01-09-14	Nguyễn Gia Nghị	3,168.0
158	Nông trường 2	107	32a	N2LD0093	01-09-14	Nguyễn Hải Nam	7,457.0
	Nông trường 2	107	32b	N2LD0093	01-09-14	Nguyễn Hải Nam	11,458.0
159	Nông trường 2	94	99	N2LD6774	01-09-14	Nguyễn Hồng Đán	11,068.0
	Nông trường 2	94	89a	N2LD6774	01-09-14	Nguyễn Hồng Đán	24,495.0
160	Nông trường 2	102	75	D6LD6723	01-08-11	Nguyễn Hồng Quảng	500.0
	Nông trường 2	102	76	D6LD6723	01-08-11	Nguyễn Hồng Quảng	6,500.0
	Nông trường 2	102	90	D6LD6723	01-08-11	Nguyễn Hồng Quảng	500.0
	Nông trường 2	102	91	D6LD6723	01-08-11	Nguyễn Hồng Quảng	600.0
161	Nông trường 2	89	74	N2KH1255	01-09-14	Nguyễn Hữu Chính	3,366.0
	Nông trường 2	89	81	N2KH1255	01-09-14	Nguyễn Hữu Chính	25,824.0
162	Nông trường 2	94	57	N2KH1316	01-09-14	Nguyễn Hữu Viễn	6,146.0
	Nông trường 2	103	104	N2KH1316	01-09-14	Nguyễn Hữu Viễn	15,516.0
	Nông trường 2	114	56c	N2KH1316	01-09-14	Nguyễn Hữu Viễn	11,500.0
163	Nông trường 2	72	112	N2LD6747	01-09-14	Nguyễn Lâm Tập	11,175.0
	Nông trường 2	72	127	N2LD6747	01-09-14	Nguyễn Lâm Tập	1,453.0
	Nông trường 2	73	121	N2LD6747	01-09-14	Nguyễn Lâm Tập	11,900.0
	Nông trường 2	73	139	N2LD6747	01-09-14	Nguyễn Lâm Tập	2,153.0
164	Nông trường 2	87	91	D6LD2563	01-08-11	Nguyễn Lê Hải	4,100.0
	Nông trường 2	89	76	D6LD2563	01-08-11	Nguyễn Lê Hải	2,700.0
	Nông trường 2	93	23	D6LD2563	01-08-11	Nguyễn Lê Hải	7,800.0
	Nông trường 2	94	66	D6LD2563	01-08-11	Nguyễn Lê Hải	1,300.0
	Nông trường 2	94	67	D6LD2563	01-08-11	Nguyễn Lê Hải	1,300.0
	Nông trường 2	94	90	D6LD2563	01-08-11	Nguyễn Lê Hải	6,300.0
	Nông trường 2	94	111	D6LD2563	01-08-11	Nguyễn Lê Hải	27,400.0
	Nông trường 2	94	82b	D6LD2563	01-08-11	Nguyễn Lê Hải	1,400.0
	Nông trường 2	103	48	D6LD2563	01-08-11	Nguyễn Lê Hải	6,600.0
	Nông trường 2	108	4	D6LD2563	01-08-11	Nguyễn Lê Hải	1,200.0
	Nông trường 2	108	19	D6LD2563	01-08-11	Nguyễn Lê Hải	1,800.0
	Nông trường 2	94	65	D6LD2563	01-08-11	Nguyễn Lê Hải	6,000.0
165	Nông trường 2	109	79a	N2LD1715	01-09-14	Nguyễn Minh Huệ	10,000.0
166	Nông trường 2	103	23	N2LD1534	01-09-14	Nguyễn Minh Tuấn	19,517.0
167	Nông trường 2	69	42	D5LD2459	01-08-11	Nguyễn Ngọc Anh	5,600.0
	Nông trường 2	69	55	D5LD2459	01-08-11	Nguyễn Ngọc Anh	2,500.0
	Nông trường 2	69	56	D5LD2459	01-08-11	Nguyễn Ngọc Anh	4,500.0
	Nông trường 2	69	92	D5LD2459	01-08-11	Nguyễn Ngọc Anh	10,300.0
	Nông trường 2	69	93	D5LD2459	01-08-11	Nguyễn Ngọc Anh	5,500.0
	Nông trường 2	69	91a	D5LD2459	01-08-11	Nguyễn Ngọc Anh	14,000.0
	Nông trường 2	68	81	D5LD2459	01-08-11	Nguyễn Ngọc Anh	2,600.0
168	Nông trường 2	107	46	N2LD0212	01-09-14	Nguyễn Ngọc Cái	8,621.0
169	Nông trường 2	94	9	N2LD1235	01-09-14	Nguyễn Ngọc Sỹ	11,637.0
	Nông trường 2	103	4	N2LD1235	01-09-14	Nguyễn Ngọc Sỹ	19,887.0
170	Nông trường 2	89	43	N2LD1196	01-09-14	Nguyễn Nhật Thống	7,362.0
	Nông trường 2	89	45	N2LD1196	01-09-14	Nguyễn Nhật Thống	4,395.0
	Nông trường 2	89	54	N2LD1196	01-09-14	Nguyễn Nhật Thống	7,004.0
	Nông trường 2	90	35	N2LD1196	01-09-14	Nguyễn Nhật Thống	7,878.0
	Nông trường 2	90	56	N2LD1196	01-09-14	Nguyễn Nhật Thống	8,498.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
171	Nông trường 2	103	31	N2LD0221	01-09-14	Nguyễn Nhu Quảng	5,419.0
	Nông trường 2	103	32	N2LD0221	01-09-14	Nguyễn Nhu Quảng	4,237.0
172	Nông trường 2	102	122a	N2LD3099	01-09-14	Nguyễn Phi Khanh	5,496.0
	Nông trường 2	103	16	N2LD3099	01-09-14	Nguyễn Phi Khanh	536.0
	Nông trường 2	103	17	N2LD3099	01-09-14	Nguyễn Phi Khanh	5,930.0
	Nông trường 2	103	86	N2LD3099	01-09-14	Nguyễn Phi Khanh	3,916.0
	Nông trường 2	103	113	N2LD3099	01-09-14	Nguyễn Phi Khanh	9,268.0
173	Nông trường 2	89	80	N2LD0025	01-09-14	Nguyễn Phi Thoàng	12,150.0
	Nông trường 2	92	32b	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Phi Thoàng	11,267.0
	Nông trường 2	107	47	N2LD0025	01-09-14	Nguyễn Phi Thoàng	11,749.0
	Nông trường 2	107	49	N2LD0025	01-09-14	Nguyễn Phi Thoàng	4,415.0
	Nông trường 2	107	49a	N2LD0025	01-09-14	Nguyễn Phi Thoàng	12,000.0
174	Nông trường 2	103	88	N2LD0061	01-09-14	Nguyễn Quang Phi	11,247.0
	Nông trường 2	103	54b	N2LD0061	01-09-14	Nguyễn Quang Phi	5,576.0
	Nông trường 2	107	12	N2LD0061	01-09-14	Nguyễn Quang Phi	1,883.0
	Nông trường 2	107	13	N2LD0061	01-09-14	Nguyễn Quang Phi	1,987.0
175	Nông trường 2	73	78	N2LD0073	01-09-14	Nguyễn Quốc Hoàng	1,287.0
	Nông trường 2	76	153	N2LD0073	01-09-14	Nguyễn Quốc Hoàng	12,302.0
	Nông trường 2	93	75	N2LD0073	01-09-14	Nguyễn Quốc Hoàng	16,161.0
	Nông trường 2	93	76	N2LD0073	01-09-14	Nguyễn Quốc Hoàng	12,260.0
	Nông trường 2	108	51	N2LD0073	01-08-11	Nguyễn Quốc Hoàng	5,000.0
176	Nông trường 2	93	77	N2LD6743	01-09-14	Nguyễn Quốc Tĩnh	22,953.0
177	Nông trường 2	73	118	N2LD6765	01-09-14	Nguyễn Sỹ Nam (Lượng)	5,061.0
178	Nông trường 2	105	5	N2LD6766	01-09-14	Nguyễn Thành Nhân	7,000.0
179	Nông trường 2	68	148	N2LD2691	01-09-14	Nguyễn Thanh Tùng	14,622.0
	Nông trường 2	71	18	N2LD2691	01-09-14	Nguyễn Thanh Tùng	9,577.0
	Nông trường 2	71	25	N2LD2691	01-09-14	Nguyễn Thanh Tùng	10,502.0
	Nông trường 2	72	111	N2LD2691	01-09-14	Nguyễn Thanh Tùng	2,934.0
	Nông trường 2	72	125	N2LD2691	01-09-14	Nguyễn Thanh Tùng	16,713.0
	Nông trường 2	73	32	N2LD2691	01-09-14	Nguyễn Thanh Tùng	6,493.0
	Nông trường 2	73	38	N2LD2691	01-09-14	Nguyễn Thanh Tùng	16,012.0
	Nông trường 2	73	39	N2LD2691	01-09-14	Nguyễn Thanh Tùng	23,769.0
	Nông trường 2	73	48	N2LD2691	01-09-14	Nguyễn Thanh Tùng	756.0
	Nông trường 2	73	49	N2LD2691	01-09-14	Nguyễn Thanh Tùng	1,264.0
	Nông trường 2	73	28a	N2LD2691	01-09-14	Nguyễn Thanh Tùng	8,820.0
	Nông trường 2	91	2	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thanh Tùng	5,285.0
	Nông trường 2	91	10	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thanh Tùng	1,486.0
	Nông trường 2	91	11	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thanh Tùng	2,304.0
180	Nông trường 2	90	99b	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thanh Tường	4,800.0
	Nông trường 2	92	11	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thanh Tường	6,827.0
	Nông trường 2	93	7	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thanh Tường	12,606.0
	Nông trường 2	93	8	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thanh Tường	2,360.0
	Nông trường 2	93	5b	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thanh Tường	5,200.0
	Nông trường 2	103	41	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thanh Tường	14,184.0
181	Nông trường 2	72	46	N2LD0090	01-09-14	Nguyễn Thế Sơn	11,194.0
	Nông trường 2	102	26	N2LD0090	01-09-14	Nguyễn Thế Sơn	10,152.0
	Nông trường 2	102	27	N2LD0090	01-09-14	Nguyễn Thế Sơn	5,648.0
182	Nông trường 2	104	20	N2LD6685	01-09-14	Nguyễn Thị Bờn	5,465.0

STT hộ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	104	28	N2LD6685	01-09-14	Nguyễn Thị Bòn	4,168.0
	Nông trường 2	104	36	N2LD6685	01-09-14	Nguyễn Thị Bòn	4,511.0
	Nông trường 2	104	42	N2LD6685	01-09-14	Nguyễn Thị Bòn	29,504.0
183	Nông trường 2	73	73b	N2LD1208	01-09-14	Nguyễn Thị Chanh	6,153.0
	Nông trường 2	73	73c	N2LD1208	01-09-14	Nguyễn Thị Chanh	2,403.0
	Nông trường 2	73	81a	N2LD1208	01-09-14	Nguyễn Thị Chanh	7,000.0
184	Nông trường 2	104	47	D6LD2731	01-08-11	Nguyễn Thị Chúc	7,200.0
	Nông trường 2	108	71	D6LD2731	01-08-11	Nguyễn Thị Chúc	6,700.0
185	Nông trường 2	89	29	D5KH1493	01-08-11	Nguyễn Thị Dinh	5,000.0
	Nông trường 2	91	6	D5KH1493	01-08-11	Nguyễn Thị Dinh	14,800.0
	Nông trường 2	91	7	D5KH1493	01-08-11	Nguyễn Thị Dinh	12,100.0
186	Nông trường 2	103	97	N2LD1020	01-08-11	Nguyễn Thị Đọt	4,400.0
	Nông trường 2	103	95b	N2LD1020	01-08-11	Nguyễn Thị Đọt	3,600.0
	Nông trường 2	104	11	N2LD1020	01-08-11	Nguyễn Thị Đọt	4,400.0
	Nông trường 2	115	1	N2LD1020	01-08-11	Nguyễn Thị Đọt	6,402.0
	Nông trường 2	115	2	N2LD1020	01-08-11	Nguyễn Thị Đọt	8,898.0
187	Nông trường 2	102	116	N2LD0214	01-08-11	Nguyễn Thị Hà	5,000.0
	Nông trường 2	102	125	N2LD0214	01-09-14	Nguyễn Thị Hà	5,679.0
188	Nông trường 2	71	24	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	15,997.0
	Nông trường 2	71	26	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	5,982.0
	Nông trường 2	71	27	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	11,169.0
	Nông trường 2	71	29	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	9,133.0
	Nông trường 2	71	30	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	5,046.0
	Nông trường 2	71	31	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	13,124.0
	Nông trường 2	71	40	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	8,158.0
	Nông trường 2	71	41a	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	6,619.0
	Nông trường 2	71	41b	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	5,087.0
	Nông trường 2	71	51a1	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	10,000.0
	Nông trường 2	71	51a2	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	5,013.0
	Nông trường 2	71	51b1	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	3,505.0
	Nông trường 2	72	47	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	2,849.0
	Nông trường 2	72	48	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	1,044.0
	Nông trường 2	72	49	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	18,158.0
	Nông trường 2	72	62	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	449.0
	Nông trường 2	72	66	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	4,727.0
	Nông trường 2	72	84	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	10,247.0
	Nông trường 2	72	95	N2LD1150	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	21,097.0
	Nông trường 2	92	10a	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	16,000.0
	Nông trường 2	92	10b	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	5,642.0
	Nông trường 2	92	15a	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	10,000.0
	Nông trường 2	92	15b	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền	4,039.0
189	Nông trường 2	94	32	N2LD1476	01-09-14	Nguyễn Thị Hiền (Hung)	17,600.0
190	Nông trường 2	90	91	N2LD1271	01-09-14	Nguyễn Thị Hoài	18,507.0
191	Nông trường 2	69	126	N2LD0232	01-09-14	Nguyễn Thị Hồng	11,411.0
	Nông trường 2	73	10	N2LD0232	01-09-14	Nguyễn Thị Hồng	17,826.0
192	Nông trường 2	70	36	N2LD1661	01-09-14	Nguyễn Thị Hồng Anh	16,266.0
	Nông trường 2	70	37	N2LD1661	01-09-14	Nguyễn Thị Hồng Anh	3,855.0
193	Nông trường 2	90	96	N2LD1226	01-09-14	Nguyễn Thị Hồng Duyên	6,177.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	90	98	N2LD1226	01-09-14	Nguyễn Thị Hồng Duyên	2,630.0
	Nông trường 2	93	3	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thị Hồng Duyên	20,016.0
	Nông trường 2	93	9	N2LD1226	01-09-14	Nguyễn Thị Hồng Duyên	15,418.0
	Nông trường 2	93	10	N2LD1226	01-09-14	Nguyễn Thị Hồng Duyên	2,871.0
	Nông trường 2	93	17	N2LD1226	01-09-14	Nguyễn Thị Hồng Duyên	11,692.0
	Nông trường 2	93	18	N2LD1226	01-09-14	Nguyễn Thị Hồng Duyên	27,419.0
	Nông trường 2	104	15	N2LD1226	01-09-14	Nguyễn Thị Hồng Duyên	5,515.0
194	Nông trường 2	93	33a	N2LD0172	01-09-14	Nguyễn Thị Hồng Thanh	25,342.0
195	Nông trường 2	90	11	N2LD0226	01-08-11	Nguyễn Thị Kiều Trang (Kh)	8,700.0
196	Nông trường 2	69	105	N2KH2395	01-09-14	Nguyễn Thị Kim Vui	14,738.0
	Nông trường 2	69	121	N2KH2395	01-09-14	Nguyễn Thị Kim Vui	912.0
	Nông trường 2	70	15	N2KH2395	01-09-14	Nguyễn Thị Kim Vui	9,406.0
	Nông trường 2	70	16	N2KH2395	01-09-14	Nguyễn Thị Kim Vui	3,063.0
197	Nông trường 2	94	110	N2KH2122	01-09-14	Nguyễn Thị Linh	4,295.0
	Nông trường 2	94	118	N2KH2122	01-09-14	Nguyễn Thị Linh	4,377.0
	Nông trường 2	103	9	N2KH2122	01-09-14	Nguyễn Thị Linh	1,223.0
	Nông trường 2	103	20	N2KH2122	01-09-14	Nguyễn Thị Linh	7,946.0
	Nông trường 2	103	21	N2KH2122	01-09-14	Nguyễn Thị Linh	7,201.0
	Nông trường 2	103	5b	N2KH2122	01-09-14	Nguyễn Thị Linh	4,584.0
	Nông trường 2	109	52	N2KH2122	01-09-14	Nguyễn Thị Linh	22,248.0
198	Nông trường 2	118	73	D5LD3538	01-08-11	Nguyễn Thị Lượng	5,100.0
199	Nông trường 2	89	20	D5LD2997	01-08-11	Nguyễn Thị Mai	1,700.0
	Nông trường 2	89	21	D5LD2997	01-08-11	Nguyễn Thị Mai	2,900.0
	Nông trường 2	89	22	D5LD2997	01-08-11	Nguyễn Thị Mai	5,900.0
	Nông trường 2	89	31	D5LD2997	01-08-11	Nguyễn Thị Mai	2,100.0
	Nông trường 2	93	36	D5LD2997	01-08-11	Nguyễn Thị Mai	4,000.0
200	Nông trường 2	73	18	N2LD0724	01-09-14	Nguyễn Thị Mai Phương	5,663.0
	Nông trường 2	73	20	N2LD0724	01-09-14	Nguyễn Thị Mai Phương	5,408.0
	Nông trường 2	90	92a	N2LD0724	01-09-14	Nguyễn Thị Mai Phương	11,739.0
201	Nông trường 2	102	94	N2LD6706	01-09-14	Nguyễn Thị Mận	5,152.0
	Nông trường 2	102	115	N2LD6706	01-09-14	Nguyễn Thị Mận	7,228.0
	Nông trường 2	103	34	N2LD6706	01-09-14	Nguyễn Thị Mận	7,496.0
202	Nông trường 2	102	132	N2LD0208	01-09-14	Nguyễn Thị Mát	21,844.0
	Nông trường 2	103	40	N2LD0208	01-09-14	Nguyễn Thị Mát	13,353.0
	Nông trường 2	103	53	N2LD0208	01-09-14	Nguyễn Thị Mát	12,213.0
203	Nông trường 2	103	110	D6KH1299	01-08-11	Nguyễn Thị Minh	21,400.0
	Nông trường 2	108	6	D6KH1299	01-08-11	Nguyễn Thị Minh	17,900.0
204	Nông trường 2	69	91d	N2LD0039	01-09-14	Nguyễn Thị Năm	2,000.0
	Nông trường 2	91	4	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thị Năm	10,905.0
205	Nông trường 2	89	59	N2LD0170	01-08-11	Nguyễn Thị Nga	2,900.0
	Nông trường 2	89	60a	N2LD0170	01-08-11	Nguyễn Thị Nga	7,000.0
	Nông trường 2	93	34a	N2LD0217	01-09-14	Nguyễn Thị Nga	33,000.0
	Nông trường 2	103	63	N2LD0170	01-08-11	Nguyễn Thị Nga	6,300.0
	Nông trường 2	103	64	N2LD0170	01-08-11	Nguyễn Thị Nga	8,900.0
206	Nông trường 2	68	208a	N2LD2789	01-09-14	Nguyễn Thị Tàn	2,400.0
	Nông trường 2	72	103	N2LD2789	01-09-14	Nguyễn Thị Tàn	11,499.0
207	Nông trường 2	104	33	N2LD0993	01-09-14	Nguyễn Thị Thái	20,049.0
	Nông trường 2	105	11	N2LD0993	01-09-14	Nguyễn Thị Thái	4,453.0

STT hộ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	108	78	N2LD0993	01-09-14	Nguyễn Thị Thái	17,132.0
208	Nông trường 2	103	52	D6LD1236	01-08-11	Nguyễn Thị Thành	12,200.0
209	Nông trường 2	103	77	N2LD1236	01-09-14	Nguyễn Thị Thành (Hải)	902.0
	Nông trường 2	103	78	N2LD1236	01-09-14	Nguyễn Thị Thành (Hải)	4,150.0
	Nông trường 2	103	79	N2LD1236	01-09-14	Nguyễn Thị Thành (Hải)	12,879.0
	Nông trường 2	108	116	N2LD1236	01-09-14	Nguyễn Thị Thành (Hải)	3,775.0
210	Nông trường 2	104	21	N2LD6737	01-08-11	Nguyễn Thị Thanh Xuân	500.0
	Nông trường 2	104	22	N2LD6737	01-08-11	Nguyễn Thị Thanh Xuân	2,100.0
	Nông trường 2	104	26	N2LD6737	01-08-11	Nguyễn Thị Thanh Xuân	3,300.0
211	Nông trường 2	69	84c	N2LD1485	01-09-14	Nguyễn Thị Thư	1,100.0
	Nông trường 2	70	26	D5KH1485	01-08-11	Nguyễn Thị Thư	10,300.0
	Nông trường 2	70	32	N2LD1485	01-09-14	Nguyễn Thị Thư	15,751.0
	Nông trường 2	72	73	D5KH1485	01-08-11	Nguyễn Thị Thư	27,300.0
212	Nông trường 2	69	99	N2LD6750	01-09-14	Nguyễn Thị Thu Thảo	6,722.0
	Nông trường 2	94	61	N2LD6750	01-09-14	Nguyễn Thị Thu Thảo	7,825.0
	Nông trường 2	94	64a	N2LD6750	01-09-14	Nguyễn Thị Thu Thảo	15,000.0
213	Nông trường 2	93	66	N2LD1743	01-09-14	Nguyễn Thị Thuận	10,031.0
	Nông trường 2	93	53a	N2LD1743	01-09-14	Nguyễn Thị Thuận	5,000.0
214	Nông trường 2	91	32	N2LD0154	01-08-11	Nguyễn Thị Thúy	20,400.0
215	Nông trường 2	104	55b	N2LD0154	01-08-11	Nguyễn Thị Thúy (Chiến)	3,900.0
216	Nông trường 2	69	59	N2LD0321	01-09-14	Nguyễn Thị Tiến	6,384.0
	Nông trường 2	69	77	N2LD0321	01-09-14	Nguyễn Thị Tiến	4,533.0
217	Nông trường 2	73	68	N2LD0177	01-09-14	Nguyễn Thị Toan	12,798.0
	Nông trường 2	73	87	N2LD0177	01-09-14	Nguyễn Thị Toan	9,999.0
218	Nông trường 2	104	30	N2LD6730	01-09-14	Nguyễn Thị Tươi	1,196.0
	Nông trường 2	104	32	N2LD6730	01-09-14	Nguyễn Thị Tươi	28,461.0
219	Nông trường 2	87	62	N2LD1057	01-09-14	Nguyễn Thị Tuyên	3,168.0
	Nông trường 2	89	96	N2LD1057	01-09-14	Nguyễn Thị Tuyên	547.0
	Nông trường 2	89	97	N2LD1057	01-09-14	Nguyễn Thị Tuyên	28,622.0
	Nông trường 2	94	2	N2LD1057	01-09-14	Nguyễn Thị Tuyên	4,741.0
220	Nông trường 2	92	26	D5KH1166	01-08-11	Nguyễn Thị Tuyết	11,900.0
221	Nông trường 2	104	96	N2LD1773	01-09-14	Nguyễn Thị Tuyết Nghi	3,814.0
	Nông trường 2	104	116	N2LD1773	01-09-14	Nguyễn Thị Tuyết Nghi	26,535.0
222	Nông trường 2	103	72	N2KH2308	01-09-14	Nguyễn Thị Uyên	12,516.0
	Nông trường 2	103	107	N2KH2308	01-09-14	Nguyễn Thị Uyên	3,447.0
	Nông trường 2	103	108	N2KH2308	01-09-14	Nguyễn Thị Uyên	6,265.0
	Nông trường 2	103	109	N2KH2308	01-09-14	Nguyễn Thị Uyên	4,602.0
223	Nông trường 2	104	63	N2LD0199	01-08-11	Nguyễn Thị Vân (Chín)	5,200.0
224	Nông trường 2	71	45	N2LD6735	01-09-14	Nguyễn Thị Viễn	11,228.0
	Nông trường 2	89	71	N2LD6735	01-09-14	Nguyễn Thị Viễn	4,140.0
	Nông trường 2	103	69	N2LD6735	01-09-14	Nguyễn Thị Viễn	4,577.0
	Nông trường 2	103	73	N2LD6735	01-09-14	Nguyễn Thị Viễn	10,510.0
	Nông trường 2	103	74	N2LD6735	01-09-14	Nguyễn Thị Viễn	9,299.0
225	Nông trường 2	87	49	N2LD1216	01-09-14	Nguyễn Thị Xuân	11,210.0
	Nông trường 2	91	3	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Thị Xuân	8,842.0
226	Nông trường 2	87	19	D6KH2307	01-08-11	Nguyễn Thị Yến	16,200.0
	Nông trường 2	93	57	D6KH2307	01-08-11	Nguyễn Thị Yến	2,000.0
	Nông trường 2	93	58	D6KH2307	01-08-11	Nguyễn Thị Yến	4,900.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	93	59	D6KH2307	01-08-11	Nguyễn Thị Yến	6,600.0
	Nông trường 2	94	60	D6KH2307	01-08-11	Nguyễn Thị Yến	5,400.0
	Nông trường 2	103	37	D6KH2307	01-08-11	Nguyễn Thị Yến	8,600.0
	Nông trường 2	104	27	D6KH2307	01-08-11	Nguyễn Thị Yến	9,800.0
227	Nông trường 2	109	119	N2LD6770	01-09-14	Nguyễn Tiến Hào	16,926.0
228	Nông trường 2	103	71	N2LD2670	01-09-14	Nguyễn Tiến Lượng	8,306.0
	Nông trường 2	109	38	N2LD2670	01-09-14	Nguyễn Tiến Lượng	4,109.0
	Nông trường 2	109	6a	N2LD2670	01-09-14	Nguyễn Tiến Lượng	11,102.0
229	Nông trường 2	72	130	N2KH1291	01-09-14	Nguyễn Trọng Hải	3,261.0
	Nông trường 2	72	116b	N2KH1291	01-09-14	Nguyễn Trọng Hải	9,228.0
	Nông trường 2	72	122a	N2KH1291	01-09-14	Nguyễn Trọng Hải	3,300.0
	Nông trường 2	87	2	N2KH1291	01-09-14	Nguyễn Trọng Hải	3,090.0
	Nông trường 2	89	70	N2KH1291	01-09-14	Nguyễn Trọng Hải	11,181.0
	Nông trường 2	89	83	N2KH1291	01-09-14	Nguyễn Trọng Hải	652.0
	Nông trường 2	94	26	N2KH1291	01-09-14	Nguyễn Trọng Hải	6,413.0
	Nông trường 2	103	10a	N2KH1291	01-09-14	Nguyễn Trọng Hải	7,374.0
230	Nông trường 2	71	49	D5LD3023	01-08-11	Nguyễn Trọng Lý	2,400.0
	Nông trường 2	71	50	D5LD3023	01-08-11	Nguyễn Trọng Lý	2,400.0
	Nông trường 2	72	116a	D5LD3023	01-08-11	Nguyễn Trọng Lý	14,100.0
	Nông trường 2	72	122b	D5LD3023	01-08-11	Nguyễn Trọng Lý	3,600.0
	Nông trường 2	69	168	D5LD3023	01-08-11	Nguyễn Trọng Lý	1,600.0
231	Nông trường 2	92	28	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Trọng Nhật	5,417.0
	Nông trường 2	92	31	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Trọng Nhật	14,118.0
	Nông trường 2	93	43a	N2LD1504	01-09-14	Nguyễn Trọng Nhật	20,512.0
	Nông trường 2	105	5a	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Trọng Nhật	7,275.0
232	Nông trường 2	104	7	N2LD0223	01-08-11	Nguyễn Trọng Phương	5,000.0
	Nông trường 2	104	29	N2LD0223	01-08-11	Nguyễn Trọng Phương	20,100.0
233	Nông trường 2	89	79	N2LD1273	01-09-14	Nguyễn Trọng Tâm	14,536.0
	Nông trường 2	89	93	N2LD1273	01-09-14	Nguyễn Trọng Tâm	8,033.0
	Nông trường 2	89	94	N2LD1273	01-09-14	Nguyễn Trọng Tâm	6,131.0
	Nông trường 2	93	44	N2LD1273	01-09-14	Nguyễn Trọng Tâm	24,649.0
	Nông trường 2	93	48	N2LD1273	01-09-14	Nguyễn Trọng Tâm	12,321.0
	Nông trường 2	94	34	N2LD1273	01-09-14	Nguyễn Trọng Tâm	9,571.0
	Nông trường 2	104	40	N2LD1273	01-09-14	Nguyễn Trọng Tâm	13,819.0
	Nông trường 2	104	51	N2LD1273	01-09-14	Nguyễn Trọng Tâm	2,343.0
	Nông trường 2	104	82	N2LD1273	01-09-14	Nguyễn Trọng Tâm	7,863.0
	Nông trường 2	104	94	N2LD1273	01-09-14	Nguyễn Trọng Tâm	1,112.0
234	Nông trường 2	69	84b	N2LD0100	01-08-11	Nguyễn Trọng Thương	1,000.0
	Nông trường 2	70	30a	N2LD0100	01-09-14	Nguyễn Trọng Thương	5,148.0
	Nông trường 2	91	23	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Trọng Thương	9,842.0
235	Nông trường 2	90	55	N2KH2965	01-09-14	Nguyễn Trung Tuyển	21,871.0
	Nông trường 2	90	70	N2KH2965	01-09-14	Nguyễn Trung Tuyển	12,307.0
236	Nông trường 2	70	56	N2LD1204	01-09-14	Nguyễn Tuấn Anh	6,507.0
	Nông trường 2	70	57	N2LD1204	01-09-14	Nguyễn Tuấn Anh	11,630.0
	Nông trường 2	70	61	N2LD1204	01-09-14	Nguyễn Tuấn Anh	7,409.0
	Nông trường 2	70	62	N2LD1204	01-09-14	Nguyễn Tuấn Anh	1,765.0
	Nông trường 2	70	55a	N2LD1204	01-09-14	Nguyễn Tuấn Anh	6,336.0
237	Nông trường 2	69	111	D5LD5564	01-08-11	Nguyễn Tuấn Hòa	10,300.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
238	Nông trường 2	94	42	N2KH1241	01-09-14	Nguyễn Tuyền	670.0
	Nông trường 2	94	43	N2KH1241	01-09-14	Nguyễn Tuyền	841.0
	Nông trường 2	94	44	N2KH1241	01-09-14	Nguyễn Tuyền	2,349.0
	Nông trường 2	94	45	N2KH1241	01-09-14	Nguyễn Tuyền	3,727.0
	Nông trường 2	94	46	N2KH1241	01-09-14	Nguyễn Tuyền	8,391.0
	Nông trường 2	104	43	N2KH1241	01-09-14	Nguyễn Tuyền	17,632.0
239	Nông trường 2	70	4	D5LD3040	01-08-11	Nguyễn Văn Bay	7,000.0
	Nông trường 2	70	13	D5LD3040	01-08-11	Nguyễn Văn Bay	1,700.0
	Nông trường 2	70	17	D5LD3040	01-08-11	Nguyễn Văn Bay	19,200.0
240	Nông trường 2	93	65	D6LD3079	01-08-11	Nguyễn Văn Bình	3,000.0
	Nông trường 2	93	43c	D6LD3079	01-08-11	Nguyễn Văn Bình	7,000.0
	Nông trường 2	94	22a	D6LD3079	01-08-11	Nguyễn Văn Bình	16,400.0
	Nông trường 2	94	4b	D6LD3079	01-08-11	Nguyễn Văn Bình	2,900.0
	Nông trường 2	108	55	D6LD3079	01-08-11	Nguyễn Văn Bình	2,000.0
	Nông trường 2	114	46	D6LD3079	01-08-11	Nguyễn Văn Bình	5,600.0
241	Nông trường 2	107	14a	N2LD3603	01-09-14	Nguyễn Văn Bính (T)	14,063.0
	Nông trường 2	107	14b	N2LD3603	01-09-14	Nguyễn Văn Bính (T)	5,844.0
242	Nông trường 2	102	101	D6LD2498	01-08-11	Nguyễn Văn Chín	6,600.0
	Nông trường 2	102	136	D6LD2498	01-08-11	Nguyễn Văn Chín	6,168.0
	Nông trường 2	102	122b	D6LD2498	01-08-11	Nguyễn Văn Chín	1,732.0
	Nông trường 2	104	49	D6LD2498	01-08-11	Nguyễn Văn Chín	15,517.0
	Nông trường 2	104	50	D6LD2498	01-08-11	Nguyễn Văn Chín	783.0
	Nông trường 2	108	30	D6LD2498	01-08-11	Nguyễn Văn Chín	7,400.0
243	Nông trường 2	102	28	N2KH1169	01-09-14	Nguyễn Văn Chính	3,860.0
	Nông trường 2	108	91	N2KH1169	01-09-14	Nguyễn Văn Chính	10,986.0
	Nông trường 2	108	106	N2KH1169	01-09-14	Nguyễn Văn Chính	8,350.0
	Nông trường 2	109	120	N2KH1169	01-09-14	Nguyễn Văn Chính	10,010.0
244	Nông trường 2	94	100	N2LD6693	01-09-14	Nguyễn Văn Cúc	2,628.0
	Nông trường 2	94	117	N2LD6693	01-09-14	Nguyễn Văn Cúc	2,194.0
	Nông trường 2	103	3	N2LD6693	01-09-14	Nguyễn Văn Cúc	6,367.0
245	Nông trường 2	71	1	D5KH2230	01-08-11	Nguyễn Văn Hải	4,880.0
	Nông trường 2	71	2	D5KH2230	01-08-11	Nguyễn Văn Hải	8,320.0
	Nông trường 2	72	58	D5KH2230	01-08-11	Nguyễn Văn Hải	22,500.0
	Nông trường 2	72	101	D5KH2230	01-08-11	Nguyễn Văn Hải	5,700.0
	Nông trường 2	90	89	D5KH2230	01-08-11	Nguyễn Văn Hải	21,400.0
246	Nông trường 2	93	39	N2LD6768	01-09-14	Nguyễn Văn Hạnh	3,868.0
	Nông trường 2	93	41	N2LD6768	01-09-14	Nguyễn Văn Hạnh	1,965.0
247	Nông trường 2	89	57	N2LD1258	01-09-14	Nguyễn Văn Hòa	12,179.0
	Nông trường 2	89	58	N2LD1258	01-09-14	Nguyễn Văn Hòa	17,687.0
	Nông trường 2	109	51a	N2LD1258	01-09-14	Nguyễn Văn Hòa	31,879.0
248	Nông trường 2	69	67	D5LD2598	01-08-11	Nguyễn Văn Hồng	10,900.0
	Nông trường 2	69	83	D5LD2598	01-08-11	Nguyễn Văn Hồng	10,900.0
	Nông trường 2	69	82b	D5LD2598	01-08-11	Nguyễn Văn Hồng	1,000.0
	Nông trường 2	70	40	D5LD2598	01-08-11	Nguyễn Văn Hồng	4,800.0
	Nông trường 2	70	41	D5LD2598	01-08-11	Nguyễn Văn Hồng	4,200.0
	Nông trường 2	70	50	D5LD2598	01-08-11	Nguyễn Văn Hồng	2,300.0
	Nông trường 2	73	65	D5LD2598	01-08-11	Nguyễn Văn Hồng	6,700.0
	Nông trường 2	73	74	D5LD2598	01-08-11	Nguyễn Văn Hồng	2,694.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	73	57b	D5LD2598	01-08-11	Nguyễn Văn Hồng	4,006.0
249	Nông trường 2	68	106	D5KH1739	01-08-11	Nguyễn Văn Hưng	15,600.0
	Nông trường 2	68	114	D5KH1739	01-08-11	Nguyễn Văn Hưng	3,800.0
250	Nông trường 2	104	79	N2LD3554	01-09-14	Nguyễn Văn Hùng (Bình)	17,230.0
251	Nông trường 2	69	123	N2LD0021	01-09-14	Nguyễn Văn Hùng (Đoàn)	1,365.0
	Nông trường 2	69	91b	N2LD0021	01-09-14	Nguyễn Văn Hùng (Đoàn)	8,000.0
	Nông trường 2	73	54	N2LD0021	01-09-14	Nguyễn Văn Hùng (Đoàn)	1,154.0
	Nông trường 2	73	61	N2LD0021	01-09-14	Nguyễn Văn Hùng (Đoàn)	677.0
	Nông trường 2	73	67	N2LD0021	01-09-14	Nguyễn Văn Hùng (Đoàn)	24,750.0
	Nông trường 2	73	88	N2LD0021	01-09-14	Nguyễn Văn Hùng (Đoàn)	1,339.0
252	Nông trường 2	71	6a	N2LD0167	01-08-11	Nguyễn Văn Hùng (Hải)	11,339.0
	Nông trường 2	71	6b	N2LD0167	01-08-11	Nguyễn Văn Hùng (Hải)	4,961.0
253	Nông trường 2	69	109	D5KH1002	01-08-11	Nguyễn Văn Hùng (N)	15,800.0
254	Nông trường 2	68	147	N2LD1002	01-09-14	Nguyễn Văn Hùng (Nháy)	4,149.0
	Nông trường 2	68	168	N2LD1002	01-09-14	Nguyễn Văn Hùng (Nháy)	2,191.0
	Nông trường 2	69	108	N2LD1002	01-09-14	Nguyễn Văn Hùng (Nháy)	9,466.0
255	Nông trường 2	68	169	D5LD0480	01-08-11	Nguyễn Văn Lan	15,100.0
	Nông trường 2	68	188	D5LD0480	01-08-11	Nguyễn Văn Lan	1,000.0
	Nông trường 2	68	190	D5LD0480	01-08-11	Nguyễn Văn Lan	23,900.0
	Nông trường 2	68	191	D5LD0480	01-08-11	Nguyễn Văn Lan	11,200.0
256	Nông trường 2	72	99	N2KH1152	01-09-14	Nguyễn Văn Lập	18,920.0
	Nông trường 2	72	100	N2KH1152	01-09-14	Nguyễn Văn Lập	8,144.0
	Nông trường 2	73	59	N2KH1152	01-09-14	Nguyễn Văn Lập	2,690.0
	Nông trường 2	73	131	N2KH1152	01-09-14	Nguyễn Văn Lập	7,578.0
	Nông trường 2	89	14	N2KH1152	01-09-14	Nguyễn Văn Lập	9,412.0
	Nông trường 2	92	23	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Văn Lập	8,560.0
	Nông trường 2	103	6	N2KH1152	01-09-14	Nguyễn Văn Lập	4,744.0
257	Nông trường 2	89	77	N2KH1266	01-09-14	Nguyễn Văn Lợi	9,864.0
	Nông trường 2	89	95	N2KH1266	01-09-14	Nguyễn Văn Lợi	18,897.0
258	Nông trường 2	90	37	N2LD0015	01-08-11	Nguyễn Văn Long	8,500.0
	Nông trường 2	90	25a	N2LD0015	01-08-11	Nguyễn Văn Long	6,400.0
259	Nông trường 2	103	5a	N2LD0168	01-09-14	Nguyễn Văn Lương	12,110.0
260	Nông trường 2	69	116	N2KH1184	01-09-14	Nguyễn Văn Lý	11,647.0
	Nông trường 2	71	7	D5KH1184	01-08-11	Nguyễn Văn Lý	4,416.0
	Nông trường 2	71	8	D5KH1184	01-08-11	Nguyễn Văn Lý	984.0
	Nông trường 2	72	24	N2KH1184	01-09-14	Nguyễn Văn Lý	6,349.0
	Nông trường 2	72	82	N2KH1184	01-09-14	Nguyễn Văn Lý	6,548.0
	Nông trường 2	72	85	N2KH1184	01-09-14	Nguyễn Văn Lý	14,911.0
	Nông trường 2	72	75a	N2KH1184	01-09-14	Nguyễn Văn Lý	3,589.0
	Nông trường 2	72	80b	D5KH1184	01-08-11	Nguyễn Văn Lý	1,283.0
	Nông trường 2	72	83b	N2KH1184	01-09-14	Nguyễn Văn Lý	2,500.0
261	Nông trường 2	68	145	D5KH1155	01-08-11	Nguyễn Văn Mạnh	6,900.0
	Nông trường 2	68	107a	D5KH1155	01-08-11	Nguyễn Văn Mạnh	12,400.0
	Nông trường 2	69	110b	D5KH1155	01-08-11	Nguyễn Văn Mạnh	4,000.0
	Nông trường 2	72	76	D5KH1155	01-08-11	Nguyễn Văn Mạnh	14,700.0
	Nông trường 2	73	98	D5KH1155	01-08-11	Nguyễn Văn Mạnh	9,127.0
	Nông trường 2	73	99	D5KH1155	01-08-11	Nguyễn Văn Mạnh	6,261.0
	Nông trường 2	73	112	D5KH1155	01-08-11	Nguyễn Văn Mạnh	6,766.0

STT hộ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	73	100b	D5KH1155	01-08-11	Nguyễn Văn Mạnh	1,046.0
	Nông trường 2	87	3a	D5KH1155	01-08-11	Nguyễn Văn Mạnh	9,000.0
	Nông trường 2	89	18	D5KH1155	01-08-11	Nguyễn Văn Mạnh	13,904.0
	Nông trường 2	89	19	D5KH1155	01-08-11	Nguyễn Văn Mạnh	10,796.0
262	Nông trường 2	108	77	N2KH2199	01-09-14	Nguyễn Văn Năm	12,629.0
263	Nông trường 2	70	9	N2LD0081	01-08-11	Nguyễn Văn Ngọc	1,300.0
	Nông trường 2	70	11	N2LD0081	01-08-11	Nguyễn Văn Ngọc	3,000.0
	Nông trường 2	109	39a	N2LD0081	01-08-11	Nguyễn Văn Ngọc	2,000.0
	Nông trường 2	109	54	N2LD0081	01-08-11	Nguyễn Văn Ngọc	4,900.0
	Nông trường 2	70	7	N2LD0081	01-08-11	Nguyễn Văn Ngọc	2,500.0
264	Nông trường 2	72	119	N2LD0224	01-09-14	Nguyễn Văn Phương	7,987.0
	Nông trường 2	72	132	N2LD0224	01-09-14	Nguyễn Văn Phương	1,435.0
265	Nông trường 2	93	47a	D6LD2735	01-08-11	Nguyễn Văn Quân	30,362.0
	Nông trường 2	102	95a	D6LD2735	01-08-11	Nguyễn Văn Quân	1,338.0
	Nông trường 2	103	14	D6LD2735	01-08-11	Nguyễn Văn Quân	1,200.0
	Nông trường 2	103	28a	D6LD2735	01-08-11	Nguyễn Văn Quân	3,200.0
266	Nông trường 2	72	113a	N2LD1210	01-09-14	Nguyễn Văn Quỳnh	17,887.0
	Nông trường 2	87	20	N2LD1210	01-09-14	Nguyễn Văn Quỳnh	19,803.0
	Nông trường 2	87	34	N2LD1210	01-09-14	Nguyễn Văn Quỳnh	1,786.0
267	Nông trường 2	89	33	N2LD6775	01-09-14	Nguyễn Văn Thắng	24,498.0
	Nông trường 2	89	42	N2LD6775	01-09-14	Nguyễn Văn Thắng	28,441.0
	Nông trường 2	92	8	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Văn Thắng	6,040.0
	Nông trường 2	92	33	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Văn Thắng	7,770.0
	Nông trường 2	92	32a	N2LD2896	01-09-14	Nguyễn Văn Thắng	2,000.0
	Nông trường 2	107	70a	N3LD6680	01-09-14	Nguyễn Văn Thắng	8,000.0
268	Nông trường 2	68	208b	N2LD0040	01-09-14	Nguyễn Văn Thanh	4,786.0
	Nông trường 2	73	6	N2LD0040	01-09-14	Nguyễn Văn Thanh	3,746.0
269	Nông trường 2	73	27	N2LD0211	01-09-14	Nguyễn Văn Thể	4,512.0
270	Nông trường 2	102	86	N2LD6758	01-09-14	Nguyễn Văn Tuyên	6,333.0
271	Nông trường 2	73	101	N2LD6741	01-09-14	Nguyễn Văn Tuynh	6,043.0
	Nông trường 2	73	102	N2LD6741	01-09-14	Nguyễn Văn Tuynh	2,378.0
	Nông trường 2	73	103	N2LD6741	01-09-14	Nguyễn Văn Tuynh	2,684.0
	Nông trường 2	73	110	N2LD6741	01-09-14	Nguyễn Văn Tuynh	4,880.0
272	Nông trường 2	102	108	N2LD3119	01-09-14	Nguyễn Văn Việt	16,302.0
	Nông trường 2	102	110	D6LD3119	01-08-11	Nguyễn Văn Việt	1,300.0
	Nông trường 2	109	65a	N2LD3119	01-09-14	Nguyễn Văn Việt	13,010.0
273	Nông trường 2	105	1	N2LD0157	01-08-11	Nguyễn Văn Vũ	5,800.0
	Nông trường 2	105	7a	N2LD0157	01-08-11	Nguyễn Văn Vũ	2,200.0
274	Nông trường 2	89	60	N2LD2534	01-09-14	Nguyễn Xuân Đoàn	17,248.0
	Nông trường 2	94	85	N2LD2534	01-09-14	Nguyễn Xuân Đoàn	7,574.0
275	Nông trường 2	102	82	N2LD1411	01-09-14	Nguyễn Xuân Hân	2,141.0
	Nông trường 2	102	87	N2LD1411	01-09-14	Nguyễn Xuân Hân	3,369.0
276	Nông trường 2	70	59	N2KH1343	01-09-14	Nguyễn Xuân Thành (Oanh)	20,499.0
	Nông trường 2	73	108	N2KH1343	01-09-14	Nguyễn Xuân Thành (Oanh)	3,943.0
	Nông trường 2	73	109	N2KH1343	01-09-14	Nguyễn Xuân Thành (Oanh)	1,265.0
	Nông trường 2	73	119	N2KH1343	01-09-14	Nguyễn Xuân Thành (Oanh)	10,678.0
277	Nông trường 2	71	32	N2LD0239	01-09-14	Nguyễn Xuân Tiến	14,043.0
	Nông trường 2	73	57a	N2LD0239	01-09-14	Nguyễn Xuân Tiến	9,000.0

STT hộ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	104	62	N2LD0239	01-09-14	Nguyễn Xuân Tiến	15,114.0
278	Nông trường 2	104	41	D6LD2774	01-08-11	Phạm Công Quang	10,700.0
279	Nông trường 2	69	100	N2LD1170	01-09-14	Phạm Đình Hóa	13,604.0
	Nông trường 2	71	37	N2LD1170	01-09-14	Phạm Đình Hóa	7,041.0
	Nông trường 2	73	132	N2LD1170	01-09-14	Phạm Đình Hóa	8,273.0
280	Nông trường 2	73	90	N2LD1165	01-09-14	Phạm Đình Trường	6,292.0
	Nông trường 2	73	104	N2LD1165	01-09-14	Phạm Đình Trường	4,974.0
281	Nông trường 2	92	5	D5LD3018	01-08-11	Phạm Đức Hạnh	14,000.0
	Nông trường 2	105	9a	D5LD3018	01-08-11	Phạm Đức Hạnh	27,900.0
282	Nông trường 2	90	64	N2LD2999	01-09-14	Phạm Khánh Toàn	3,549.0
	Nông trường 2	90	76	N2LD2999	01-09-14	Phạm Khánh Toàn	5,260.0
	Nông trường 2	90	79	N2LD2999	01-09-14	Phạm Khánh Toàn	3,654.0
	Nông trường 2	90	80	N2LD2999	01-09-14	Phạm Khánh Toàn	3,352.0
	Nông trường 2	91	27	N2LD2896	01-09-14	Phạm Khánh Toàn	8,624.0
	Nông trường 2	91	30b	N2LD2896	01-09-14	Phạm Khánh Toàn	3,598.0
283	Nông trường 2	73	120	N2KH2393	01-09-14	Phạm Ngọc Hùng	11,326.0
	Nông trường 2	73	122	N2KH2393	01-09-14	Phạm Ngọc Hùng	5,475.0
	Nông trường 2	89	32	N2KH2393	01-09-14	Phạm Ngọc Hùng	3,004.0
	Nông trường 2	89	41	N2KH2393	01-09-14	Phạm Ngọc Hùng	28,384.0
	Nông trường 2	108	43	N2KH2393	01-09-14	Phạm Ngọc Hùng	17,198.0
284	Nông trường 2	69	49	N2LD3576	01-09-14	Phạm Ngọc Lưu	9,584.0
	Nông trường 2	69	97	N2LD3576	01-09-14	Phạm Ngọc Lưu	13,536.0
	Nông trường 2	69	104	N2LD3576	01-09-14	Phạm Ngọc Lưu	3,302.0
	Nông trường 2	69	113	N2LD3576	01-09-14	Phạm Ngọc Lưu	7,229.0
	Nông trường 2	71	4b	N2LD3576	01-09-14	Phạm Ngọc Lưu	5,623.0
	Nông trường 2	73	62	N2LD3576	01-09-14	Phạm Ngọc Lưu	4,184.0
	Nông trường 2	73	63	N2LD3576	01-09-14	Phạm Ngọc Lưu	543.0
	Nông trường 2	73	66	N2LD3576	01-09-14	Phạm Ngọc Lưu	6,324.0
	Nông trường 2	73	100	N2LD3576	01-09-14	Phạm Ngọc Lưu	2,000.0
285	Nông trường 2	69	95	N2LD0222	01-08-11	Phạm Thái Sơn	4,500.0
	Nông trường 2	69	96a	N2LD0222	01-08-11	Phạm Thái Sơn	21,300.0
286	Nông trường 2	90	38	N2LD0102	01-08-11	Phạm Thị Hải Thu	9,700.0
	Nông trường 2	90	49	N2LD0102	01-09-14	Phạm Thị Hải Thu	17,739.0
	Nông trường 2	90	77	N2LD0102	01-09-14	Phạm Thị Hải Thu	16,086.0
	Nông trường 2	90	16b	N2LD0102	01-08-11	Phạm Thị Hải Thu	2,000.0
	Nông trường 2	90	48b	N2LD0102	01-09-14	Phạm Thị Hải Thu	3,000.0
287	Nông trường 2	71	59	N2LD0036	01-09-14	Phạm Thị Hồng Nhung	15,673.0
	Nông trường 2	87	50	N2LD0036	01-09-14	Phạm Thị Hồng Nhung	13,808.0
	Nông trường 2	90	88	N2LD0036	01-09-14	Phạm Thị Hồng Nhung	10,195.0
288	Nông trường 2	102	99	D6LD3096	01-08-11	Phạm Thị Huệ (Thế)	2,400.0
	Nông trường 2	108	18	D6LD3096	01-08-11	Phạm Thị Huệ (Thế)	12,000.0
	Nông trường 2	108	26	D6LD3096	01-08-11	Phạm Thị Huệ (Thế)	8,600.0
	Nông trường 2	108	27	D6LD3096	01-08-11	Phạm Thị Huệ (Thế)	4,200.0
	Nông trường 2	108	28	D6LD3096	01-08-11	Phạm Thị Huệ (Thế)	4,500.0
289	Nông trường 2	68	209a	N2LD0166	01-08-11	Phạm Thị Huệ (Thức)	5,500.0
	Nông trường 2	93	31	N2LD0166	01-08-11	Phạm Thị Huệ (Thức)	21,900.0
290	Nông trường 2	91	17	N2LD2896	01-09-14	Phạm Thị Hương	16,997.0
	Nông trường 2	114	56a	N2LD0153	01-09-14	Phạm Thị Hương	10,000.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m ²)
291	Nông trường 2	109	66	N2LD0082	01-09-14	Phạm Thị Lan (Dương)	4,743.0
	Nông trường 2	109	74	N2LD0082	01-09-14	Phạm Thị Lan (Dương)	1,803.0
292	Nông trường 2	90	7	N2LD0067	01-08-11	Phạm Thị Liên	5,814.0
	Nông trường 2	90	9	N2LD0067	01-08-11	Phạm Thị Liên	3,999.0
	Nông trường 2	90	17	N2LD0067	01-08-11	Phạm Thị Liên	13,520.0
	Nông trường 2	90	21	N2LD0067	01-08-11	Phạm Thị Liên	3,267.0
293	Nông trường 2	94	23	N2LD1793	01-09-14	Phạm Thị Thanh	13,410.0
	Nông trường 2	94	30	N2LD1793	01-09-14	Phạm Thị Thanh	11,995.0
	Nông trường 2	94	31	N2LD1793	01-09-14	Phạm Thị Thanh	424.0
294	Nông trường 2	90	62	N2LD6764	01-09-14	Phạm Thị Thu Hiền	15,477.0
295	Nông trường 2	94	22b	N2LD6740	01-08-11	Phạm Thị Vy	14,000.0
296	Nông trường 2	102	30	D6LD2951	01-08-11	Phạm Thị Xuân	4,900.0
297	Nông trường 2	89	88C	N2LD0071	01-08-11	Phạm Trọng Dũng	1,500.0
	Nông trường 2	90	40	N2LD0071	01-08-11	Phạm Trọng Dũng	1,900.0
	Nông trường 2	90	61	N2LD0071	01-08-11	Phạm Trọng Dũng	7,900.0
298	Nông trường 2	90	72	D6KH1246	01-08-11	Phạm Văn Bảo	20,900.0
	Nông trường 2	94	88	D6KH1246	01-08-11	Phạm Văn Bảo	13,400.0
	Nông trường 2	108	63	D6KH1246	01-08-11	Phạm Văn Bảo	21,900.0
	Nông trường 2	109	53a	D6KH1246	01-08-11	Phạm Văn Bảo	1,800.0
	Nông trường 2	109	68a	D6KH1246	01-08-11	Phạm Văn Bảo	15,000.0
299	Nông trường 2	70	35	N2LD6688	01-09-14	Phạm Văn Hoàng (T)	20,903.0
	Nông trường 2	94	29	N2LD6688	01-09-14	Phạm Văn Hoàng (T)	3,520.0
	Nông trường 2	94	38a	N2LD6688	01-09-14	Phạm Văn Hoàng (T)	1,540.0
	Nông trường 2	103	60	N2LD6688	01-09-14	Phạm Văn Hoàng (T)	1,292.0
300	Nông trường 2	73	7	D6LD3606	01-08-11	Phạm Văn Hùng (T)	1,600.0
	Nông trường 2	73	8a	D6LD3606	01-08-11	Phạm Văn Hùng (T)	11,800.0
	Nông trường 2	91	30a	D6LD3606	01-08-11	Phạm Văn Hùng (T)	9,500.0
	Nông trường 2	94	37	D6LD3606	01-08-11	Phạm Văn Hùng (T)	5,700.0
	Nông trường 2	109	27	D6LD3606	01-08-11	Phạm Văn Hùng (T)	1,900.0
	Nông trường 2	109	21b	D6LD3606	01-08-11	Phạm Văn Hùng (T)	4,800.0
301	Nông trường 2	102	73	D6LD3597	01-08-11	Phạm Văn Lợi	3,300.0
	Nông trường 2	109	4	D6LD3597	01-08-11	Phạm Văn Lợi	3,500.0
	Nông trường 2	109	8	D6LD3597	01-08-11	Phạm Văn Lợi	3,200.0
	Nông trường 2	109	19	D6LD3597	01-08-11	Phạm Văn Lợi	900.0
302	Nông trường 2	109	18	N2LD0164	01-09-14	Phạm Văn Lực	2,499.0
	Nông trường 2	109	23	N2LD0164	01-09-14	Phạm Văn Lực	4,801.0
	Nông trường 2	109	25	N2LD0164	01-09-14	Phạm Văn Lực	5,697.0
303	Nông trường 2	70	52a	D6LD6675	01-08-11	Phạm Văn Mạnh	12,000.0
	Nông trường 2	94	86	D6LD6675	01-08-11	Phạm Văn Mạnh	4,100.0
	Nông trường 2	94	63b	D6LD6675	01-08-11	Phạm Văn Mạnh	2,100.0
304	Nông trường 2	73	77	D5LD3107	01-08-11	Phạm Văn Ngó	5,200.0
	Nông trường 2	73	96	D5LD3107	01-08-11	Phạm Văn Ngó	2,500.0
	Nông trường 2	107	79	D5LD3107	01-08-11	Phạm Văn Ngó	5,800.0
	Nông trường 2	107	80	D5LD3107	01-08-11	Phạm Văn Ngó	10,200.0
	Nông trường 2	107	82	D5LD3107	01-08-11	Phạm Văn Ngó	3,100.0
305	Nông trường 2	104	38	N2LD0155	01-09-14	Phạm Văn Ngọc	10,805.0
	Nông trường 2	104	39	N2LD0155	01-09-14	Phạm Văn Ngọc	13,639.0
306	Nông trường 2	90	26	N2LD2896	01-09-14	Phạm Văn Phong	2,888.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	90	58	N2LD0038	01-09-14	Phạm Văn Phong	15,413.0
	Nông trường 2	92	9a	N2LD2896	01-09-14	Phạm Văn Phong	10,310.0
	Nông trường 2	90	27	D5LD0038	01-08-11	Phạm Văn Phong	2,812.0
307	Nông trường 2	90	63	N2LD6739	01-09-14	Phạm Văn Thắng	13,895.0
	Nông trường 2	92	22	N2KH2367	01-09-14	Phạm Văn Thắng	15,445.0
	Nông trường 2	92	24	N2KH2367	01-09-14	Phạm Văn Thắng	1,437.0
	Nông trường 2	92	18a	N2KH2367	01-09-14	Phạm Văn Thắng	12,328.0
	Nông trường 2	92	18b	N2KH2367	01-09-14	Phạm Văn Thắng	3,000.0
	Nông trường 2	93	24	N2LD6739	01-09-14	Phạm Văn Thắng	13,489.0
	Nông trường 2	93	29	N2LD6739	01-09-14	Phạm Văn Thắng	2,037.0
	Nông trường 2	93	38	N2LD6739	01-09-14	Phạm Văn Thắng	4,946.0
	Nông trường 2	93	30b	N2LD6739	01-09-14	Phạm Văn Thắng	3,359.0
308	Nông trường 2	89	6	N2LD3016	01-09-14	Phạm Văn Thảo	3,223.0
	Nông trường 2	89	24	N2LD3016	01-09-14	Phạm Văn Thảo	15,989.0
	Nông trường 2	114	45	N2LD3016	01-09-14	Phạm Văn Thảo	12,567.0
309	Nông trường 2	104	70	N2LD6683	01-09-14	Phạm Văn Tuấn	1,920.0
	Nông trường 2	104	71a	N2LD6683	01-09-14	Phạm Văn Tuấn	3,100.0
	Nông trường 2	109	64	N2LD6683	01-09-14	Phạm Văn Tuấn	8,468.0
310	Nông trường 2	102	104	N2LD0064	01-08-11	Phạm Văn Tuyền	1,100.0
	Nông trường 2	102	117	N2LD0064	01-08-11	Phạm Văn Tuyền	1,100.0
311	Nông trường 2	89	25	N2LD1171	01-09-14	Phạm Xuân Bo	19,611.0
312	Nông trường 2	73	43	N2LD3573	01-09-14	Phạm Xuân Phụng	8,538.0
	Nông trường 2	73	79	N2LD3573	01-09-14	Phạm Xuân Phụng	7,461.0
313	Nông trường 2	114	70	N2LD0185	01-09-14	Phạm Xuân Thiêng	4,900.0
314	Nông trường 2	73	107	N2LD1247	01-08-11	Phan Ngọc Nuôi	9,500.0
	Nông trường 2	89	66	N2LD1247	01-08-11	Phan Ngọc Nuôi	13,000.0
	Nông trường 2	89	85	N2LD1247	01-08-11	Phan Ngọc Nuôi	600.0
	Nông trường 2	89	92	N2LD1247	01-08-11	Phan Ngọc Nuôi	9,700.0
	Nông trường 2	94	5	N2LD1247	01-08-11	Phan Ngọc Nuôi	26,900.0
315	Nông trường 2	107	48	N2LD0053	01-08-11	Phan Ngọc Xuân	5,700.0
	Nông trường 2	108	57	N2LD0053	01-08-11	Phan Ngọc Xuân	6,560.0
	Nông trường 2	108	58	N2LD0053	01-08-11	Phan Ngọc Xuân	4,150.0
	Nông trường 2	108	59	N2LD0053	01-08-11	Phan Ngọc Xuân	1,519.0
	Nông trường 2	114	4b	N2LD0053	01-08-11	Phan Ngọc Xuân	10,000.0
316	Nông trường 2	104	12	N2LD0041	01-08-11	Phan Thanh Trung	5,100.0
	Nông trường 2	105	7	N2LD0041	01-08-11	Phan Thanh Trung	5,000.0
	Nông trường 2	109	118	N2LD0041	01-08-11	Phan Thanh Trung	10,900.0
	Nông trường 2	109	52a	N2LD0041	01-08-11	Phan Thanh Trung	2,000.0
317	Nông trường 2	71	16	N2KH1146	01-09-14	Phan Thế Đại	1,147.0
	Nông trường 2	71	17	N2KH1146	01-09-14	Phan Thế Đại	2,572.0
	Nông trường 2	72	23	N2KH1146	01-09-14	Phan Thế Đại	5,153.0
	Nông trường 2	72	71	N2KH1146	01-09-14	Phan Thế Đại	4,576.0
	Nông trường 2	72	72	N2KH1146	01-09-14	Phan Thế Đại	13,780.0
	Nông trường 2	72	86	N2KH1146	01-09-14	Phan Thế Đại	30,021.0
	Nông trường 2	72	133	N2KH1146	01-09-14	Phan Thế Đại	3,968.0
318	Nông trường 2	72	104	N2LD0080	01-08-11	Phan Thị Lệ	8,500.0
	Nông trường 2	72	109	N2LD0080	01-08-11	Phan Thị Lệ	5,700.0
	Nông trường 2	87	18	N2LD0080	01-08-11	Phan Thị Lệ	3,200.0

STT hộ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	108	12	N2LD0080	01-08-11	Phan Thị Lệ	19,200.0
319	Nông trường 2	103	100	N2KH1049	01-09-14	Phan Thị Thanh	19,687.0
320	Nông trường 2	92	1	N2LD2896	01-09-14	Phan Thị Thanh Tùng	3,753.0
	Nông trường 2	103	33	N2KH2727	01-09-14	Phan Thị Thanh Tùng	13,270.0
	Nông trường 2	103	50	N2KH2727	01-09-14	Phan Thị Thanh Tùng	6,922.0
	Nông trường 2	103	51	N2KH2727	01-09-14	Phan Thị Thanh Tùng	3,070.0
321	Nông trường 2	72	27a	D5LD2580	01-08-11	Phan Văn Hiếu	7,000.0
	Nông trường 2	90	39	D5LD2580	01-08-11	Phan Văn Hiếu	2,500.0
	Nông trường 2	90	46	D5LD2580	01-08-11	Phan Văn Hiếu	14,500.0
	Nông trường 2	90	47	D5LD2580	01-08-11	Phan Văn Hiếu	2,300.0
	Nông trường 2	90	60	D5LD2580	01-08-11	Phan Văn Hiếu	700.0
	Nông trường 2	93	79	D5LD2580	01-08-11	Phan Văn Hiếu	3,000.0
	Nông trường 2	103	87	D5LD2580	01-08-11	Phan Văn Hiếu	9,800.0
	Nông trường 2	103	68a	D5LD2580	01-08-11	Phan Văn Hiếu	3,050.0
	Nông trường 2	103	68b	D5LD2580	01-08-11	Phan Văn Hiếu	3,050.0
322	Nông trường 2	73	11	D5LD5559	01-08-11	Phan Văn Trung	2,500.0
	Nông trường 2	73	12	D5LD5559	01-08-11	Phan Văn Trung	500.0
	Nông trường 2	73	13	D5LD5559	01-08-11	Phan Văn Trung	500.0
	Nông trường 2	73	34	D5LD5559	01-08-11	Phan Văn Trung	1,484.0
	Nông trường 2	73	35	D5LD5559	01-08-11	Phan Văn Trung	1,768.0
	Nông trường 2	73	36	D5LD5559	01-08-11	Phan Văn Trung	1,948.0
	Nông trường 2	93	15b	D5LD5559	01-08-11	Phan Văn Trung	4,700.0
	Nông trường 2	94	102	D5LD5559	01-08-11	Phan Văn Trung	25,600.0
323	Nông trường 2	72	69	N2KH1160	01-09-14	Phan Xuân Tàn	610.0
	Nông trường 2	72	78	N2KH1160	01-09-14	Phan Xuân Tàn	456.0
	Nông trường 2	72	81	N2KH1160	01-09-14	Phan Xuân Tàn	1,267.0
	Nông trường 2	72	83a	N2KH1160	01-09-14	Phan Xuân Tàn	25,168.0
324	Nông trường 2	89	48	N2KH2726	01-09-14	Thiều Thị Vân	14,410.0
	Nông trường 2	90	69	N2KH2726	01-09-14	Thiều Thị Vân	11,927.0
325	Nông trường 2	104	37	D6KH1282	01-08-11	Tổng Kim Vân	13,300.0
326	Nông trường 2	69	70a	N2LD1466	01-09-14	Tổng Minh Luân	17,000.0
	Nông trường 2	73	126	N2LD1466	01-09-14	Tổng Minh Luân	6,915.0
	Nông trường 2	103	7	N2LD1466	01-09-14	Tổng Minh Luân	12,982.0
327	Nông trường 2	104	65	N2KH1223	01-09-14	Tổng Thị Thu	5,331.0
	Nông trường 2	104	67	N2KH1223	01-09-14	Tổng Thị Thu	12,318.0
328	Nông trường 2	108	92	N2LD3103	01-09-14	Trần Bá Loan	6,470.0
	Nông trường 2	114	49	N2LD3103	01-09-14	Trần Bá Loan	9,036.0
329	Nông trường 2	73	9	N2LD0094	01-08-11	Trần Đình Hải	1,700.0
330	Nông trường 2	102	68	N2KH2312	01-09-14	Trần Minh Tài	2,126.0
	Nông trường 2	102	69	N2KH2312	01-09-14	Trần Minh Tài	1,549.0
	Nông trường 2	102	143	N2KH2312	01-09-14	Trần Minh Tài	13,177.0
	Nông trường 2	109	77	N2KH2312	01-09-14	Trần Minh Tài	8,073.0
	Nông trường 2	114	50	N2KH2312	01-09-14	Trần Minh Tài	9,988.0
331	Nông trường 2	71	56	N2KH2297	01-09-14	Trần Nhất Khoi	2,966.0
	Nông trường 2	71	57	N2KH2297	01-09-14	Trần Nhất Khoi	15,930.0
	Nông trường 2	71	4a	N2KH2297	01-09-14	Trần Nhất Khoi	18,000.0
	Nông trường 2	73	114	N2KH2297	01-09-14	Trần Nhất Khoi	11,169.0
332	Nông trường 2	71	28	N2LD1218	01-09-14	Trần Nhất Khoi	22,189.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bán đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
333	Nông trường 2	89	68	N2KH2731	01-09-14	Trần Quốc Huynh	9,011.0
	Nông trường 2	92	30	N2LD2896	01-09-14	Trần Quốc Huynh	11,845.0
	Nông trường 2	94	6	N2KH2731	01-09-14	Trần Quốc Huynh	18,971.0
	Nông trường 2	105	2	N2KH2731	01-09-14	Trần Quốc Huynh	4,964.0
	Nông trường 2	105	3	N2KH2731	01-09-14	Trần Quốc Huynh	7,168.0
	Nông trường 2	105	4	N2KH2731	01-09-14	Trần Quốc Huynh	4,422.0
334	Nông trường 2	89	67	N2KH1307	01-09-14	Trần Quốc Sỹ	2,947.0
	Nông trường 2	89	69	N2KH1307	01-09-14	Trần Quốc Sỹ	15,862.0
	Nông trường 2	89	86	N2KH1307	01-09-14	Trần Quốc Sỹ	935.0
	Nông trường 2	103	19	N2KH1307	01-09-14	Trần Quốc Sỹ	17,720.0
335	Nông trường 2	73	135	N2LD5561	01-09-14	Trần Thị Gấm	1,956.0
	Nông trường 2	87	33b	N2LD5561	01-09-14	Trần Thị Gấm	2,000.0
	Nông trường 2	90	25b	N2LD5561	01-09-14	Trần Thị Gấm	6,411.0
	Nông trường 2	91	34	N2LD2896	01-09-14	Trần Thị Gấm	2,372.0
	Nông trường 2	94	63c	N2LD5561	01-09-14	Trần Thị Gấm	4,000.0
336	Nông trường 2	72	98	N2LD6754	01-09-14	Trần Thị Hiền (Biểu)	5,658.0
337	Nông trường 2	69	58	N2KH1177	01-09-14	Trần Thị Hoa (N)	15,809.0
	Nông trường 2	71	9	N2KH1177	01-09-14	Trần Thị Hoa (N)	4,553.0
	Nông trường 2	71	10	N2KH1177	01-09-14	Trần Thị Hoa (N)	106.0
	Nông trường 2	71	11	N2KH1177	01-09-14	Trần Thị Hoa (N)	10,808.0
	Nông trường 2	71	19	N2KH1177	01-09-14	Trần Thị Hoa (N)	838.0
	Nông trường 2	71	21	N2KH1177	01-09-14	Trần Thị Hoa (N)	436.0
	Nông trường 2	71	22	N2KH1177	01-09-14	Trần Thị Hoa (N)	7,089.0
	Nông trường 2	71	55	N2KH1177	01-09-14	Trần Thị Hoa (N)	3,178.0
	Nông trường 2	71	5a	N2KH1177	01-09-14	Trần Thị Hoa (N)	9,514.0
	Nông trường 2	72	56	N2KH1177	01-09-14	Trần Thị Hoa (N)	4,113.0
338	Nông trường 2	93	74	N2LD1237	01-09-14	Trần Thị Hoa (T)	12,873.0
	Nông trường 2	93	13a	N2LD1237	01-09-14	Trần Thị Hoa (T)	19,996.0
	Nông trường 2	94	24	N2LD1237	01-09-14	Trần Thị Hoa (T)	3,917.0
	Nông trường 2	94	25	N2LD1237	01-09-14	Trần Thị Hoa (T)	1,694.0
	Nông trường 2	94	28	N2LD1237	01-09-14	Trần Thị Hoa (T)	9,053.0
	Nông trường 2	107	30	N2LD1237	01-09-14	Trần Thị Hoa (T)	6,124.0
339	Nông trường 2	89	56	N2KH1293	01-09-14	Trần Thị Hồng	25,746.0
340	Nông trường 2	114	72	N2LD0049	01-09-14	Trần Thị Lượng	10,153.0
341	Nông trường 2	104	95	D6LD1269	01-08-11	Trần Thị Lượt	14,100.0
	Nông trường 2	104	104	D6LD1269	01-08-11	Trần Thị Lượt	2,800.0
	Nông trường 2	104	103a	D6LD1269	01-08-11	Trần Thị Lượt	800.0
342	Nông trường 2	93	73	N2KH0855	01-09-14	Trần Thị Mỹ	12,947.0
	Nông trường 2	103	36	N2KH0855	01-09-14	Trần Thị Mỹ	9,578.0
343	Nông trường 2	73	69	N2LD0220	01-08-11	Trần Thị Sinh	3,800.0
	Nông trường 2	73	70	N2LD0220	01-08-11	Trần Thị Sinh	2,900.0
	Nông trường 2	73	86	N2LD0220	01-08-11	Trần Thị Sinh	5,100.0
344	Nông trường 2	89	72	N2LD1249	01-09-14	Trần Thị Tấn	3,270.0
	Nông trường 2	103	61	N2LD1249	01-09-14	Trần Thị Tấn	7,804.0
	Nông trường 2	103	62	N2LD1249	01-09-14	Trần Thị Tấn	15,724.0
	Nông trường 2	103	81	N2LD1249	01-09-14	Trần Thị Tấn	1,507.0
345	Nông trường 2	89	8	N2LD1500	01-09-14	Trần Thị Vui	1,673.0
	Nông trường 2	89	26	N2LD1500	01-09-14	Trần Thị Vui	18,863.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	90	50	D5KH1500	01-08-11	Trần Thị Vui	8,700.0
	Nông trường 2	93	19	N2LD1500	01-09-14	Trần Thị Vui	2,118.0
	Nông trường 2	93	22	N2LD1500	01-09-14	Trần Thị Vui	14,030.0
346	Nông trường 2	94	108	N2LD0037	01-09-14	Trần Thị Xuân	17,412.0
347	Nông trường 2	103	47	N2KH2321	01-09-14	Trần Trung Kiên	8,404.0
	Nông trường 2	104	8	N2KH2321	01-09-14	Trần Trung Kiên	552.0
	Nông trường 2	104	13	N2KH2321	01-09-14	Trần Trung Kiên	3,034.0
	Nông trường 2	104	14	N2KH2321	01-09-14	Trần Trung Kiên	10,091.0
	Nông trường 2	104	16	N2KH2321	01-09-14	Trần Trung Kiên	7,130.0
	Nông trường 2	104	17	N2KH2321	01-09-14	Trần Trung Kiên	3,211.0
	Nông trường 2	104	18	N2KH2321	01-09-14	Trần Trung Kiên	1,151.0
	Nông trường 2	104	115	N2LD0058	01-09-14	Trần Trung Kiên	3,763.0
	Nông trường 2	104	85b	N2KH2321	01-09-14	Trần Trung Kiên	14,478.0
	Nông trường 2	108	22a	N2KH2321	01-09-14	Trần Trung Kiên	6,237.0
348	Nông trường 2	69	48	N2LD3032	01-09-14	Trần Trung Lý	7,036.0
	Nông trường 2	70	30b	N2LD3032	01-09-14	Trần Trung Lý	5,147.0
	Nông trường 2	72	25	N2LD3032	01-09-14	Trần Trung Lý	5,557.0
	Nông trường 2	72	31	N2LD3032	01-09-14	Trần Trung Lý	8,925.0
	Nông trường 2	72	91	N2LD3032	01-09-14	Trần Trung Lý	2,902.0
	Nông trường 2	91	70	D5LD3032	01-08-11	Trần Trung Lý	5,100.0
	Nông trường 2	91	72	D5LD3032	01-08-11	Trần Trung Lý	17,400.0
349	Nông trường 2	90	30	N2KH2229	01-09-14	Trần Trung Sinh	29,487.0
	Nông trường 2	93	20	N2KH2229	01-09-14	Trần Trung Sinh	27,230.0
350	Nông trường 2	94	83	N2KH1254	01-09-14	Trần Tuấn Cai	21,490.0
351	Nông trường 2	73	106	N2LD0035	01-08-11	Trần Văn Biểu	2,400.0
352	Nông trường 2	103	100a	N2LD0205	01-08-11	Trần Văn Hoàn	3,500.0
	Nông trường 2	104	90	N2LD0205	01-08-11	Trần Văn Hoàn	17,000.0
353	Nông trường 2	115	35	N2LD2152	01-09-14	Trần Văn Huân	18,753.0
354	Nông trường 2	69	64	N2LD0068	01-08-11	Trần Văn Hùng	3,600.0
	Nông trường 2	69	65	N2LD0068	01-08-11	Trần Văn Hùng	6,600.0
	Nông trường 2	109	3	N2LD0068	01-08-11	Trần Văn Hùng	3,600.0
355	Nông trường 2	69	68	N2KH1153	01-09-14	Trần Văn Luân	8,282.0
	Nông trường 2	69	74	N2KH1153	01-09-14	Trần Văn Luân	13,906.0
	Nông trường 2	69	82a	N2KH1153	01-09-14	Trần Văn Luân	975.0
	Nông trường 2	90	6	N2KH1153	01-09-14	Trần Văn Luân	14,936.0
356	Nông trường 2	103	70	N2LD6756	01-09-14	Trần Văn Nghinh	2,419.0
	Nông trường 2	103	89b	N2LD6756	01-09-14	Trần Văn Nghinh	3,000.0
	Nông trường 2	104	60	N2LD6756	01-09-14	Trần Văn Nghinh	2,895.0
	Nông trường 2	104	61	N2LD6756	01-09-14	Trần Văn Nghinh	2,974.0
	Nông trường 2	104	66	N2LD6756	01-09-14	Trần Văn Nghinh	2,476.0
	Nông trường 2	104	75	N2LD6756	01-09-14	Trần Văn Nghinh	3,840.0
	Nông trường 2	104	80	N2LD6756	01-09-14	Trần Văn Nghinh	3,972.0
357	Nông trường 2	71	61	N2KH2318	01-09-14	Trần Văn Toàn	6,625.0
	Nông trường 2	73	91	N2KH2318	01-09-14	Trần Văn Toàn	4,098.0
	Nông trường 2	76	150	D5KH2318	01-08-11	Trần Văn Toàn	15,536.0
358	Nông trường 2	92	9b	N2LD3571	01-09-14	Trần Xuân Kiên	10,310.0
	Nông trường 2	93	21	N2LD3571	01-09-14	Trần Xuân Kiên	3,020.0
	Nông trường 2	93	28	N2LD3571	01-09-14	Trần Xuân Kiên	8,525.0

STT hộ khoán	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
359	Nông trường 2	108	36	N2LD1507	01-09-14	Trần Xuân Kiều	12,649.0
	Nông trường 2	114	43	N2LD1507	01-09-14	Trần Xuân Kiều	3,126.0
	Nông trường 2	114	55	N2LD1507	01-09-14	Trần Xuân Kiều	2,915.0
	Nông trường 2	114	61	N2LD1507	01-09-14	Trần Xuân Kiều	4,810.0
	Nông trường 2	114	62	N2LD1507	01-09-14	Trần Xuân Kiều	16,690.0
	Nông trường 2	114	56b	N2LD1507	01-09-14	Trần Xuân Kiều	11,616.0
360	Nông trường 2	70	45	N2LD2998	01-09-14	Trần Xuân Quyết	21,030.0
	Nông trường 2	70	47	N2LD2998	01-09-14	Trần Xuân Quyết	2,278.0
	Nông trường 2	70	48b	N2LD2998	01-09-14	Trần Xuân Quyết	1,191.0
361	Nông trường 2	102	29	D6KH1275	01-08-11	Trịnh Bá Thái	6,100.0
	Nông trường 2	103	103	D6KH1275	01-08-11	Trịnh Bá Thái	7,600.0
	Nông trường 2	108	34	D6KH1275	01-08-11	Trịnh Bá Thái	6,600.0
	Nông trường 2	108	35	D6KH1275	01-08-11	Trịnh Bá Thái	3,500.0
	Nông trường 2	108	37	D6KH1275	01-08-11	Trịnh Bá Thái	21,500.0
362	Nông trường 2	108	49	N2LD0063	01-09-14	Trịnh Bá Thành	17,273.0
	Nông trường 2	109	39	N2LD0063	01-09-14	Trịnh Bá Thành	8,102.0
363	Nông trường 2	90	83	D6KH1539	01-08-11	Trịnh Bá Thịnh	8,928.0
	Nông trường 2	90	87	D6KH1539	01-08-11	Trịnh Bá Thịnh	6,950.0
	Nông trường 2	90	97	D6KH1539	01-08-11	Trịnh Bá Thịnh	10,022.0
	Nông trường 2	102	133	D6KH1539	01-08-11	Trịnh Bá Thịnh	9,400.0
	Nông trường 2	103	49	D6KH1539	01-08-11	Trịnh Bá Thịnh	2,100.0
	Nông trường 2	109	76	D6KH1539	01-08-11	Trịnh Bá Thịnh	1,300.0
	Nông trường 2	109	90a1	D6KH1539	01-08-11	Trịnh Bá Thịnh	7,000.0
364	Nông trường 2	70	43b	D5LD5557	01-08-11	Trịnh Đình Tuấn	1,200.0
	Nông trường 2	73	71	D5LD5557	01-08-11	Trịnh Đình Tuấn	1,800.0
	Nông trường 2	73	72	D5LD5557	01-08-11	Trịnh Đình Tuấn	400.0
	Nông trường 2	73	81b	D5LD5557	01-08-11	Trịnh Đình Tuấn	11,600.0
	Nông trường 2	90	29	D5LD5557	01-08-11	Trịnh Đình Tuấn	2,900.0
365	Nông trường 2	92	29	N2LD2896	01-09-14	Trịnh Ngọc Diệu	21,622.0
	Nông trường 2	108	10	N2LD0046	01-09-14	Trịnh Ngọc Diệu	5,387.0
366	Nông trường 2	102	111	N2LD0228	01-08-11	Trịnh Ngọc Thiết	600.0
367	Nông trường 2	69	87a	N2KH1161	01-09-14	Trịnh Ngọc Thịnh	14,011.0
	Nông trường 2	70	39	N2KH1161	01-09-14	Trịnh Ngọc Thịnh	5,702.0
368	Nông trường 2	90	71	N2KH2314	01-09-14	Trịnh Thị Hà	20,195.0
	Nông trường 2	90	84	N2LD2896	01-09-14	Trịnh Thị Hà	2,308.0
	Nông trường 2	93	33b	N2KH2314	01-09-14	Trịnh Thị Hà	10,000.0
369	Nông trường 2	93	2	N2LD2896	01-09-14	Trịnh Thị Mây	6,702.0
	Nông trường 2	93	30a	N2KH1298	01-09-14	Trịnh Thị Mây	13,000.0
	Nông trường 2	103	94	N2KH1298	01-09-14	Trịnh Thị Mây	12,707.0
	Nông trường 2	103	95a	N2KH1298	01-09-14	Trịnh Thị Mây	10,391.0
370	Nông trường 2	72	88	N2KH1187	01-09-14	Trịnh Thị Nhi	15,686.0
	Nông trường 2	72	102	N2KH1187	01-09-14	Trịnh Thị Nhi	6,069.0
	Nông trường 2	73	89	N2KH1187	01-09-14	Trịnh Thị Nhi	10,656.0
	Nông trường 2	93	11	N2KH1187	01-09-14	Trịnh Thị Nhi	11,548.0
	Nông trường 2	94	8	D5KH1187	01-08-11	Trịnh Thị Nhi	1,400.0
	Nông trường 2	94	11	N2KH1187	01-09-14	Trịnh Thị Nhi	24,230.0
	Nông trường 2	72	89	D5KH1187	01-08-11	Trịnh Thị Nhi	10,700.0
371	Nông trường 2	94	51	N2LD2897	01-08-11	Trịnh Thị Nụ	900.0

STT hộ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	94	58	N2LD2897	01-08-11	Trịnh Thị Nụ	5,900.0
	Nông trường 2	105	15a	N2LD2897	01-08-11	Trịnh Thị Nụ	11,200.0
	Nông trường 2	69	71	N2LD2897	01-08-11	Trịnh Thị Nụ	11,000.0
	Nông trường 2	94	69	N2LD2897	01-08-11	Trịnh Thị Nụ	1,100.0
372	Nông trường 2	72	53	N2LD5556	01-08-11	Trịnh Thị Oanh (Q, Huy)	3,400.0
373	Nông trường 2	103	27	D6LD6695	01-08-11	Trịnh Thị Tâm	4,600.0
	Nông trường 2	103	46	D6LD6695	01-08-11	Trịnh Thị Tâm	2,300.0
	Nông trường 2	102	45	D6LD6695	01-08-11	Trịnh Thị Tâm	1,600.0
374	Nông trường 2	102	92	N2KH1314	01-09-14	Trịnh Thị Tru	7,975.0
	Nông trường 2	102	103	N2KH1314	01-09-14	Trịnh Thị Tru	9,091.0
	Nông trường 2	103	116	N2KH1314	01-09-14	Trịnh Thị Tru	4,000.0
	Nông trường 2	108	1	N2KH1314	01-09-14	Trịnh Thị Tru	3,389.0
	Nông trường 2	108	2	N2KH1314	01-09-14	Trịnh Thị Tru	2,347.0
	Nông trường 2	108	3	N2KH1314	01-09-14	Trịnh Thị Tru	25,332.0
	Nông trường 2	109	21a	N2KH1314	01-09-14	Trịnh Thị Tru	1,700.0
375	Nông trường 2	69	33	N2KH1526	01-09-14	Trịnh Xuân Trường	12,515.0
	Nông trường 2	69	34	D6KH1526	01-08-11	Trịnh Xuân Trường	3,000.0
	Nông trường 2	104	58	N2KH1526	01-09-14	Trịnh Xuân Trường	7,189.0
	Nông trường 2	109	102a	N2KH1526	01-09-14	Trịnh Xuân Trường	8,150.0
376	Nông trường 2	93	25	N2LD6711	01-09-14	Trương Duy Cường	7,533.0
	Nông trường 2	104	56	N2LD6711	01-09-14	Trương Duy Cường	4,878.0
	Nông trường 2	104	57	N2LD6711	01-09-14	Trương Duy Cường	1,038.0
	Nông trường 2	104	59	N2LD6711	01-09-14	Trương Duy Cường	3,995.0
	Nông trường 2	114	29	N2LD6711	01-09-14	Trương Duy Cường	3,092.0
377	Nông trường 2	100	77C	D5KH2307	01-08-11	Trương Hoàng Minh	9,431.0
	Nông trường 2	111	69+71A	D5KH2307	01-08-11	Trương Hoàng Minh	19,228.0
378	Nông trường 2	73	138	N2LD6753	01-09-14	Trương Thị Đào	11,491.0
	Nông trường 2	89	7	N2LD6753	01-09-14	Trương Thị Đào	5,986.0
	Nông trường 2	89	9	N2LD6753	01-09-14	Trương Thị Đào	6,320.0
	Nông trường 2	91	33	N2LD2896	01-09-14	Trương Thị Đào	18,082.0
379	Nông trường 2	93	46	N2LD1295	01-09-14	Trương Thị Hương	14,913.0
	Nông trường 2	94	84	N2LD1295	01-09-14	Trương Thị Hương	2,593.0
380	Nông trường 2	104	83	N2LD1488	01-09-14	Trương Thị Miên	11,210.0
	Nông trường 2	94	1	D6KH1488	01-08-11	Trương Thị Miên	3,000.0
381	Nông trường 2	108	94	N2LD6773	01-09-14	Trương Thị Thắm	23,600.0
	Nông trường 2	108	95	N2LD6773	01-09-14	Trương Thị Thắm	8,851.0
382	Nông trường 2	69	102	N2LD6759	01-09-14	Trương Thị Vui	7,588.0
	Nông trường 2	69	103	N2LD6759	01-09-14	Trương Thị Vui	2,967.0
383	Nông trường 2	70	48a	N2KH1543	01-09-14	Trương Văn Anh	20,000.0
384	Nông trường 2	71	34	N2LD6698	01-09-14	Trương Văn Thạo	944.0
	Nông trường 2	71	35	N2LD6698	01-09-14	Trương Văn Thạo	676.0
	Nông trường 2	71	47	N2LD6698	01-09-14	Trương Văn Thạo	1,043.0
	Nông trường 2	71	48	N2LD6698	01-09-14	Trương Văn Thạo	18,260.0
	Nông trường 2	89	88a	N2LD6698	01-09-14	Trương Văn Thạo	1,500.0
	Nông trường 2	93	4	N2LD2896	01-09-14	Trương Văn Thạo	18,338.0
	Nông trường 2	102	93	N2LD6698	01-09-14	Trương Văn Thạo	5,639.0
	Nông trường 2	102	100	N2LD6698	01-09-14	Trương Văn Thạo	7,057.0
	Nông trường 2	103	29	N2LD6698	01-09-14	Trương Văn Thạo	10,487.0

STT hộ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	108	108	N2LD6698	01-09-14	Trương Văn Thao	6,299.0
	Nông trường 2	108	109	N2LD6698	01-09-14	Trương Văn Thao	5,097.0
385	Nông trường 2	94	109	N2LD6728	01-09-14	Trương Văn Tho	1,002.0
	Nông trường 2	103	8	N2LD6728	01-09-14	Trương Văn Tho	2,884.0
	Nông trường 2	107	16	N2LD6728	01-09-14	Trương Văn Tho	6,546.0
	Nông trường 2	107	33	N2LD6728	01-09-14	Trương Văn Tho	9,678.0
	Nông trường 2	107	34	N2LD6728	01-09-14	Trương Văn Tho	4,719.0
	Nông trường 2	107	45	N2LD6728	01-09-14	Trương Văn Tho	2,001.0
386	Nông trường 2	102	98	N2LD6701	01-09-14	Trương Viết Quy	3,420.0
	Nông trường 2	102	121	N2LD6701	01-09-14	Trương Viết Quy	5,728.0
387	Nông trường 2	89	87b	N2LD3568	01-09-14	Trương Xuân Thù	8,000.0
388	Nông trường 2	89	100	N2LD1051	01-09-14	Võ Thị Châu	3,566.0
	Nông trường 2	89	101	D6KH1051	01-08-11	Võ Thị Châu	2,700.0
	Nông trường 2	93	16	N2LD1051	01-09-14	Võ Thị Châu	5,812.0
389	Nông trường 2	71	38	N2KH1179	01-09-14	Võ Văn Hồng	9,840.0
	Nông trường 2	76	151b	N2KH1179	01-09-14	Võ Văn Hồng	4,240.0
	Nông trường 2	89	10a	N2KH1179	01-09-14	Võ Văn Hồng	7,194.0
	Nông trường 2	90	2	N2KH1179	01-09-14	Võ Văn Hồng	21,311.0
	Nông trường 2	90	12	N2KH1179	01-09-14	Võ Văn Hồng	9,880.0
	Nông trường 2	90	15	N2KH1179	01-09-14	Võ Văn Hồng	11,543.0
390	Nông trường 2	103	85	N2LD0182	01-09-14	Võ Văn Nghiệp	10,174.0
391	Nông trường 2	94	87	N2KH1277	01-09-14	Vũ Đức Tuấn	11,983.0
	Nông trường 2	94	33b	N2KH1277	01-09-14	Vũ Đức Tuấn	4,411.0
	Nông trường 2	102	56	N2KH1277	01-09-14	Vũ Đức Tuấn	2,993.0
	Nông trường 2	102	57	N2KH1277	01-09-14	Vũ Đức Tuấn	10,545.0
392	Nông trường 2	89	39	N2LD1617	01-09-14	Vũ Minh Tâm	5,480.0
	Nông trường 2	89	46	N2LD1617	01-09-14	Vũ Minh Tâm	23,572.0
	Nông trường 2	89	38b	D6LD1617	01-08-11	Vũ Minh Tâm	17,220.0
393	Nông trường 2	94	107	N2LD6746	01-09-14	Vũ Ngọc Chuân	29,154.0
	Nông trường 2	94	64b	N2LD6746	01-09-14	Vũ Ngọc Chuân	14,328.0
	Nông trường 2	104	25	N2LD6746	01-09-14	Vũ Ngọc Chuân	14,433.0
394	Nông trường 2	102	102	D6LD6699	01-08-11	Vũ Thị Chiến (Lục)	5,700.0
	Nông trường 2	102	118	D6LD6699	01-08-11	Vũ Thị Chiến (Lục)	6,100.0
	Nông trường 2	108	21	D6LD6699	01-08-11	Vũ Thị Chiến (Lục)	3,800.0
	Nông trường 2	108	42	D6LD6699	01-08-11	Vũ Thị Chiến (Lục)	2,600.0
395	Nông trường 2	73	56	N2LD6757	01-09-14	Vũ Thị Liệp	5,382.0
	Nông trường 2	93	78	N2LD6757	01-09-14	Vũ Thị Liệp	22,901.0
396	Nông trường 2	89	44	N2LD1220	01-09-14	Vũ Thị Loan	13,341.0
	Nông trường 2	105	12	N2LD1220	01-09-14	Vũ Thị Loan	7,140.0
	Nông trường 2	105	15b	N2LD1220	01-09-14	Vũ Thị Loan	4,000.0
	Nông trường 2	109	24	N2LD1220	01-09-14	Vũ Thị Loan	6,948.0
397	Nông trường 2	104	24	N2LD5366	01-09-14	Vũ Thị Minh	2,907.0
398	Nông trường 2	89	88b	N2LD0085	01-09-14	Vũ Văn Chung	9,988.0
	Nông trường 2	114	70a	N2LD0085	01-09-14	Vũ Văn Chung	4,531.0
399	Nông trường 2	70	34	N2KH1525	01-09-14	Vũ Văn Tri	10,650.0
	Nông trường 2	70	44	N2KH1525	01-09-14	Vũ Văn Tri	4,181.0
	Nông trường 2	93	30c	N2KH1525	01-09-14	Vũ Văn Tri	11,000.0
	Nông trường 2	109	26	N2KH1525	01-09-14	Vũ Văn Tri	2,770.0

STT hộ khoản	Đơn vị	Hợp đồng năm 2011 đến 2017 (Nghị định 135)					
		Số tờ bản đồ địa chính	Số thửa đất	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Họ tên	Diện tích Giao khoán (m2)
	Nông trường 2	109	37	N2KH1525	01-09-14	Vũ Văn Tri	9,981.0
400	Nông trường 2	103	18	D6LD2880	01-08-11	Vũ Văn Tụ	4,000.0
	Nông trường 2	104	48	D6LD2880	01-08-11	Vũ Văn Tụ	9,900.0
	Nông trường 2	104	78	D6LD2880	01-08-11	Vũ Văn Tụ	4,900.0
	Nông trường 2	108	9	D6LD2880	01-08-11	Vũ Văn Tụ	2,500.0
401	Nông trường 2	94	53	D6LD6670	01-08-11	Vũ Xuân Đô	3,600.0
	Nông trường 2	102	40	D6LD6670	01-08-11	Vũ Xuân Đô	1,200.0
	Nông trường 2	102	41	D6LD6670	01-08-11	Vũ Xuân Đô	4,600.0
	Nông trường 2	102	43	D6LD6670	01-08-11	Vũ Xuân Đô	800.0
	Nông trường 2	102	54	D6LD6670	01-08-11	Vũ Xuân Đô	6,800.0
402	Nông trường 2	72	61a	N2KH2729	01-09-14	Vũ Xuân Hải	34,397.0
403	Nông trường 2	102	42	N2KH1312	01-09-14	Vũ Xuân Tín	34,038.0
	Nông trường 2	102	53	N2KH1312	01-09-14	Vũ Xuân Tín	2,934.0
	Nông trường 2	102	58	N2KH1312	01-09-14	Vũ Xuân Tín	985.0
	Nông trường 2	102	70	N2KH1312	01-09-14	Vũ Xuân Tín	19,850.0